

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG  
CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP**

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ  
CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA**

**ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN HÀ TRUNG, HUYỆN HOÀNG HÓA, HUYỆN  
TRIỆU SƠN, HUYỆN THIỆU HÓA VÀ HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH  
THANH HÓA**

**ĐẠI DIỆN CHỦ DỰ ÁN**

**Thanh Hóa, tháng 08 năm 2024**

## MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ.....	4
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
1. Tên chủ dự án đầu tư.....	6
2. Tên dự án đầu tư: .....	6
2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:.....	6
2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):.....	11
2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có): .....	12
2.4. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): .....	12
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:.....	12
3.1. Công suất của dự án đầu tư:.....	12
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: .....	13
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: .....	15
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư .....	15
4.1. Nhu cầu về máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động tại Trung tâm y tế huyện .....	15
4.2. Nhu cầu sử dụng vật tư, hóa chất sử dụng cho hoạt động khám và chữa bệnh của Trung tâm y tế.....	17
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có): .....	23
CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	25
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có).....	25
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có).....	25
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....	26
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có).....	26
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	26
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	26
1.3. Xử lý nước thải: .....	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	35
2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông .....	36

2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm .....	36
2.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải của trung tâm y tế.....	37
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường: .....	38
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại: .....	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):.....	42
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành: .....	42
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có): .....	46
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có): Không.....	47
<b>CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>48</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có): .....	48
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): .....	54
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có): .....	54
4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải.....	57
<b>CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .....</b>	<b>60</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án: .....	60
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	60
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ .....	60
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải .....	60
<b>CHƯƠNG 6. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ .....</b>	<b>61</b>

## **DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên ký hiệu</b>
BVMT	Bảo vệ Môi trường
CTNH	Chất thải nguy hại
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	Tiêu chuẩn quốc gia
UBND	Ủy ban nhân dân
HTXL	Hệ thống xử lý



## DANH MỤC CÁC BẢNG, CÁC HÌNH VẼ

Bảng 1.1. Tọa độ giới hạn khu đất dự án.....	6
Bảng 1.2. Tọa độ giới hạn khu đất dự án.....	7
Bảng 1.3. Tọa độ giới hạn khu đất dự án.....	8
Bảng 1.4. Tọa độ giới hạn khu đất dự án.....	9
Bảng 1.5. Tọa độ giới hạn khu đất dự án.....	11
Bảng 1.6. Bảng thông kê thiết bị, máy móc sử dụng mua mới tại các Trung tâm .....	15
Bảng 1.7. Vật tư, hóa chất tiêu hoa dự kiến sử dụng hàng năm của Trung tâm y tế.....	17
Bảng 1.8. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt và khám chữa bệnh của các trung tâm y tế .....	21
Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và khám chữa bệnh của các trung tâm y tế.....	21
Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước tưới cây, rửa đường của các trung tâm y tế.....	22
Bảng 1.11. Lưu lượng nước cấp cho hoạt động của các trung tâm .....	23
Bảng 3.1. Lượng nước thải từ hoạt động của Trung tâm y tế.....	26
Bảng 3.2. Các máy móc thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của trung tâm y tế.....	32
Bảng 3.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh tại các Trung tâm y tế (dự kiến) .....	38
Bảng 3.4. Chất thải nguy hại phát sinh tại các Trung tâm y tế huyện khối lượng (dự kiến) .....	40
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	48
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	50
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	51
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	52
Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải .....	53
Bảng 4.6. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc .....	54
Bảng 4.7. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc.....	54
Bảng 4.8. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc .....	55
Bảng 4.9. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc.....	55
Bảng 4.10. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc .....	56
Bảng 4.11. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc.....	56
Bảng 4.12. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc .....	56
Bảng 4.13. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc.....	56
Bảng 4.14. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc .....	57
Bảng 4.15. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc.....	57
Bảng 4.16. Khối lượng chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên ở Trung tâm Y tế .....	58
Bảng 4.17. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh ở Trung tâm (dự kiến) .....	59
Hình 1.1. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Hà Trung.....	7
Hình 1.2. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Hoàng Hóa .....	8
Hình 1.3. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Triệu Sơn .....	9
Hình 1.4. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Thiệu Hóa .....	10

Hình 1.5. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Yên Định .....	11
Hình 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Trung tâm y tế .....	27
Hình 3.2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của hệ thống XLNT tập trung .....	29
Hình 3.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm Y tế .....	35

# CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

## 1. Tên chủ dự án đầu tư

### BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP

- Địa chỉ văn phòng: Tầng 3 trụ sở hợp khối các đơn vị sự nghiệp, đường Lý Nam Đế, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Thanh Hoá.

- Người đại diện: Nguyễn Đình Hưng Chức vụ: Phó Giám đốc

- Số điện thoại: 0932316822

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa được thành lập theo Quyết định số 4099/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

## 2. Tên dự án đầu tư:

### DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA

#### 2.1. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

- *Trung tâm y tế huyện Hà Trung* tại thôn Phú Nham, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung; Diện tích đất được quy hoạch xây dựng trụ sở là 3.914,27 m<sup>2</sup>, được phê duyệt quy hoạch theo quyết định số 4994/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

+ Phía Bắc và Đông giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Nam giáp tuyến đường quy hoạch;

+ Phía Tây giáp tuyến đường quy hoạch.

- Ranh giới quy hoạch của Dự án được xác định theo Tọa độ theo VN 2000 như sau:

*Bảng 1.1. Tọa độ giới hạn khu đất dự án*

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X	Y
M1	2212715.1689	589599.9902
M2	2212783.3651	589630.0299
M3	2212781.6794	589556.4617
M4	2212746.6105	589541.0148
M5	2212740.0192	589543.5750



Hình 1.1. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Hà Trung

- **Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa** là khu đất xây dựng cũ của Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa và phần diện tích đất mở rộng tại xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa; Tổng diện tích đang được giao quản lý, sử dụng 2.440,71 m<sup>2</sup>, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN:CT00157), quyết định giao đất (QĐ số 1983/QĐ-UBND ngày 22/6/2011), có sơ đồ trích thửa (số 145/TLBĐ, tỷ lệ 1/1000 ngày 25/5/2011). Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

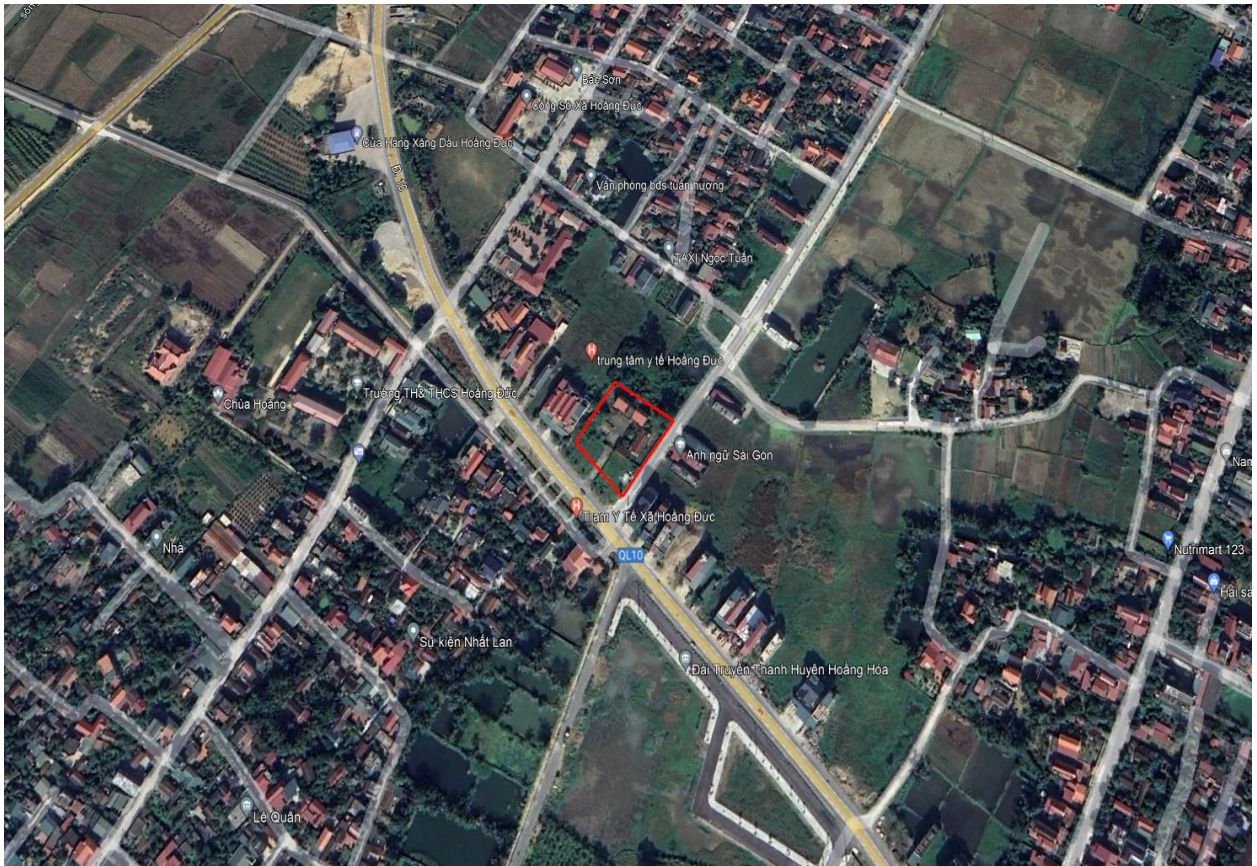
- + Phía Bắc và Tây giáp khu dân cư;
- + Phía Nam giáp đường Quốc lộ 10;
- + Phía Đông giáp tuyến đường bê tông.

- Ranh giới quy hoạch của Dự án được xác định theo Tọa độ theo VN 2000 như sau:

Bảng 1.2. Tọa độ giới hạn khu đất dự án

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>o</sup> )	
	X	Y
M1	2197548.5100	588675.6840
M2	2197539.8370	588723.8390
M3	2197502.4000	588713.7950
M4	2197484.4810	588708.9880
M5	2197502.7290	588665.8660
M6	2197510.9460	588667.2600





*Hình 1.2. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Hoàng Hóa*

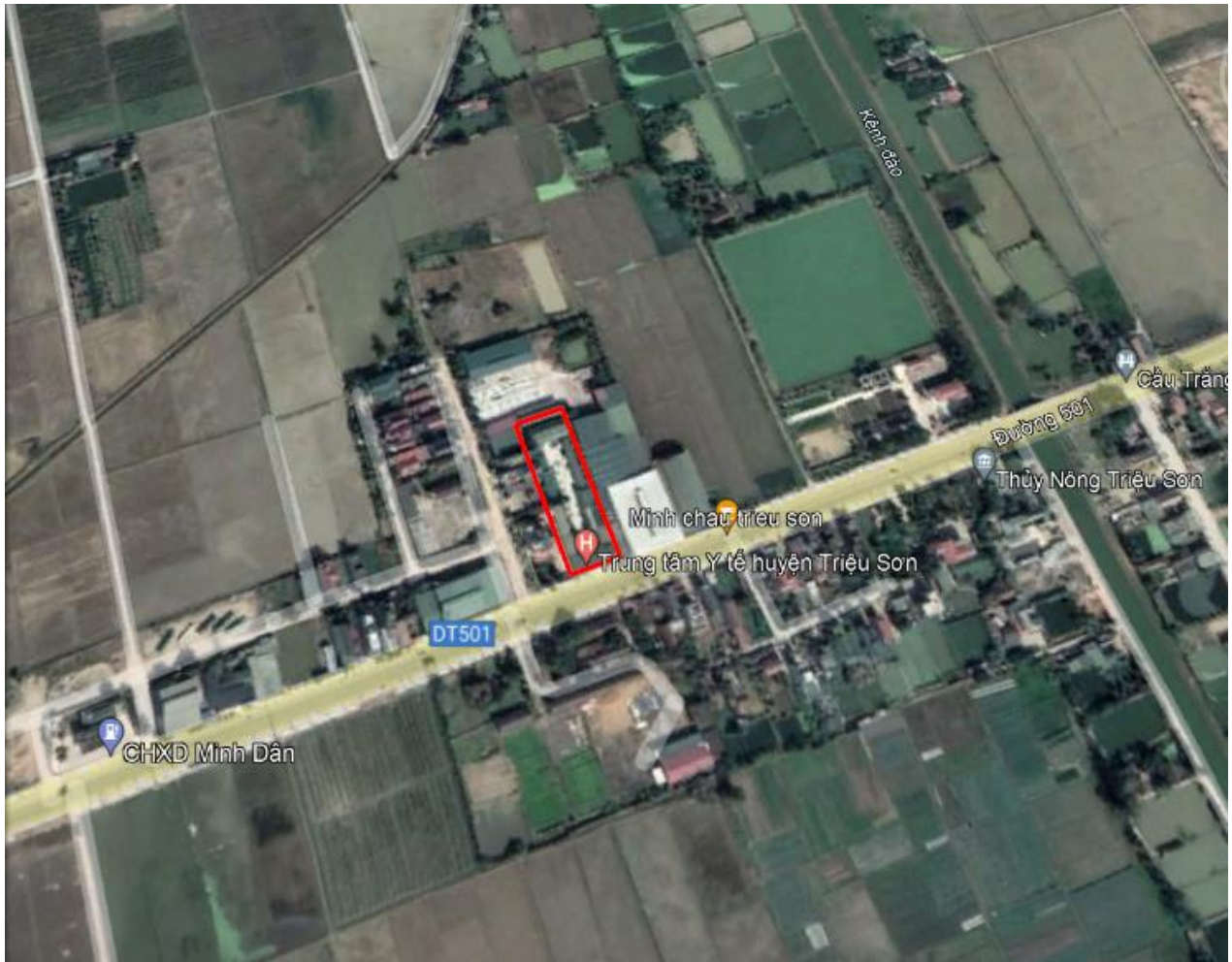
- **Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn** tại phố Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn - Là khu đất xây dựng cũ của của Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn. Phần đất được quy hoạch và cấp đất xây dựng trụ sở mới có diện tích 3.025m<sup>2</sup>. Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Bắc, Đông và Tây: giáp khu nhà xưởng;
- + Phía Nam: giáp quốc lộ 47B;
- + Phía Đông: giáp khu nhà xưởng;
- + Phía Tây: giáp khu nhà xưởng.

- Ranh giới quy hoạch của Dự án được xác định theo Tọa độ theo VN 2000 như sau:

*Bảng 1.3. Tọa độ giới hạn khu đất dự án*

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X	Y
M1	2193107.3180	565217.8970
M2	2193200.8751	565180.4212
M3	2193189.7194	565152.5742
M4	2193095.9646	565190.0242



Hình 1.3. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Triệu Sơn

- **Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa** tại tiểu khu Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa; Phần đất được quy hoạch và cấp đất xây dựng trụ sở mới có diện tích 4.100m<sup>2</sup>.  
Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

- + Phía Bắc: giáp đường bê tông;
- + Phía Nam và phía Tây giáp đường dân sinh;
- + Phía Đông: giáp đất nông nghiệp.

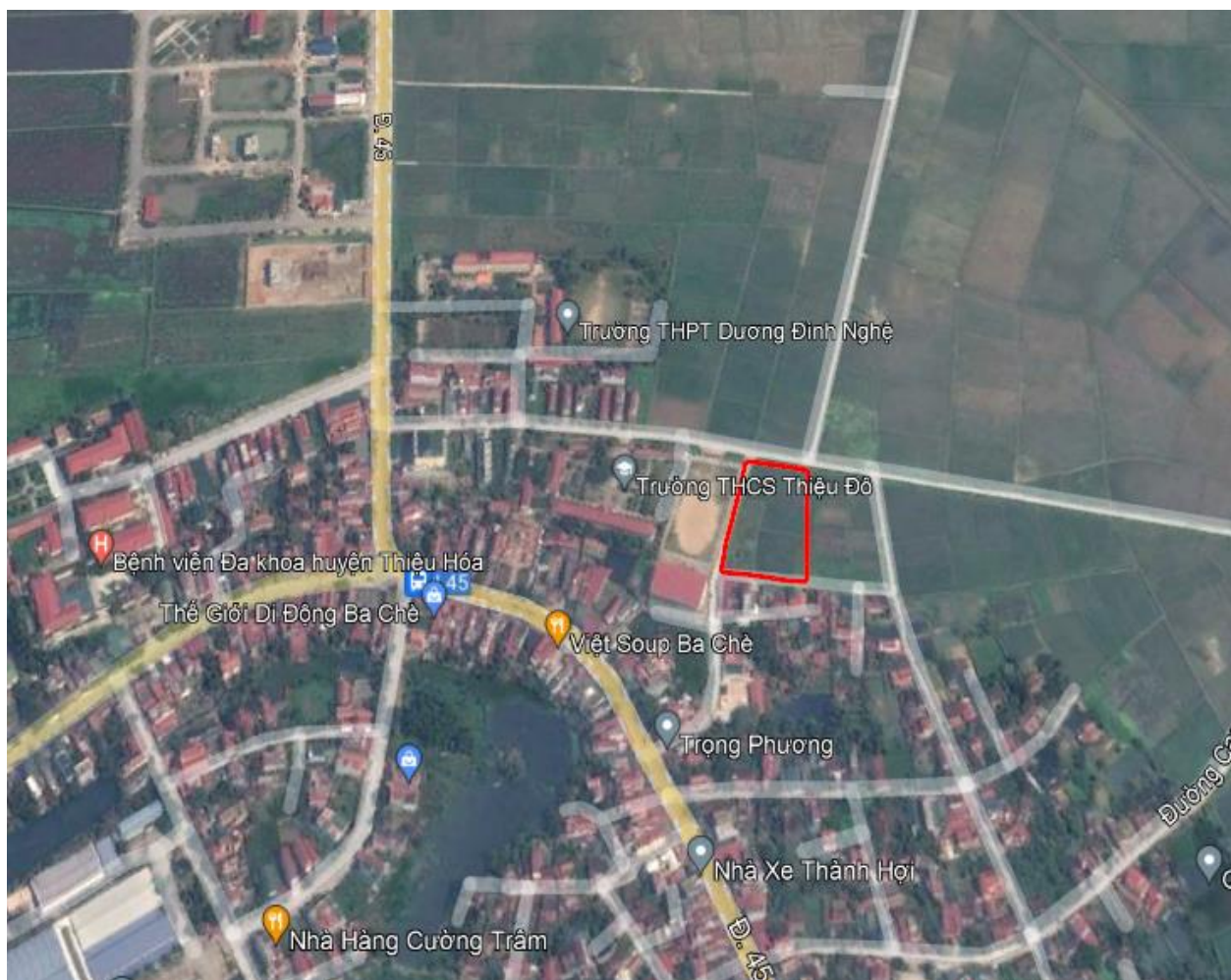
- Ranh giới quy hoạch của Dự án được xác định theo Tọa độ theo VN 2000 như sau:

Bảng 1.4. Tọa độ giới hạn khu đất dự án

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X	Y
M1	2197618.9400	571155.3200
M2	2197614.4000	571166.1400
M3	2197605.1300	571186.7400
M4	2197600.1400	571196.1500
M5	2197579.1200	571188.5900
M6	2197559.8200	571182.7300
M7	2197547.5300	571178.5200



Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X	Y
M8	2197537.9200	571175.5900
M9	2197525.8900	571171.9700
M10	2197530.3700	571158.2700
M11	2197534.0400	571150.8100
M12	2197541.4700	571133.3200
M13	2197547.8640	571116.0770
M14	2197566.6900	571125.0500
M15	2197598.4900	571144.2900



*Hình 1.4. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Thiệu Hóa*

**- Trung tâm y tế huyện Yên Định** tại khu phố Ngọc Sơn, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định. Phần đất được quy hoạch và cấp đất xây dựng trụ sở mới có diện tích 2.590,4m<sup>2</sup>. Ranh giới tiếp giáp của dự án như sau:

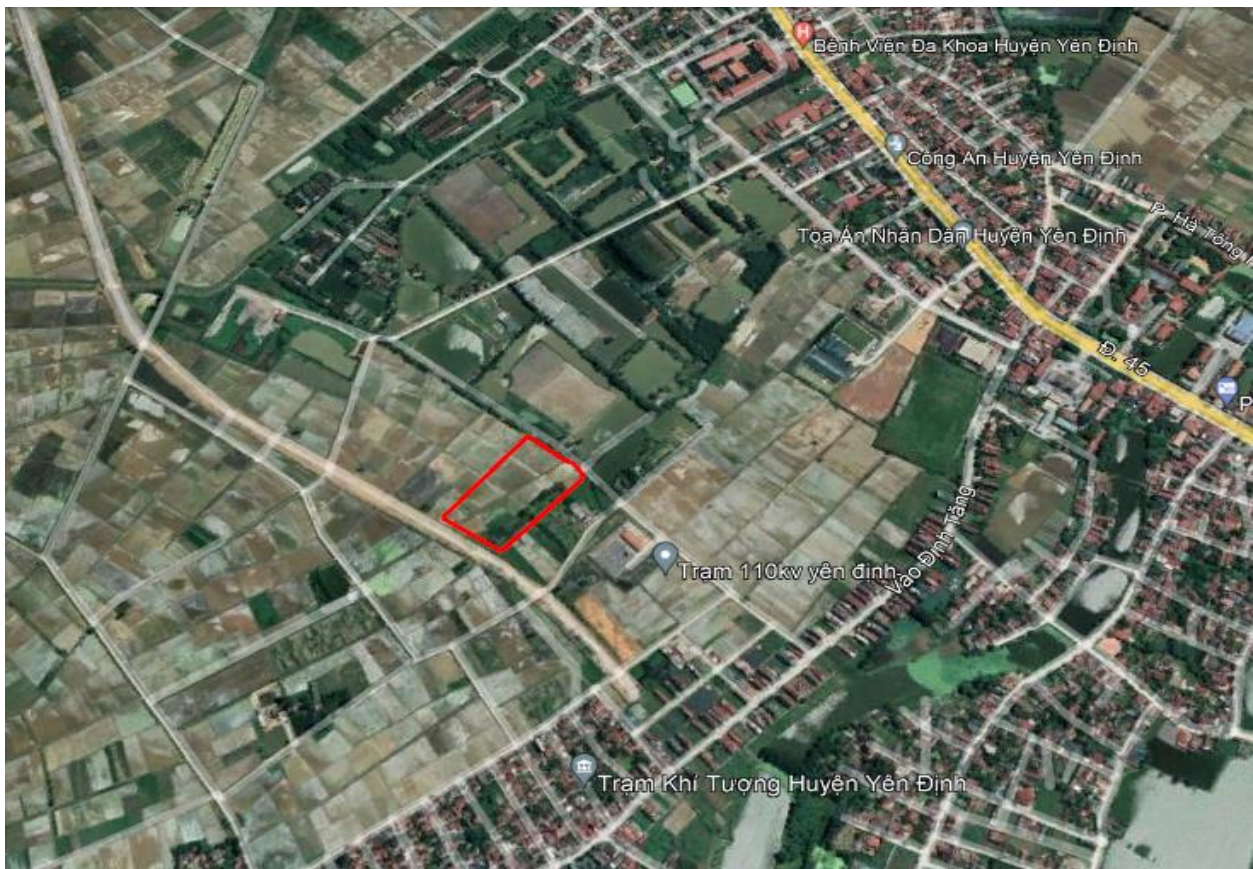
- + Phía Bắc: giáp đất nông nghiệp;
- + Phía Nam: giáp đường quy hoạch;
- + Phía Đông: giáp đất nông nghiệp;

+ Phía Tây: giáp đất nông nghiệp.

- Ranh giới quy hoạch của Dự án được xác định theo Tọa độ theo VN 2000 như sau:

*Bảng 1.5. Tọa độ giới hạn khu đất dự án*

Điểm góc	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 <sup>0</sup> )	
	X	Y
M1	2209127.36	566862.62
M2	2209180.89	566911.81
M3	2209147.65	566965.33
M4	2209094.12	566916.14



*Hình 1.5. Vị trí khu đất thực hiện dự án tại Yên Định*

## **2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư (nếu có):**

- Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của về chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa” của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa;

- Nghị quyết số 341/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa” của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.



### **2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):**

Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM số 974/QĐ-UBND ngày 27/03/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa; hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

### **2.4. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

- Quy mô của Dự án: Tổng mức đầu tư của dự án là khoảng 150 tỷ đồng. Căn cứ tại khoản 3, Điều 9 của Luật đầu tư công và phụ lục I, Nghị định 40/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công: Cơ sở phân loại dự án nhóm B (tổng mức đầu tư từ 60 tỷ đến dưới 1.000 tỷ đồng).

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Dự án thuộc nhóm II, thuộc mục số 2, Phụ lục IV Nghị định 08/2022/NĐ-CP; Căn cứ khoản 3, điều 41, Luật bảo vệ môi trường 2020. Dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh Thanh Hóa.

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư:**

#### **3.1. Công suất của dự án đầu tư:**

##### **3.1.1. Quy mô xây dựng**

Dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa” có quy mô như sau:

- Về quy mô xây dựng các hạng mục công trình theo Nghị quyết số 341/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa”:

+ Xây dựng khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ Trung tâm y tế các huyện Hà Trung, Thiệu Hóa, Yên Định, gồm: 03 phòng (hành chính tổng hợp; Phòng Truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Phòng Khám đa khoa); 04 khoa (Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV-AIDS; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm – Y tế công cộng và Dinh dưỡng; Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Cận lâm sàng); 01 cơ sở điều trị Methadone. Quy mô công trình từ 03-04 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng mỗi đơn vị khoảng 2130m<sup>2</sup>.

+ Trung tâm y tế huyện Hoằng Hóa: Cải tạo hạng mục nhà khám chữa bệnh và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

+ Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn: Cải tạo hạng mục nhà hội trường, khối hành chính nhà A4 và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

+ Xây dựng khối phụ trợ của 05 Trung tâm y tế huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Thiệu Hóa và Yên Định gồm: Nhà bảo vệ 01 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 10m<sup>2</sup>; Nhà để xe ô tô 01 tầng phục vụ cho 03 xe, tổng diện tích sàn xây dựng 75m<sup>2</sup>; Nhà để xe máy cho cán bộ, nhân viên và bệnh nhân 01 tầng diện tích 200m<sup>2</sup>; hạ tầng kỹ thuật; bể nước sinh hoạt kết hợp với phòng cháy chữa cháy, trạm bơm, bể xử lý nước thải; sân đường cây xanh, công tường rào.

+ Mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Thiệu Hóa và Yên Định.

### 3.1.2. Quy mô hoạt động của dự án

- Các Trung tâm Y tế đều là đơn vị xếp hạng III theo quyết định số: 4724/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của Chủ tịch UBND Tỉnh Thanh Hóa.

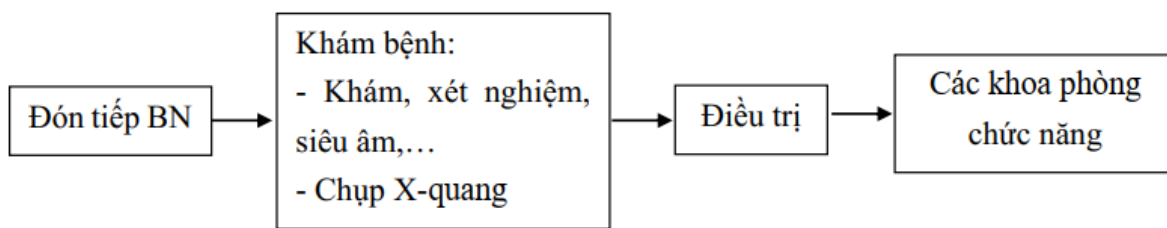
- Với số lượng cán bộ công nhân viên cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	Số người lao động tại trung tâm y tế huyện				
		Hà Trung	Hoằng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
1	Bác sỹ	05	10	17	12	11
2	YTCC	02	3	02	-	10
3	Y sỹ	11	13	9	04	6
4	Điều dưỡng	02	10	03	10	06
5	Hộ sinh	01	-	-	02	01
6	Kỹ thuật y	03	01	02	01	02
7	Dược sỹ	02	02	03	03	02
8	Dân số viên	07	-	04	06	-
9	Kế toán viên	03	05	04	02	-
10	Hợp đồng 68 (lái xe)	01	-	01	01	-
11	Văn thư	-	-	01	-	-
12	Công nghệ thông tin	-	-	01	-	-
13	Khác	04	03	-	01	9
<b>Tổng</b>		<b>41</b>	<b>49</b>	<b>47</b>	<b>42</b>	<b>47</b>

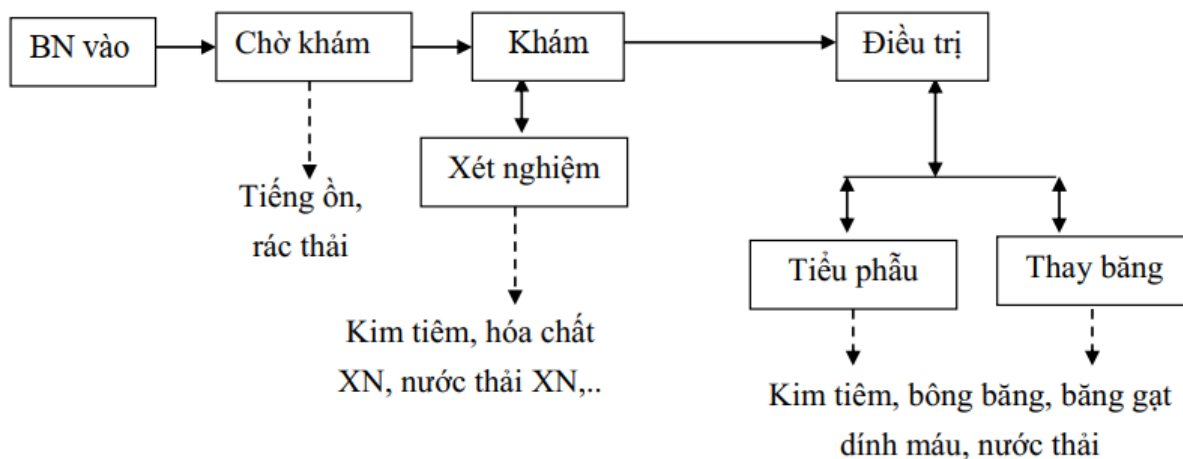
- Phục vụ công tác tiêm phòng vắc xin dịch vụ, khám sức khỏe, công tác kế hoạch hóa gia đình, công tác điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện thay thế bằng Methadone, công tác khám điều trị lao trung bình khoảng 58 - 158 người/ngày tại trung tâm, ngoài ra còn thực hiện công tác khám sức khỏe cho cán bộ công nhân viên tại một số doanh nghiệp định kỳ theo yêu cầu của doanh nghiệp.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

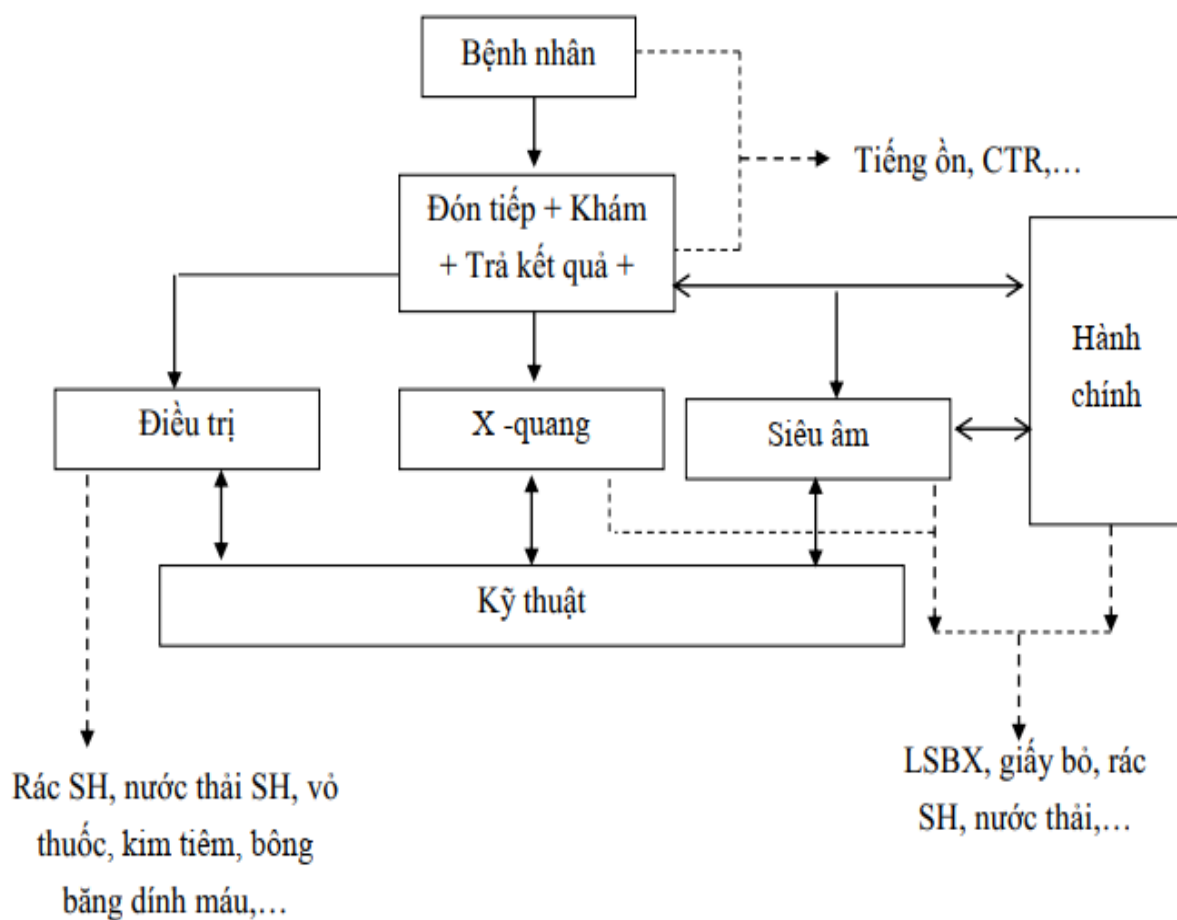
Quy trình hoạt động của trung tâm y tế được thể hiện dưới dạng sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1. Quy trình khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ khám và chữa bệnh ngoại khoa



Sơ đồ 1.3. Sơ đồ hoạt động tại khoa chuẩn đoán hình ảnh

### **Thuyết minh quy trình hoạt động khám chữa bệnh của trung tâm y tế:**

Người bệnh khi đến trung tâm y tế được hướng dẫn làm các thủ tục khám chữa bệnh (Xuất trình giấy khám chữa bệnh, thẻ BHYT và làm sổ khám bệnh).

Sau đó, người bệnh được đưa đến khoa khám bệnh – cận lâm sàng để khám và làm các xét nghiệm chuẩn đoán bệnh ban đầu. Tại đây các bác sỹ sẽ khám lâm sàng và chỉ định làm các xét nghiệm, chụp Xquang... để chuẩn đoán bệnh và đưa ra biện pháp điều trị. Người bệnh sẽ đến quầy thu viện phí để nộp tiền các xét nghiệm, sau đó đi làm các xét nghiệm. Khi có kết quả xét nghiệm người bệnh trở lại phòng khám bệnh ban đầu để được bác sỹ thông báo bệnh, nhận đơn thuốc.

Trong quá trình khám chữa bệnh của trung tâm y tế sẽ làm phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải y tế, chất thải thông thường, chất thải y tế từ các khoa khám bệnh – cận lâm sàng, điều trị bệnh, phẫu thuật, phòng làm thủ tục hành chính, khoa dược cấp phát thuốc...

### **3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:**

Sản phẩm của dự án là: Trung tâm y tế tuyên huyện có chức năng khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật cho người dân.

### **4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư**

#### **4.1. Nhu cầu về máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động tại Trung tâm y tế huyện**

Các loại máy móc, thiết bị hiện đang sử dụng ở các Trung tâm được đính kèm trong Phụ lục của báo cáo. Còn các thiết bị máy móc mua mới của các Trung tâm Y tế được thống kê ở trong bảng sau:

*Bảng 1.6. Bảng thông kê thiết bị, máy móc sử dụng mua mới tại các Trung tâm*

<b>Stt</b>	<b>Tên thiết bị</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Hà Trung</b>		
1	Hệ thống chụp Xquang	01	Mua mới
2	Máy siêu âm 4D	01	Mua mới
3	Máy đo độ loãng xương	01	Mua mới
4	Máy đo tật khúc xạ	01	Mua mới
<b>II</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Hoằng Hóa</b>		
1	Hệ thống chụp Xquang	01	Mua mới
2	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	01	Mua mới
3	Máy đo tật khúc xạ	01	Mua mới
4	Máy ly tâm	01	Mua mới
5	Máy phân tích huyết học	01	Mua mới
6	Máy phân tích nước tiểu	01	Mua mới
7	Máy phân tích tế bào máu	01	Mua mới
8	Máy xét nghiệm đường huyết	01	Mua mới
9	Tủ an toàn sinh học	01	Mua mới

10	Ô tô chuyên dùng	01	Mua mới
<b>III</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn</b>		
1	Hệ thống chụp Xquang	01	Mua mới
2	Máy soi cổ tử cung	01	Mua mới
3	Máy siêu âm	01	Mua mới
4	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động	01	Mua mới
5	Máy đo tật khúc xạ	01	Mua mới
6	Máy đốt cổ tử cung	01	Mua mới
7	Máy ly tâm	01	Mua mới
8	Máy phân tích huyết học	01	Mua mới
9	Máy phân tích nước tiểu	01	Mua mới
10	Máy phân tích tế bào máu	01	Mua mới
11	Máy sinh hiển vi khám mắt	01	Mua mới
12	Máy xét nghiệm đường huyết	01	Mua mới
13	Nồi hấp tiệt trùng	01	Mua mới
14	Tủ âm	01	Mua mới
15	Tủ an toàn sinh học	01	Mua mới
16	Tủ lạnh âm sâu	01	Mua mới
<b>IV</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa</b>		
1	Máy siêu âm màu 4D	01	Mua mới
2	Máy chụp Xquang	01	Mua mới
3	Máy nội soi TMH	01	Mua mới
4	Máy điện tim	01	Mua mới
5	Máy nội soi cổ tử cung	01	Mua mới
<b>V</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Yên Định</b>		
1	Hệ thống chụp Xquang	01	Mua mới
2	Máy siêu âm 4D	01	Mua mới
3	Máy xét nghiệm sinh hóa máu bán tự động	01	Mua mới
4	Máy phân tích huyết học tự động	01	Mua mới
5	Máy phân tích tế bào máu	01	Mua mới
6	Máy xét nghiệm nước tiểu 13 thông số	01	Mua mới
7	Máy ly tâm	01	Mua mới
8	Máy đo độ ồn	01	Mua mới
9	Máy đo cường độ ánh sáng	01	Mua mới
10	Máy đo chất lượng không khí	01	Mua mới
11	Buồng lạnh vacxin	01	Mua mới

(Nguồn: Theo thống kê của các Trung tâm).

## 4.2. Nhu cầu sử dụng vật tư, hóa chất sử dụng cho hoạt động khám và chữa bệnh của Trung tâm y tế.

Nhu cầu về hóa chất, vật tư tiêu hao phục vụ cho quá trình khám chữa bệnh là tương đối lớn với nhiều chủng loại mặt hàng khác nhau. Căn cứ số lượng vật tư, hóa chất sử dụng hàng năm của Trung tâm, ước lượng được khối lượng vật tư, hóa chất sử dụng hàng năm của trung tâm y tế được dự kiến như sau:

*Bảng 1.7. Vật tư, hóa chất tiêu hao dự kiến sử dụng hàng năm của Trung tâm y tế*

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
<b>I</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Hà Trung</b>		
<b>1</b>	<b>Dây truyền dịch, các loại sond, các loại dây nối</b>		
	Sond hút, ống hút, dây dẫn và thở các loại	Cái	1179
	Dây truyền các loại	Bộ	19350
	Chỉ catgut số 2 CPT N600 – LD Pháp – Việt	Lá	745
	Kim tiêm, kim khâu, kim chọc giò, kim gây tê	Cái	18653
	Găng tay y tế	Đôi	119655
<b>2</b>	<b>Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, test nhanh và các loại hoá chất xét nghiệm khác</b>		
	GLUCOZA 4x100ml + 1 x 5ml	Hộp	8
	GOT/AST - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	12
	GPT/ALT - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	77
	Test nước tiểu	Test	78
	Test thử HP	Test	0
	Test thử HIV	Test	2025
	Test thử viêm gan (HBsAg)	Test	0
<b>3</b>	<b>Phim xquang và các vật tư, hoá chất sử dụng cho máy X - quang, điện tim</b>		
	Phim Xquang các loại	Tờ	22275
	Giấy điện tim 3 cần Fukuda	Cuộn	5
	Giấy in nhiệt máy sinh hoá – Đức	Cuộn	563
	Giấy siêu âm Sony	Cuộn	158
	Dung dịch nước rửa phim hiện – hãm (Can 5 lít)	Can	4
	Gen siêu âm (5 lít/can)	Can	17
<b>4</b>	<b>Các loại vật tư y tế khác</b>		
	Chổi lông to và nhỏ rửa ống nghiệm	Cái	100
	Đầu côn vàng	Cái	2250
	Đầu côn xanh	Cái	1350
	Dung dịch hóa chất rửa máy sinh hóa	Chai	2
	Hóa chất khử trùng CloraminB	kg	2430
	Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (thông tắc bể phốt)	kg	23
<b>II</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Hoằng Hóa</b>		

<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>1</b>	<b>Dây truyền dịch, các loại sond, các loại dây nối</b>		
	Sond hút, ống hút, dây dẫn và thở các loại	Cái	1310
	Dây truyền các loại	Bộ	21500
	Chỉ catgut số 2 CPT N600 – LD Pháp – Việt	Lá	828
	Kim tiêm, kim khâu, kim chọc giò, kim gây tê	Cái	20725
	Găng tay y tế	Đôi	132950
<b>2</b>	<b>Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, test nhanh và các loại hoá chất xét nghiệm khác</b>		
	Cholesterol	Hộp	9
	GLUCOZA 4x100ml + 1 x 5ml	Hộp	14
	GOT/AST - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	85
	GPT/ALT - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	87
	Test nước tiểu	Test	43
	Test thử HP	Test	0
	Test thử HIV	Test	2250
	Test thử viêm gan (HBsAg)	Test	0
<b>3</b>	<b>Phim xquang và các vật tư, hoá chất sử dụng cho máy X - quang, điện tim</b>		
	Phim Xquang các loại	Tờ	24750
	Giấy điện tim 3 cần Fukuda	Cuộn	5
	Giấy in nhiệt máy sinh hoá – Đức	Cuộn	625
	Giấy siêu âm Sony	Cuộn	175
	Dung dịch nước rửa phim hiện – hãm (Can 5 lít)	Can	0
	Gen siêu âm (5 lít/can)	Can	19
<b>4</b>	<b>Các loại vật tư y tế khác</b>		
	Chổi lông to và nhỏ rửa ống nghiệm	Cái	150
	Đầu côn vàng	Cái	2500
	Đầu côn xanh	Cái	1500
	Dung dịch hóa chất rửa máy sinh hóa	Chai	2
	Hóa chất khử trùng CloraminB	kg	2700
	Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (thông tắc bể phốt)	kg	25
<b>III</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa</b>		
<b>1</b>	<b>Dây truyền dịch, các loại sond, các loại dây nối</b>		
	Sond hút, ống hút, dây dẫn và thở các loại	Cái	524
	Dây truyền các loại	Bộ	8600
	Chỉ catgut số 2 CPT N600 – LD Pháp – Việt	Lá	331
	Kim tiêm, kim khâu, kim chọc giò, kim gây tê	Cái	8290
	Găng tay y tế	Đôi	53180

<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
<b>2</b>	<b>Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, test nhanh và các loại hoá chất xét nghiệm khác</b>		
	Cholesterol	Hộp	3
	GLUCOZA 4x100ml + 1 x 5ml	Hộp	5
	GOT/AST - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	34
	GPT/ALT - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	35
	Test nước tiểu	Test	17
	Test thử HP	Test	0
	Test thử HIV	Test	900
	Test thử viêm gan (HBsAg)	Test	0
<b>3</b>	<b>Phim xquang và các vật tư, hoá chất sử dụng cho máy X - quang, điện tim</b>		
	Phim Xquang các loại	Tờ	9900
	Giấy điện tim 3 cần Fukuda	Cuộn	2
	Giấy in nhiệt máy sinh hoá – Đức	Cuộn	250
	Giấy siêu âm Sony	Cuộn	70
	Dung dịch nước rửa phim hiện – hãm (Can 5 lít)	Can	4
	Gen siêu âm (5 lít/can)	Can	8
<b>4</b>	<b>Các loại vật tư y tế khác</b>		
	Chổi lông to và nhỏ rửa ống nghiệm	Cái	200
	Đầu côn vàng	Cái	1000
	Đầu côn xanh	Cái	600
	Dung dịch hóa chất rửa máy sinh hóa	Chai	1
	Hóa chất khử trùng CloraminB	kg	1080
	Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (thông tắc bể phốt)	kg	10
<b>IV</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn</b>		
<b>1</b>	<b>Dây truyền dịch, các loại sond, các loại dây nối</b>		
	Sond hút, ống hút, dây dẫn và thờ các loại	Cái	786
	Dây truyền các loại	Bộ	12900
	Chỉ catgut số 2 CPT N600 – LD Pháp – Việt	Lá	497
	Kim tiêm, kim khâu, kim chọc giò, kim gây tê	Cái	12435
	Găng tay y tế	Đôi	79770
<b>2</b>	<b>Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, test nhanh và các loại hoá chất xét nghiệm khác</b>		
	Cholesterol	Hộp	5
	GLUCOZA 4x100ml + 1 x 5ml	Hộp	8
	GOT/AST - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	51
	GPT/ALT - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	52
	Test nước tiểu	Test	26



<b>TT</b>	<b>Tên vật tư</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Số lượng</b>
	Test thử HP	Test	0
	Test thử HIV	Test	1350
	Test thử viêm gan (HBsAg)	Test	0
<b>3</b>	<b>Phim xquang và các vật tư, hoá chất sử dụng cho máy X - quang, điện tim</b>		
	Phim Xquang các loại	Tờ	14850
	Giấy điện tim 3 cần Fukuda	Cuộn	3
	Giấy in nhiệt máy sinh hoá – Đức	Cuộn	375
	Giấy siêu âm Sony	Cuộn	105
	Dung dịch nước rửa phim hiện – hãm (Can 5 lít)	Can	5
	Gen siêu âm (5 lít/can)	Can	11
<b>4</b>	<b>Các loại vật tư y tế khác</b>		
	Chổi lông to và nhỏ rửa ống nghiệm	Cái	160
	Đầu côn vàng	Cái	1500
	Đầu côn xanh	Cái	900
	Dung dịch hóa chất rửa máy sinh hóa	Chai	1
	Hóa chất khử trùng CloraminB	kg	1620
	Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (thông tắc bể phốt)	kg	15
<b>V</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Yên Định</b>		
<b>1</b>	<b>Dây truyền dịch, các loại sond, các loại dây nối</b>		
	Sond hút, ống hút, dây dẫn và thở các loại	Cái	917
	Dây truyền các loại	Bộ	15050
	Chỉ catgut số 2 CPT N600 – LD Pháp – Việt	Lá	580
	Kim tiêm, kim khâu, kim chọc giò, kim gây tê	Cái	14508
	Găng tay y tế	Đôi	93065
<b>2</b>	<b>Hoá chất xét nghiệm sinh hoá, test nhanh và các loại hoá chất xét nghiệm khác</b>		
	Cholesterol	Hộp	6
	GLUCOZA 4x100ml + 1 x 5ml	Hộp	9
	GOT/AST - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	60
	GPT/ALT - 8 x 40ml + 2 x 40ml	Hộp	61
	Test nước tiểu	Test	30
	Test thử HP	Test	0
	Test thử HIV	Test	1575
	Test thử viêm gan (HBsAg)	Test	0
<b>3</b>	<b>Phim xquang và các vật tư, hoá chất sử dụng cho máy X - quang, điện tim</b>		
	Phim Xquang các loại	Tờ	17325
	Giấy điện tim 3 cần Fukuda	Cuộn	4

TT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
	Giấy in nhiệt máy sinh hoá – Đức	Cuộn	438
	Giấy siêu âm Sony	Cuộn	123
	Dung dịch nước rửa phim hiện – hãm (Can 5 lít)	Can	8
	Gen siêu âm (5 lít/can)	Can	13
<b>4</b>	<b>Các loại vật tư y tế khác</b>		
	Chổi lông to và nhỏ rửa ống nghiệm	Cái	120
	Đầu côn vàng	Cái	1750
	Đầu côn xanh	Cái	1050
	Dung dịch hóa chất rửa máy sinh hóa	Chai	1
	Hóa chất khử trùng CloraminB	kg	1890
	Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (thông tắc bê phốt)	kg	18

#### 4.4. Nhu cầu sử dụng điện

Theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn xây dựng Việt Nam – Quy hoạch thì chỉ tiêu cấp cho là 30 W/m<sup>2</sup> sàn. Như vậy, với quy mô 2111,7 m<sup>2</sup>/sàn trung tâm thì lượng điện năng tiêu thụ của trung tâm lớn nhất là: 30 W/m<sup>2</sup> sàn x 2111,7 m<sup>2</sup>/sàn/ngày = 63,35 kwh/ngày = 1.647,13 kwh/tháng

Nguồn cấp điện: Lấy từ lưới điện tại khu vực thực hiện dự án.

#### 4.5. Nhu cầu sử dụng nước:

##### [a]. Nhu cầu sử dụng nước phục vụ sinh hoạt và khám chữa bệnh

Theo thống kê thực tế tại 05 trung tâm y tế, số người khám trung bình một ngày tại trung tâm khoảng 58 - 158 người/ngày (tại thời điểm cao nhất).

Theo TCVN 4513:1988 cấp nước bên trong – tiêu chuẩn thiết kế và Theo TCXDVN 33-2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế, định mức cấp nước cho dự án nhu cầu cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và khám chữa bệnh của trung tâm như sau:

*Bảng 1.8. Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt và khám chữa bệnh của các trung tâm y tế*

TT	Thành phần dùng nước	Tiêu chuẩn cấp nước	Quy mô (người)				
			Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
a	Cấp nước cho Bệnh nhân (điều trị ngoại trú)	15 lít/người/ngày.đêm	90	136	95	58	158
b	Nước cấp cho cán bộ công nhân viên	80lít/người/ngày.đêm	41	49	47	42	47

Nhu cầu sử dụng nước của trung tâm y tế như sau:

*Bảng 1.9. Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt và khám chữa bệnh của các trung tâm y tế*

TT	Thành phần dùng nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ng.đ)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định

a	Cấp nước cho Bệnh nhân	1,35	2,04	1,43	0,87	1,37
b	Nước cấp cho cán bộ công nhân viên	3,28	3,92	3,36	3,76	3,68
<b>Tổng lưu lượng</b>		<b>4,63</b>	<b>5,96</b>	<b>4,79</b>	<b>4,63</b>	<b>5,05</b>
<b>Hệ số quá tải K</b>		<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>	<b>1,2</b>
<b>Lưu lượng nước cấp lớn nhất</b>		<b>5,56</b>	<b>7,15</b>	<b>5,75</b>	<b>5,56</b>	<b>6,06</b>

**[b]. Nhu cầu nước sử dụng vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải**

- *Cấp nước rửa dụng cụ thu gom, lưu giữ chất thải:* Qua điều tra thực tế thì nước cấp cho rửa thùng thu gom chất thải của trung tâm là 10 lít/thùng. Như vậy, với 5 thùng thu gom và lưu giữ chất thải của dự án thì lượng nước rửa thùng là:

$$Q_{tt} = 05 \text{ thiết bị} \times 10 \text{ lít/thiết bị} = 0,05 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Cấp nước rửa nền sàn khu vực nhà lưu giữ và xử lý chất thải:

Theo TCVN 4513:1988 - cấp nước bên trong công trình - tiêu chuẩn thiết kế, định mức nước rửa vệ sinh sàn nhà là 10 lít/m<sup>2</sup> sàn. Như vậy với diện tích sàn khu vực nhà lưu giữ chất thải, nhà tập kết rác thải sinh hoạt và nhà xử lý chất thải khoảng 30 m<sup>2</sup>/trung tâm thì lượng nước cấp cho vệ sinh sàn nhà là:

$$Q_s = 30 \text{ m}^2 \text{ sàn} \times 10 \text{ lít/m}^2 \text{ sàn/ngày} \approx 0,3 \text{ m}^3/\text{ngày/trung tâm}$$

Như vậy, nước cấp cho vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải là:

$$Q_{vs} = 0,05 + 0,3 = 0,35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm/trung tâm}$$

**[c]. Nhu cầu nước sử dụng cho tưới cây, rửa đường**

Theo TCXD 33 – 2006 – Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì tiêu chuẩn cho 1 lần tưới, rửa đường như sau:

*Bảng 1.10. Nhu cầu sử dụng nước tưới cây, rửa đường của các trung tâm y tế*

TT	Thành phần dùng nước	Tiêu chuẩn cấp nước	Quy mô m <sup>2</sup>	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ng.đ)
	<b>Trung tâm y tế huyện Hà Trung</b>			<b>5,86</b>
	Nước tưới cây	4 lít/m <sup>2</sup> /ngày	1.254,2	5,02
	Nước tưới đường nội bộ	0,5 lít/m <sup>2</sup> /ngày	1.681,0	0,84
	<b>Trung tâm y tế huyện Hoằng Hóa</b>			<b>2,41</b>
	Nước tưới cây	4 lít/m <sup>2</sup> /ngày	490,0	1,96
	Nước tưới đường nội bộ	0,5 lít/m <sup>2</sup> /ngày	908,21	0,45
	<b>Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa</b>			<b>5,51</b>
	Nước tưới cây	4 lít/m <sup>2</sup> /ngày	1.115,40	4,46
	Nước tưới đường nội bộ	0,5 lít/m <sup>2</sup> /ngày	2.091,74	1,05
	<b>Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn</b>			<b>3,99</b>
	Nước tưới cây	4 lít/m <sup>2</sup> /ngày	868,9	3,48
	Nước tưới đường nội bộ	0,5 lít/m <sup>2</sup> /ngày	1.028,70	0,51
	<b>Trung tâm y tế huyện Yên Định</b>			<b>5,82</b>

TT	Thành phần dùng nước	Tiêu chuẩn cấp nước	Quy mô m <sup>2</sup>	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ng.đ)
	Nước tưới cây	4 lít/m <sup>2</sup> /ngày	1.160,5	4,64
	Nước tưới đường nội bộ	0,5 lít/m <sup>2</sup> /ngày	2.360,0	1,18

**[d]. Nhu cầu sử dụng nước dùng cho cứu hỏa**

Nhu cầu sử dụng nước dự phòng cho PCCC:

$$Q_{cc} = q_{cc} \times h \times n \text{ (m}^3\text{/ng.đ)}$$

Trong đó:

$q_{cc}$  – Tiêu chuẩn cấp nước PCCC

$h$  – Số giờ chữa cháy

$n$  – Số đám cháy hoạt động đồng thời

Theo TCVN 2622:1995 – Phòng cháy chữa cháy bên ngoài và công trình. Đối với Trung tâm y tế, nhà trẻ, nhà ga, nhà phụ trợ các công trình công nghiệp có khối tích từ 5.000 m<sup>3</sup> đến 25.000 m<sup>3</sup> thì:

+ Tiêu chuẩn cấp nước PCCC bên trong công trình là  $q_{cc} = 2,5$  lit/s,  $n = 1$ ,  $h = 1$  giờ → Nhu cầu cấp nước chữa cháy bên trong công trình: 27 m<sup>3</sup>.

+ Tiêu chuẩn cấp nước PCCC bên ngoài công trình là:  $q_{cc} = 15$  lit/s,  $n = 1$ ,  $h = 1$  giờ → Nhu cầu cấp nước chữa cháy bên ngoài công trình: 162 m<sup>3</sup>.

Tổng nhu cầu lượng nước chữa cháy cho 01 trung tâm là: 27 m<sup>3</sup>+162 m<sup>3</sup> = 189 m<sup>3</sup>

Như vậy:  $Q_{cc} = 189 \times 1 \times 1 = 189$  m<sup>3</sup>/ngày.đêm

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho hoạt động của trung tâm (trừ nước dự trữ cho PCCC) được thống kê ở bảng sau:

*Bảng 1.11. Lưu lượng nước cấp cho hoạt động của các trung tâm*

STT	Mục đích sử dụng	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
1	Nước cấp cho sinh hoạt và khám chữa bệnh	5,56	7,15	5,75	5,56	6,06
3	Nước cấp cho vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải	0,35	0,35	0,35	0,35	0,35
4	Nước cấp cho tưới cây	5,02	1,96	3,48	4,46	4,64
5	Nước rửa sân đường	0,84	0,45	0,51	1,05	1,18
<b>Tổng lưu lượng nước cấp:</b>		<b>11,77</b>	<b>9,91</b>	<b>10,09</b>	<b>11,42</b>	<b>12,23</b>

**Nguồn cấp nước:** Nước cấp cho hoạt động của các Trung tâm y tế được lấy từ nguồn nước máy sạch của nhà máy cấp nước tại khu vực.

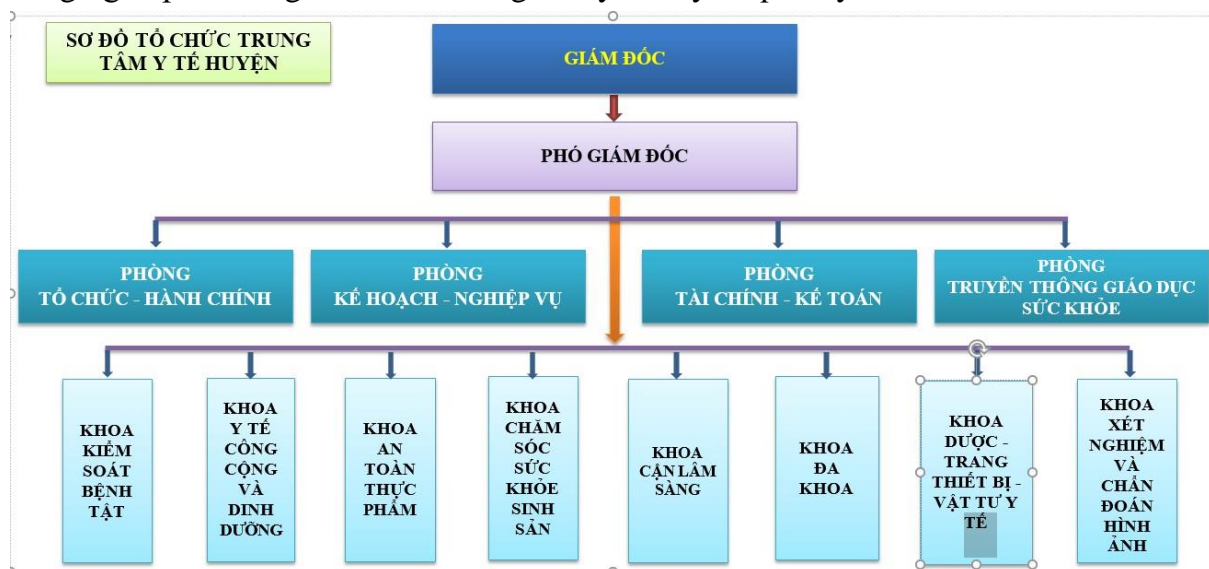
**5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư (nếu có):**

**5.1. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Dự án: “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa” do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp làm chủ đầu tư.

+ Giai đoạn triển khai xây dựng dự án: Chỉ huy công trường, kỹ thuật, lái máy, bảo vệ sẽ trực tiếp ở lại công trường để triển khai dự án; Công nhân làm sắt thép, bê tông, xây dựng được thuê tại địa phương nên hạn chế ở lại công trường.

+ Giai đoạn vận hành: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp sẽ bàn giao lại cho trung tâm y tế huyện quản lý và vận hành.



Sơ đồ 1.4. Sơ đồ tổ chức quản lý của trung tâm y tế

## **CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)**

Dự án đầu tư: “*Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa*”, phù hợp với quy hoạch và các quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

- Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình

- Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

- Quyết định số 3789/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Hà Trung;

- Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Hoằng Hóa;

- Quyết định số 3613/QĐ-UBND ngày 26/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thiệu Hóa;

- Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Quyết định số 3631/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Yên Định.

### **2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)**

Theo quy định tại điểm b khoản 2, điều 8 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh; tổ chức kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm và tổ chức xử lý ô nhiễm sông, hồ liên tỉnh. Theo quy định tại điểm a, d, khoản 3 điều 8 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường.

Theo quy định tại điểm e, khoản 1 điều 42 Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 năm 2020. Tại thời điểm lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, tỉnh Thanh Hóa chưa ban hành khả năng chịu tải của nguồn tiếp nhận nước thải của dự án. Do vậy, báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án chưa đề cập đến nội dung này.

## CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải (nếu có)

#### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

Thu gom, thoát nước mưa trên mái: Nước mưa mái được thu gom qua các cầu chắn và nối với các ống đứng cho thoát thẳng ra hệ thống thoát nước mưa dự án.

Thoát nước mưa chảy tràn trên sân, đường nội bộ: Thu gom bằng tuyến mương, cống thoát nước mưa xây dựng xung quanh các khu nhà và dọc theo tuyến đường nội bộ.

Hệ thống rãnh thoát nước mưa có kích thước rộng 60cm, cao 50cm, được xây bằng đá, trên hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga thu lắng cạn có kích thước: 1,7m x 1,7m x 1,5m (số lượng 03 hố), độ dốc hệ thống thoát nước hướng dốc từ phía Nam xuống Bắc, từ Đông sang Tây, toàn bộ nước mưa được thu về hệ thống thoát nước dọc đường hiện có rồi tập trung thoát ra hệ thống thu nước bên ngoài qua các hố ga đầu nối thoát nước. Nước mưa qua các rãnh và hố ga được đưa về mương thoát nước khu vực.

#### 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

##### *a. Nguồn và lưu lượng nước thải trong quá trình hoạt động của Trung tâm Y tế*

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm Y tế chủ yếu là nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải xét nghiệm, tiểu phẫu, phẫu thuật và vệ sinh dụng cụ có thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất lơ lửng, các chất dinh dưỡng, các chất hữu cơ, vi sinh; từ nước thải nhiễm thuốc do bệnh nhân bài tiết qua đường tiểu... từ quá trình khám chữa bệnh. Theo điều 39 của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 08/6/2014 của Chính phủ, lượng nước thải của trung tâm y tế nói chung bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy, nước thải phát sinh lớn nhất tại các Trung tâm Y tế là:

*Bảng 3.1. Lượng nước thải từ hoạt động của Trung tâm y tế*

TT	Thành phần dùng nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
1	<b>Nước thải sinh hoạt và khám chữa bệnh</b>	<b>5,56</b>	<b>7,15</b>	<b>5,75</b>	<b>5,56</b>	<b>6,06</b>
-	<i>Nước thải sinh hoạt</i>	<i>4,448</i>	<i>5,72</i>	<i>4,6</i>	<i>4,448</i>	<i>4,848</i>
+	Nước thải tắm rửa, giặt, vệ sinh phòng bệnh	2,78	3,575	2,875	2,78	3,03
+	Nước thải nhà vệ sinh	1,668	2,145	1,725	1,668	1,818
-	<i>Nước thải y tế</i>	<i>1,112</i>	<i>1,43</i>	<i>1,15</i>	<i>1,112</i>	<i>1,212</i>
2	<b>Nước cấp cho vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải y tế</b>	<b>0,35</b>	<b>0,35</b>	<b>0,35</b>	<b>0,35</b>	<b>0,35</b>
<b>Tổng</b>		<b>5,91</b>	<b>7,5</b>	<b>6,1</b>	<b>5,91</b>	<b>6,41</b>

**Trong đó:**

- *Nước thải sinh hoạt*: Là nước thải phát sinh quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh cá

nhân của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, y bác sỹ trung tâm y tế; nước thải từ việc vệ sinh các khoa phòng với lưu lượng trung bình chiếm khoảng 70% tổng lượng nước thải là. Trong đó:

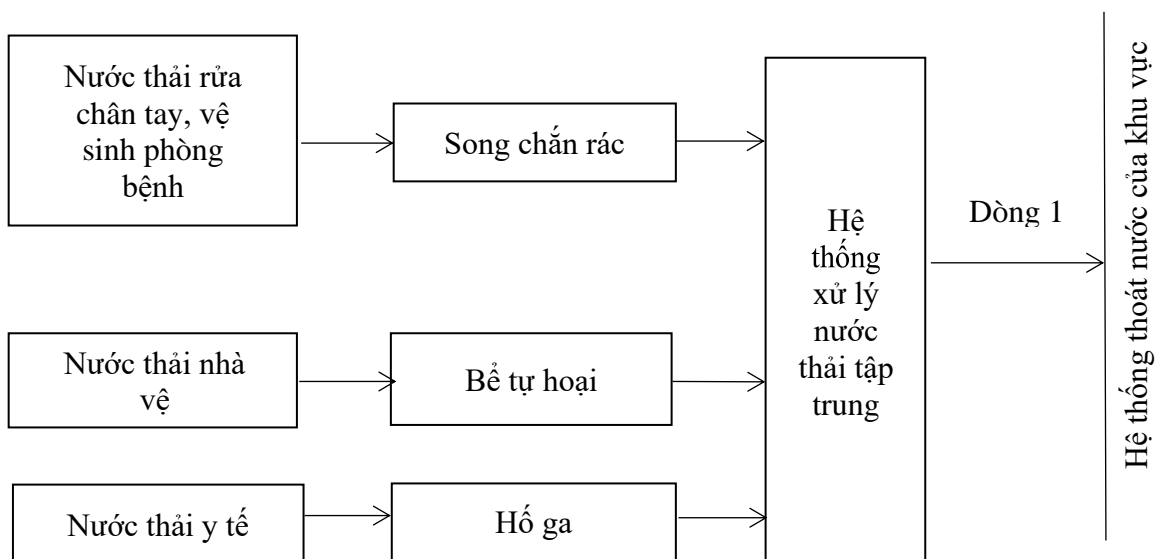
- + Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh phòng bệnh, chiếm 50% lượng thải.

- + Nước thải tại các nhà vệ sinh chiếm 20% tổng lượng thải.

- *Nước thải y tế*: Là nước thải phát sinh từ khâu khám chữa bệnh tại các khoa phòng như: phẫu thuật, các labo xét nghiệm, khoa lâm sàng; vệ sinh dụng cụ y tế... với lưu lượng trung bình chiếm khoảng 30% tổng lượng nước thải.

*b. Thu gom và thoát nước thải sinh hoạt:*

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải, các Trung tâm Y tế đã xây dựng và áp dụng biện pháp thu gom nước thải theo sơ đồ phân dòng như sau:



*Hình 3.1. Hệ thống thu gom và thoát nước thải của Trung tâm y tế*

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại trung tâm y tế bao gồm: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, nước thải từ khu vệ sinh và nước thải vệ sinh nền sàn, thiết bị máy móc và dụng cụ lưu giữ chất thải.

- + Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ và vệ sinh phòng bệnh: Thu gom qua song chắn rác về các hố ga bố trí tại các khu nhà, sau đó theo theo đường ống nhựa PVC D160, D200 dẫn về HTXLNT tập trung của trung tâm y tế để xử lý.

- + Nước thải từ khu vệ sinh: Thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 về các bể tự hoại 03 ngăn được xây dựng tại khối khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ của mỗi trung tâm, sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dẫn về HTXLNT tập trung để tiếp tục xử lý đạt chuẩn.

**Bể tự hoại:** Tại mỗi trung tâm đầu tư xây dựng 01 bể tự hoại. Tổng xây mới 05 bể tự hoại có thể tích tối thiểu 30,0m<sup>3</sup>/bể. Kết cấu bể như sau:



- + Thành bể xây gạch tiêu chuẩn VXM mác 75
- + Bê tông lót đáy bể mác 100 đá 2x4 dày 10cm
- + Bê tông nắp bể và đáy bể mác 250 đá 1x2 dày 20cm
- + Láng trát thành và đáy bể VXM mác 75 dày 25mm
- + Xử lý chống thấm cho bể bằng hỗn hợp Sika.

- Thu gom và thoát nước thải y tế: Nước thải y tế phát sinh từ các phòng phẫu thuật, xét nghiệm, vệ sinh thiết bị y tế và lưu chưa chất thải y tế được thu gom riêng và theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dẫn về hệ thống XLNT tập trung của trung tâm y tế để xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất 10m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Hệ thống sử dụng công nghệ xử lý sinh học kỵ khí để xử lý nước thải. Công nghệ sinh học kỵ khí là phương pháp sử dụng các vi sinh vật kỵ khí và vi sinh vật tùy nghi để phân hủy các chất hữu cơ và vô cơ có trong nước thải, ở trong điều kiện không có oxi hòa tan với nhiệt độ, pH,... thích hợp để cho các sản phẩm dạng khí (chủ yếu là CO<sub>2</sub>, CH<sub>4</sub>).

+ Hệ thống xử lý nước thải: Mỗi trung tâm y tế sẽ đầu tư xây dựng 01 hệ thống và được bố trí tại khu vực phù hợp trên tổng mặt bằng xây dựng cụ thể:

\*Trung tâm Y tế huyện Hà Trung: Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Đông Bắc của khu đất dự án;

\*Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa: Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Tây Bắc của khu đất dự án;

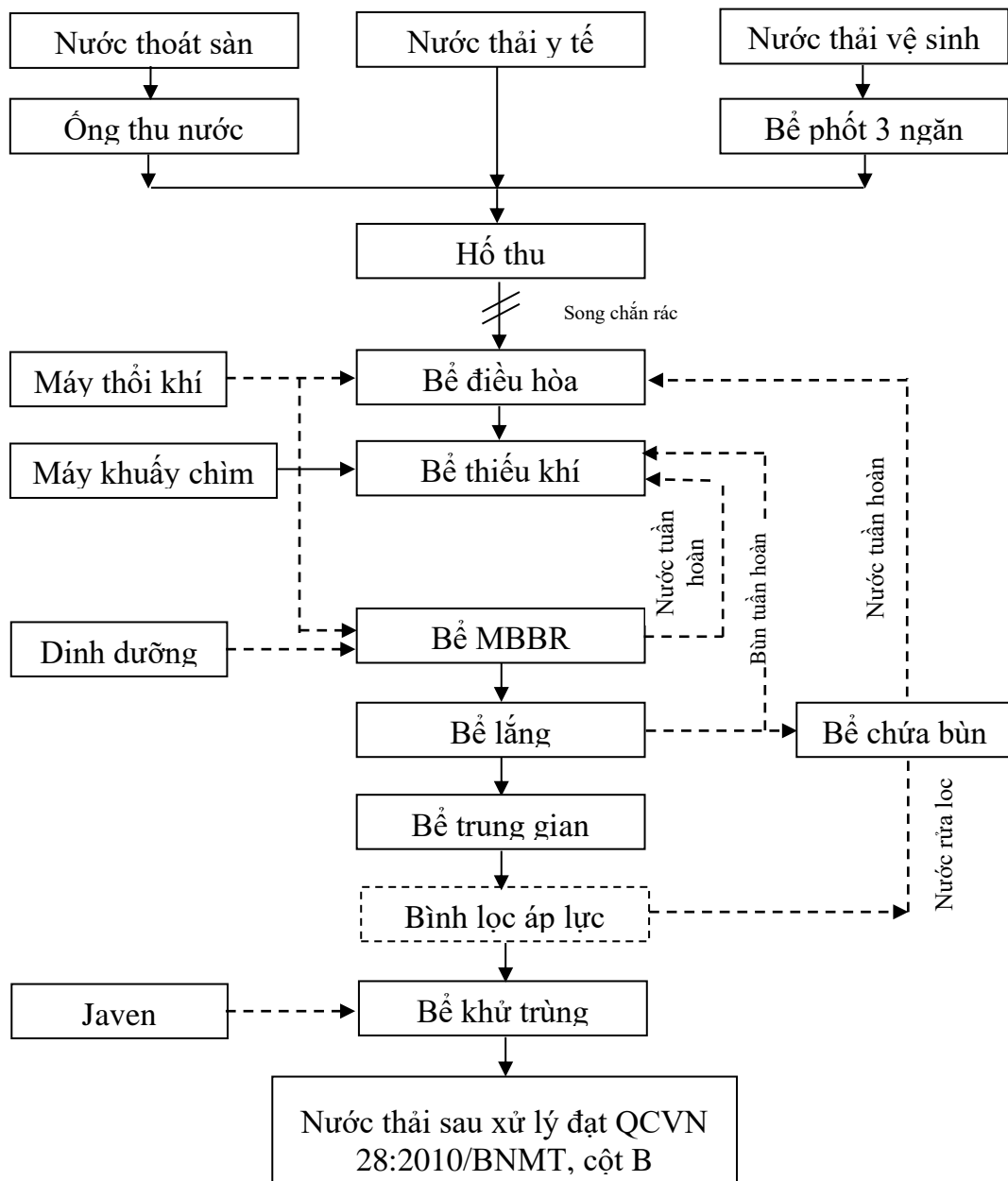
\*Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn: Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Đông Bắc của khu đất dự án;

\*Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa: Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Tây Nam của khu đất dự án;

\*Trung tâm Y tế huyện Yên Định: Trạm xử lý nước thải nằm ở phía Đông Nam của khu đất dự án;

### **1.3. Xử lý nước thải:**

Để đáp ứng được chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý đạt cột B theo QCVN 28:2010/BTNMT quy định về chất lượng nước thải y tế. Mỗi Trung tâm y tế đã đầu tư xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung sử dụng công nghệ xử lý sinh học MBBR công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Sơ đồ và thuyết minh hệ thống được trình bày cụ thể như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của hệ thống XLNT tập trung

❖ **Thuyết minh công nghệ:**

Hệ thống xử lý nước thải bao gồm các hạng mục xử lý chính sau đây:

- **Hồ thu:** Nước thải y tế của trung tâm y tế được thu gom từ các nguồn phát sinh nước thải, thông qua các đường ống, rãnh thoát nước thải chảy đến hồ thu, hồ thu nước thải có nhiệm vụ như sau:

- + Loại bỏ các chất rắn có thể lắng được, chất rắn có kích thước lớn:
- + Loại bỏ vật lơ lửng có kích thước lớn trong nước thải: Gỗ, giẻ, bông, vỏ hoa quả...
- + Loại bỏ cặn nặng như cát, mảnh kim loại, thủy tinh...

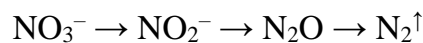
- **Bể điều hòa:** Nước thải sau khi được tập trung tại hồ thu sẽ được bơm sang bể điều hòa. Bể điều hòa có tác dụng ổn định lưu lượng và nồng độ ô nhiễm trong nước thải. Trong bể điều hòa có hệ thống đĩa phân phối khí, để đảm bảo trộn đều nồng độ các chất

bản trong thể tích toàn bể. Không để lắng cặn trong bể nhằm ổn định cho các công đoạn xử lý tiếp theo.

- **Bể thiếu khí:** Nước từ bể điều hòa được bơm lên bể thiếu khí thông qua 02 bơm nước thải chạy luân phiên nhau theo thời gian. Trong bể thiếu khí, hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển xử lý N và P thông qua quá trình Nitrat hóa và Photphorit. Bể thiếu khí có đặt hệ thống khuấy chìm cơ học cục bộ nhằm tạo dòng rối trong nước tăng khả năng hòa trộn, khuấy đảo dòng nước.

Quá trình Nitrat hóa trong bể thiếu khí xảy ra như sau:

Hai chủng vi khuẩn chủ yếu tham gia vào quá trình này là Nitrosomonas và Nitrobacter. Trong môi trường thiếu oxy, các chủng vi khuẩn này sẽ khử Nitrat ( $\text{NO}_3^-$ ) và Nitrit ( $\text{NO}_2^-$ ) theo chuỗi chuyển hóa:



Khí nitơ phân tử  $\text{N}_2$  tạo thành sẽ thoát khỏi nước và ra ngoài, do đó thành phần nitơ trong nước thải đã được xử lý

Quá trình Photphorit hóa:

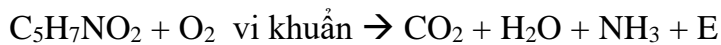
Chủng vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí.

- **Bể hiếu khí MBBR:** Nước sau khi qua bể thiếu khí được đưa tới bể hiếu khí MBBR. Thành phần còn lại chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, các lơ lửng khó lắng còn sót lại. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên lớp đệm vi sinh. Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ gần như hoàn toàn. Đồng thời với quá trình đó là các mảng bám sinh học có chứa cặn và vi sinh già chết sẽ liên tục bong ra và theo nước thải chảy sang bể lắng. Hệ thống bể xử lý sinh học có mục đích là oxy hoá COD, BOD, thành phần chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, tại bể liên tục xảy ra phản ứng oxy hóa chất hữu cơ hòa tan thành  $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{O}$ , cặn và cơ chất mới cho tế bào vi sinh. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên lớp đệm vi sinh. Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ 70 - 75%. Đồng thời với quá trình đó là các mảng bám sinh học có chứa cặn và vi sinh già chết sẽ liên tục bong ra và theo nước thải chảy sang bể lắng sinh học. Cụ thể với một số quá trình như Nitrification – Denitrification, hấp thụ phần lớn photpho và các tế bào vi khuẩn, ngoài ra còn phân hủy một số hợp chất khác thể hiện như sau:

Nước thải từ bể thiếu khí cùng với bùn hoạt tính tuần hoàn từ bể lắng vào bể xử lý sinh học. Nồng độ bùn hoạt tính từ 1.000 - 3.000 mg/l và nồng độ bùn tuần hoàn từ 5.000 - 7.000 mg/l. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, khả năng xử lý BOD của bể càng lớn. Oxi được cung cấp bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí từ đáy bể có hiệu quả khuếch tán oxi vào trong nước thải cao tạo điều kiện cho vi sinh vật sử dụng để oxy hoá nước thải. Phương trình phản ứng:

Chất hữu cơ + O<sub>2</sub> + Chất dinh dưỡng + vi khuẩn hiếu khí → CO<sub>2</sub> + H<sub>2</sub>O + NH<sub>3</sub> + C<sub>5</sub>H<sub>7</sub>NO<sub>2</sub> (vi khuẩn mới) + Năng lượng

Quá trình hô hấp nội bào là quá trình ôxi hoá bùn (vi khuẩn) được thể hiện bằng phương trình sau:



Bên cạnh quá trình phân giải các chất hữu cơ thành CO<sub>2</sub> và H<sub>2</sub>O, vi khuẩn hiếu khí Nitrosomonas và Nitrobacter còn ôxi hoá NH<sub>3</sub> thành Nitrit và cuối cùng thành Nitrat. Các phương trình phản ứng như sau:

Vi khuẩn Nitrosomonas:



Vi khuẩn Nitrobacter:



Quá trình Photphorit hóa:

Chúng vi khuẩn tham gia vào quá trình này là Acinetobacter. Các hợp chất hữu cơ chứa photpho sẽ được hệ vi khuẩn Acinetobacter chuyển hóa thành các hợp chất mới không chứa photpho và các hợp chất có chứa photpho nhưng dễ phân hủy đối với chủng loại vi khuẩn hiếu khí. Sau quá trình photphorit hóa nồng độ Photphat hòa tan trong nước thải giảm từ 30-40%.

Bể xử lý sinh học hiếu khí MBBR được thiết kế theo công nghệ đặc biệt, kết hợp công nghệ hiếu khí, công nghệ thiếu khí và yếm khí. Với công nghệ đặc biệt này việc loại bỏ các chất ô nhiễm như COD, BOD, Nitơ... rất đáng kể và rất linh động trong quá trình xử lý.

Hệ thống cấp oxy cho bể xử lý sinh học được cấp bởi 2 máy thổi khí thông qua hệ thống đường ống công nghệ và đĩa phân phối khí tinh

#### **Giá thể vi sinh trong bể hiếu khí MBBR:**

Giá thể vi sinh là một loại vật liệu được bổ sung vào quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học để tăng diện tích tiếp xúc giữa vi sinh và nước thải. Từ đó gia tăng sinh khối làm quá trình phân hủy sinh học diễn ra nhanh chóng với hiệu suất xử lý cao.

Nguyên lý hoạt động của giá thể vi sinh dựa vào diện tích tiếp xúc của giá thể, vi sinh sẽ dính bám trên bề mặt tạo thành lớp màng nhầy có tác dụng phân hủy sinh học. Quy luật chung trong sự phát triển của màng vi sinh vật bởi quá trình tiêu thụ cơ chất có trong nước thải và làm sạch nước thải.

Quá trình dính bám của giá thể vi sinh có thể chia thành 4 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: Kết dính ban đầu. Là quá trình vi sinh bám vào bề mặt của giá thể tạo thành lớp màng. Trong điều kiện này, tất cả vi sinh vật phát triển như nhau, cùng điều kiện, sự phát triển giống như quá trình vi sinh vật lơ lửng.

+ Giai đoạn 2: Phát triển. Vi sinh vật bắt đầu phát triển trên lớp màng bắt đầu quá trình phân hủy sinh học

+ Giai đoạn 3: Trưởng thành. Là giai đoạn vi sinh đã phát triển, lớp màng đã dày lên, hiệu suất phân hủy sinh học cao nhất. Lượng cơ chất đưa vào phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không sẽ có sự suy giảm sinh khối và lớp màng sẽ bị mỏng dần đi nhằm đạt tới cân bằng mới giữa cơ chất và sinh khối.

+ Giai đoạn 4: Phân tán. Sau khi phát triển đến độ dày nhất định, lớp màng không dày lên nữa và trở nên ổn định. vi sinh sẽ tróc ra khỏi bề mặt của giá thể. Sự trao đổi chất diễn ra để phân hủy chất hữu cơ thành CO<sub>2</sub> và nước. Lượng vi sinh vật không thay đổi do chiều dày lớp màng hiệu quả không thay đổi và không có sự gia tăng sinh khối trong giai đoạn này. Lượng cơ chất phải đủ cho quá trình trao đổi chất, nếu không vi sinh sẽ thiếu dinh dưỡng và bắt đầu phân hủy nội bào để cân bằng với cơ chất và sinh khối

Các giai đoạn trên sẽ diễn ra cùng lúc xen kẽ với nhau giúp quá trình phân hủy sinh học diễn ra liên tục. Quá trình phân hủy nội bào và quá trình trao đổi chất sẽ diễn ra đồng thời với nhau. Khi đó tốc độ phát triển màng cân bằng với tốc độ suy giảm bởi sự phân hủy nội bào.

Cuối bể hiếu khí MBBR lắp 02 bơm tuần hoàn một phần nước thải trở lại bể thiếu khí nhằm tăng hiệu quả xử lý Nitơ.

- **Bể lắng** : Nước thải sẽ chảy vào bể lắng theo ống phân phối nước. Dùng để tách bùn lỏng hỗn hợp thành bùn và phần nước thải đã lắng ở trên. Việc tách chất rắn/lỏng xảy ra bởi trọng lực. Hỗn hợp bùn/ nước từ bể hiếu khí được dẫn sang bể lắng theo nguyên tắc tự chảy. Nước thải được phân phối xuống đáy bể lắng; nhờ trọng lực của bông cặn, hỗn hợp thải được phân ly ra làm ba pha riêng biệt (pha bùn cặn, pha huyền phù, pha nước trong). Do đó, việc phân tách hoàn toàn thể rắn và nước trong ra hai pha tách biệt; các hạt huyền phù, bông cặn có tỷ trọng lớn sẽ dễ dàng lắng xuống đáy. Nước sạch đi ra theo rãnh thu nước chảy sang bể khử trùng. Bùn lắng được thu xuống đáy dốc của bể lắng và tự động được bơm tuần hoàn trở lại bể thiếu khí. Phần bùn dư được bơm định kỳ sang bể chứa bùn.

- **Bể khử trùng**: Nước thải sau khi qua thệ thống đã đảm bảo gần như hoàn toàn tiêu chí. Riêng chỉ tiêu vi sinh là không đạt. Để đảm bảo chỉ tiêu vi sinh, vi khuẩn thì ta tiến hành khử trùng. Bằng cách sử dụng bơm định lượng châm hóa chất khử trùng Javen vào bể khử trùng. Nước thải sẽ được tiếp xúc với hóa chất khử trùng. Sau thời gian tiếp xúc khoảng 30 phút thì toàn bộ vi khuẩn và các vi sinh vật gây bệnh sẽ bị chết gần như hoàn toàn. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo QCVN 28:2010/BTNMT, cột B quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

- **Bể chứa bùn**: Lượng bùn sinh ra trong quá trình xử lý nước thải y tế sẽ được thu gom về bể chứa bùn sau đó sẽ được hút định kỳ bởi các đơn vị thu gom, vận chuyển.

Các thiết bị lắp đặt của hệ thống xử lý nước thải tập trung:

*Bảng 3.2. Các máy móc thiết bị lắp đặt hệ thống xử lý nước thải của trung tâm y tế*

STT	Tên vật tư	Xuất xứ	Đơn vị	Số Lượng
I	HỒ GOM- 01			

1	Bơm hồ gom Model: L-10315 Grampus Lưu lượng: Q = 4 m <sup>3</sup> /h Cột áp: H = 6m Chủng loại: Bơm chìm nước thải Công suất: 220V/50Hz/0,25Kw	Đài Loan	Bộ	2
2	Đồng hồ đo lưu lượng đầu vào: DN 25	Trung Quốc	Bộ	1
3	Bồn xử lý sinh học: Vật liệu: FRP (composite) Kích thước: DxL=2400x7000mm Chiều cao tổng thể H=2700mm Bao gồm: Máng răng cưa thu nước tấm gạt bùn, ống trung tâm DxH=600x1800mm, vách thu bùn, gia công đỡ máy giảm tốc, ụ đỡ trục, nắp thăm, cổ bể, chân đế và thân bồn, 05 vách ngăn các bể Điều hòa, thiếu khí, MBBR, lắng, khử trùng, chứa bùn.	Việt Nam	Hệ	1
<b>II</b>	<b>NGĂN ĐIỀU HOÀ - 02</b>			
1	Bơm nước thải bể điều hòa: Lưu lượng: 8 m <sup>3</sup> /h Cột áp: 6m Chủng loại: Bơm chìm nước thải Công suất: 220V/50Hz/0,25Kw	Đài Loan	Bộ	2
2	Đĩa phân phối khí. Model: CBD105 Jaeger Lưu lượng: 2-25m <sup>3</sup> /h Đường kính: 105mm	Đức	Đĩa	6
<b>III</b>	<b>NGĂN THIẾU KHÍ</b>			
1	Máy khuấy trộn chìm: Model: EFM-05T Evergush Lưu lượng: 1,83 m <sup>3</sup> /min Tốc độ 1,78m/s Công suất: 0,4kw/380v/50hz Máy bao gồm cáp tiêu chuẩn 5m, thanh dẫn hướng, xích kéo inox	Đài Loan	Bộ	1
<b>IV</b>	<b>NGĂN HIẾU KHÍ</b>			
1	Đĩa phân phối khí tinh: Model: HD270 Jaeger Lưu lượng : 2-6m <sup>3</sup> /h Đường kính: D=268mm,	Đức	Đĩa	12

2	Giá thể vi sinh di động MBBR. Model: PE05 Diện tích bề mặt 500-1000m <sup>2</sup> /m <sup>3</sup> Vật liệu: PE Trắng	Việt Nam	m3	2
3	Ống chắn giá thể MBBR. Vật liệu PVC D160 Kích thước lỗ lọc: 8mm	Việt Nam	Bộ	2
<b>V</b>	<b>NGĂN LẮNG SINH HỌC</b>			
1	Hệ thống gạt bùn bể lắng: Động cơ 0,4kw, ~ 0,2 RPM Hệ thống cơ khí dưới bể: Trục cánh khuấy, cánh gạt SUS304, lưới gạt inox 304.	Đài Loan	Bộ	1
2	Bơm bùn tuần hoàn và bùn thải: Model: DWO 037 Ewara Điện áp: 380V/50HZ/0,37Kw Lưu lượng: 6 – 1 m <sup>3</sup> /h. áp : 7 – 12m Họng hút xả: 32 – 25mm	Trung Quốc	Bộ	2
<b>VI</b>	<b>NHÀ ĐIỀU HÀNH</b>			
1	Máy thổi khí độ ồn thấp: Model: HC401S Tohin Lưu lượng: 1,39 m <sup>3</sup> /phút; H=3m Động cơ Energetech : 2.2kw/380V/50Hz máy trộn bộ, đầy đủ giảm thanh, khớp nối mềm, bệ máy, van, đồng hồ, puly, curoa	Nhật bản	Bộ	2
2	Hệ định lượng hóa chất khử trùng: Blue – White C-6125P (30L) Lưu lượng: 0-30l/h áp 3-6 bar/ Điện áp: 220v/50Hz/45w	USA	Bộ	1
3	Hệ định lượng hóa chất PAC: Bồn hóa chất 300 lít PE	USA	Bộ	1
4	Đồng hồ đo lưu lượng đầu ra: DN 25	Trung Quốc	Bộ	1
5	Phao báo mức: Mac 3	Italia	Bộ	5
<b>VII</b>	<b>HỆ LỌC</b>			
1	Bồn lọc nước Vật liệu: Composite Autovan điều khiển tự động Vật liệu lọc: Than hoạt tính, cát lọc, sỏi đỡ	Trung Quốc	Hệ	1
2	Bơm lọc nước: Ewara CDX 120/15 Lưu lượng Q = 2,4 – 10,8 m <sup>3</sup> /h	Trung Quốc	Cái	2

	Điện áp: 380V/50Hz/1,1Kw			
<b>VIII</b>	<b>HỆ THỐNG ĐIỆN</b>			
1	Hệ thống tủ điện: Dây điện nguồn từ tủ điện dẫn đến các động cơ Máng điện đỡ dây điện từ tủ điện đến các vị trí chờ ..., ống luồn bảo vệ dây điện đến các động cơ... Không bao gồm dây cáp nguồn kéo vào tủ điện điều khiển	Việt Nam	Hệ	1
<b>IX</b>	<b>HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ</b>			
1	Hệ thống đường ống công nghệ: Hệ thống đường ống dẫn nước, bùn, bùn thải: UPVC Hệ thống đường ống cấp khí PVC, Hệ thống đường ống dưới bể: pvc Hệ thống đường ống trên bể: PVC, Phụ kiện: Bích, van, tê, cút Upvc,		Hệ	1



*Hình 3.3. Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm Y tế*

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Hoạt động của các Trung tâm Y tế sẽ phát sinh bụi, khí thải từ các nguồn sau:



- Từ hoạt động của phương tiện giao thông ra vào Trung tâm.
- Từ hoạt động khám chữa bệnh: Quá trình khám chữa bệnh, lưu giữ bệnh phẩm, xét nghiệm, khử trùng, lưu giữ hóa chất xét nghiệm... sẽ làm phát sinh các khí thải như: Hơi Aceton, este, formandehit, phenol, benzene, clo, iot, HCl, ...
- Ô nhiễm mùi, khí thải phát sinh từ khu tập kết chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải và thoát nước thải của Trung tâm ...
- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng của Trung tâm trong khi vận hành.

## **2.1. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông**

Để giảm thiểu các tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông, hiện tại các trung tâm y tế đã và đang thực hiện hiệu quả các biện pháp sau:

- Quy định bãi đỗ xe cho từng loại phương tiện giao thông ra vào khu vực trung tâm y tế. Khu vực bãi đỗ xe được bố trí ngay gần cổng ra vào trung tâm y tế.
- Quy định các phương tiện ra vào trung tâm y tế tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực trung tâm y tế.
- Cử người hướng dẫn, sắp xếp vị trí đậu đỗ xe cho khách ra vào bệnh viện để tránh cho các phương tiện nổ máy quá lâu phát sinh nhiều khí thải trong khu vực đỗ xe.
- Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng các xe của trung tâm y tế, không chở quá tải trọng quy định.
- Hàng ngày quét dọn vệ sinh tuyến đường nội bộ trong khuôn viên trung tâm y tế.
- Trong khuôn viên trung tâm y tế và khu vực cổng ra vào và xung quanh tường rào trung tâm y tế được trồng nhiều cây xanh, bồn hoa để tạo không khí thoáng mát cho khu vực trung tâm y tế.
- Cấm biển thông báo yêu cầu các phương tiện tắt máy xe, dặt bộ vào khu vực nhà để xe.
- Định kỳ phun nước tưới đường để giảm thiểu bụi.

## **2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh của Trung tâm**

Trong quá trình khám chữa bệnh của trung tâm phát sinh các tác nhân gây ô nhiễm không khí. Để giảm thiểu các tác động này, trung tâm y tế sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu như:

- Trung tâm y tế đã thành lập tổ vệ sinh chịu trách nhiệm vệ sinh cho toàn trung tâm y tế.
- Hàng ngày, nhân viên dọn vệ sinh của trung tâm y tế sẽ quét dọn vệ sinh sân đường trong khuôn viên trung tâm y tế, vệ sinh phòng bệnh và hành lang các khu nhà của trung tâm y tế. Tại các khu nhà vệ sinh sử dụng hóa chất Vim để khử khuẩn, tẩy uế với khối lượng: 5,0 lít/tháng; Phòng bệnh, hành lang sử dụng nước lau sàn với khối lượng 30 lít/tháng. Khu nhà chống nhiễm khuẩn sử dụng hóa chất Cloramin B để sát khuẩn.
- Định kỳ 01 tháng/lần, trung tâm y tế sẽ thực hiện tổng vệ sinh toàn trung tâm y tế, rửa nền sàn nhà bằng hóa chất sát khuẩn Cloramin B pha loãng 10%. Khối lượng hóa chất Cloramin B sử dụng sát khuẩn trung tâm y tế định kỳ là 3,0 kg/ngày.

- Các phòng khám, điều trị, chuẩn đoán có hệ thống cửa sổ, hệ thống thông khí đồng bộ và được thiết kế đảm bảo số lần trao đổi không khí tự nhiên và nhân tạo theo các tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành.

- Đối với khoa có labo xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm được lắp đặt hệ thống thông khí cục bộ và xử lý khí độc như: chụp hút, tủ hút,... với tổng số lượng 01 chụp hút. Máy chụp hút hoạt động theo nguyên lý rất đơn giản khi bật thiết bị lên hệ thống hút sẽ kéo mùi ra khỏi phòng nhờ quạt hút, thu lại vào hệ thống của máy. Bên trong thiết bị có bộ xử lý bằng phin lọc than hoạt tính, các hóa chất bay hơi gây hại như axit, chất ăn mòn, dung dịch hoạt tính cao... Các loại dung môi dễ bay hơi sẽ được hút và cố định bởi bộ phin lọc than hoạt tính. Bộ phin này sẽ được định kỳ thay thế 6 tháng/1 lần.

- Trong khuôn viên trung tâm y tế được trồng cây xanh để giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh ra môi trường xung quanh.

### **2.3. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống thu gom và xử lý rác thải, nước thải của trung tâm y tế**

Để ngăn chặn các tác động có hại do mùi hôi từ nước thải và chất thải rắn, trung tâm y tế đã và đang thực hiện các biện pháp như sau:

- Đối với công nhân vận hành hệ thống xử lý nước thải, rác thải: Được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động bao gồm: Khẩu trang hoạt tính, quần áo, gang tay, mũ, ủng, giày.... Yêu cầu công nhân khi vận hành hệ thống phải mang đầy đủ bảo hộ lao động.

- Đối với các công trình xử lý nước thải:

+ Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của trung tâm đều được xây dựng kiên cố, có nắp bê tông che đậy kín tránh sự phát tán mùi hôi.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

+ Đối với hệ thống thoát nước, hố ga: Định kỳ (06 tháng/lần) tiến hành nạo vét cống rãnh thoát nước.

+ Đối với công trình bể tự hoại: Tiến hành 01 lần/năm nạo hút bể phốt; Bổ sung chế phẩm vi sinh (BIO dạng bột) để tăng hiệu quả xử lý của công trình với tần suất 02 lần/năm; Liều lượng: Gói 200 g xử lý cho 1m<sup>3</sup> nước thải bể phốt, khối lượng chế phẩm vi sinh cho vào bể phốt: 6,0 kg/lần, tương đương 12,0 kg/năm

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo hệ thống hoạt động tốt tránh việc phát sinh mùi và khí thải.

- Đối với công trình xử lý chất thải:

+ Chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ vào các thùng nhựa composite có nắp đậy, lưu giữ trong nhà lưu giữ chất thải có mái che, cửa đóng kín để tránh phát sinh mùi và gặp nước dễ phân hủy gây mùi, khí thải. Vệ sinh các thùng sau khi đưa chất thải đi xử lý.

+ Chất thải được đưa đi xử lý trong ngày không lưu rác thải qua đêm tại trung tâm y tế để hạn chế mùi phát sinh.

+ Thường xuyên kiểm tra lại các thùng thu gom chất thải rắn để kịp thời thay thế cho các thùng bị hư hỏng.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại. Thường xuyên kiểm tra các gioang dẫn khí và kịp thời thay thế các gioang bị nứt, giãn do nhiệt để tránh rò rỉ khí thải gây mùi ra ngoài môi trường.

- Xung quanh khu vực xử lý nước thải, chất thải được trồng cây xanh để hạn chế sự phát tán mùi, khí thải, tạo môi trường không khí trong lành cho khu vực trung tâm y tế.

### 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

#### *\*Nguồn phát sinh*

*Chất thải rắn thông thường:* Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, CBCNV, phòng hành chính, kho dược (như giấy báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi đựng phim, vỏ hộp đựng thức ăn, túi nilon...); chất thải y tế không chứa các chất lây nhiễm, không dính máu, dịch sinh học và các chất độc hại (như: các chai lọ huyết thanh bằng nhựa, thủy tinh, các vật liệu nhựa.

Theo số liệu khảo sát từ các hoạt động của các Trung tâm Y tế hiện trạng cũ, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại các Trung tâm Y tế dự kiến như sau:

*Bảng 3.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh tại các Trung tâm y tế (dự kiến)*

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
	<b>Chất thải rắn</b>	<b>125</b>	<b>139</b>	<b>135</b>	<b>128</b>	<b>132</b>
-	Chất thải rắn sinh hoạt	112,5	125,1	121,5	115,2	118,8
-	Chất thải rắn y tế thông thường	12,5	13,9	13,5	12,8	13,2

#### *Trong đó:*

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Chiếm khoảng 90% tổng khối lượng chất thải y tế thông thường của trung tâm y tế. Phát sinh từ quá trình vệ sinh buồng bệnh và khoa dinh dưỡng (bao gồm thức ăn thừa, vỏ rau quả, túi nilon,...); Phòng hành chính (như: Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,...).

+ Chất thải y tế thông thường: Chiếm khoảng 10% tổng khối lượng chất thải rắn thông thường của trung tâm y tế. Là những chất thải không chứa chất lây nhiễm, không thấm máu, dịch sinh học và hóa chất độc hại phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh, bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...

Chất thải y tế thông thường khi thải trực tiếp vào môi trường mà không có biện pháp thu gom xử lý triệt để sẽ làm phát sinh mùi hôi, ngăn cản dòng chảy của hệ thống cấp thoát nước và tạo điều kiện thuận lợi cho các vi khuẩn, các loài vật gặm nhấm chuột, bọ sinh sôi và phát triển.

#### *\*Biện pháp thu gom, lưu giữ:*

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của trung tâm y tế được thu gom, phân phân loại ngay tại nguồn. Trung tâm y tế đã thực hiện quy trình phân loại và thu gom chất thải rắn ngay tại nguồn theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Các loại chất thải sẽ được đựng trong các túi, thùng theo mã màu quy định như sau:

- + Thùng, túi nilon màu xanh: Đựng chất thải rắn sinh hoạt;
- + Thùng, túi nilon màu trắng: Đựng chất thải y tế thông thường (được phép tái chế);
- Vị trí đặt các thùng thu gom chất thải rắn:
- + Tại hành lang mỗi tầng của mỗi khu nhà đặt 02 thùng nhựa 60 lít/thùng thu gom chất thải rắn sinh hoạt.
- + Tại các xe tiêm thuốc đặt 01 thùng 5 lít đựng chất thải y tế nguy hại; 01 thùng đựng kim tiêm và túi màu trắng đựng chất thải y tế thông thường.

- Vận chuyển chất thải về khu vực lưu giữ và xử lý: Chất thải rắn sau khi thu gom vào các túi, thùng sẽ được nhân viên dọn vệ sinh hàng ngày kéo xe thùng thu gom rác đưa về khu vực nhà lưu giữ chất thải của trung tâm y tế chờ đưa đi xử lý.

- Khu vực tập kết, lưu giữ chất thải:
- + Khu nhà tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Có hệ vi kèo thép, mái lợp tôn nền đổ bê tông xi măng. Trong khu tập kết có các xe thu gom rác 0,5m<sup>3</sup>, thùng composite 200lít để lưu giữ rác thải.

+ Khu nhà lưu giữ chất thải y tế: Có mái che, nền lát gạch và được chia làm 03 ô: Ô lưu trữ rác thải tái chế; ô lưu trữ chất thải y tế lây nhiễm và ô lưu giữ chất thải nguy hại. Tại các ô lưu trữ rác thải đều có các thùng composite có nắp đậy 200lit, để lưu giữ.

#### **\* Biện pháp xử lý:**

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Ký hợp đồng thu gom với đơn vị thu gom tại khu vực để thu gom xử lý hàng ngày.

- Đối với chất thải y tế thông thường (có thể tái chế): Hợp đồng với Bệnh viện đa khoa huyện để thu gom và xử lý. Định kỳ 02 ngày/01 lần

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại:**

**\*Nguồn phát sinh:** Chất thải nguy hại phát sinh ở các Trung tâm Y tế được chia làm 02 loại chất thải nguy hại lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm. Cụ thể:

- Chất thải nguy hại lây nhiễm:
- + Chất thải sắc nhọn: bao gồm: bơm kim tiêm, các ống tiêm, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác sử dụng trong các loại hoạt động y tế.
- + Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn như: bông băng thấm các dịch sinh học, máu, gạc, găng tay...
- + Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: phát sinh trong các phòng xét nghiệm như: bệnh phẩm và dụng cụ đựng, dính bệnh phẩm.
- + Chất thải giải phẫu: Bao gồm các mô, cơ quan, bộ phận cơ thể người...
- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- + Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại.
- + Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại của nhà sản xuất.
- + Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng.
- + Chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 như: Pin, ắc quy, bóng đèn neon hư hỏng...

Theo số liệu khảo sát từ các hoạt động của các Trung tâm Y tế hiện trạng cũ, khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại các Trung tâm Y tế dự kiến như sau:

*Bảng 3.4. Chất thải nguy hại phát sinh tại các Trung tâm y tế huyện khối lượng (dự kiến)*

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>10,0</b>	<b>16,0</b>	<b>15,0</b>	<b>12,0</b>	<b>13,0</b>
-	Chất thải y tế lây nhiễm	9,80	15,68	14,7	11,76	12,74
-	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	0,20	0,32	0,3	0,24	0,26

***Trong đó:***

- Chất thải y tế lây nhiễm: Chiếm 98% chất thải y tế nguy hại. Thành phần chất thải lây nhiễm bao gồm:

+ Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn: bao gồm bơm kim tiêm, các ống tiêm, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác sử dụng trong các loại hoạt động y tế... chiếm 5% chất thải y tế nguy hại phát sinh của trung tâm y tế.

+ Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn: Chiếm 90% tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại. Đây là loại chất thải chứa chất lây nhiễm; chất thải thấm, dính, chứa máu hoặc dịch sinh học; chất thải phát sinh từ các buồng bệnh cách lý, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao phát sinh từ các phòng xét nghiệm (như: dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm),...

+ Chất thải giải phẫu: Bao gồm các mô bệnh phẩm phát sinh từ các phòng phẫu thuật, thủ thuật; nhau thai... Chiếm 3% chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Chiếm 2% chất thải y tế nguy hại. Thành phần chất thải bao gồm:

+ Hóa chất thải bỏ; dược phẩm thải bỏ, bị hỏng; Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng. Loại chất thải này mặc dù không lây nhiễm nhưng lại thuộc danh mục chất thải nguy hại theo Thông tư số Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường, do đó cần được thu gom và xử lý riêng đúng theo quy định. Tuy nhiên, loại chất thải này không phát sinh tại trung tâm y tế do trung tâm y tế không sử dụng dược phẩm, hóa chất, thiết bị y tế kém chất lượng và không dự trữ thừa trong kho.

+ Chất thải nguy hại khác: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy... Chiếm 2% tổng khối lượng chất thải y tế nguy hại.đêm. Đây là loại chất thải nguy hại chứa thành phần thủy ngân và các kim loại nặng cao gây độc cho tế bào, khó xử lý, gây nguy hại cho môi trường nếu không được thu gom và xử lý riêng.

Ngoài ra, ở các Trung tâm Y tế còn có bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các Trung tâm Y tế. Theo giáo trình “Xử lý nước thải của PGS.PTS Hoàng Huệ Trường Đại học Kiến Trúc Hà Nội - NXB Xây dựng năm 1996” thì trong quá trình xử lý nước thải bằng bất kỳ phương pháp nào cũng tạo nên một lượng cặn đáng kể (bằng 0,1 – 0,3% tổng lưu lượng nước thải). Như vậy, với tổng lượng nước thải lớn nhất là 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm thì lượng cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường tối đa là:

$$10 \times 0,3\% \times 365 \text{ ngày} = 10,95 \text{ m}^3/\text{năm}$$

#### ***\*Biện pháp thu gom, lưu giữ***

Trung tâm y tế đã thực hiện quy trình phân loại và thu gom chất thải y tế nguy hại ngay tại nguồn theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Các loại chất thải sẽ được đựng trong các túi, thùng theo mã màu quy định như sau:

+ Thùng, túi nilon màu vàng: Đựng chất thải y tế nguy hại được phép tiêu hủy (chất thải y tế lây nhiễm;

+ Hộp màu vàng đựng chất thải sắc nhọn dung tích 200 lit: Đựng chất thải sắc nhọn như kim tiêm.

Tập kết về khu tập kết chất thải lán nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

Trung tâm y tế quản lý chất thải bằng sổ ghi chép chất thải rắn y tế phát sinh tại trung tâm y tế; Khối lượng chất thải phát sinh, khoa phòng phát sinh; Sổ theo dõi xử lý các loại chất thải rắn y tế; Sổ giao chất thải với các cơ sở y tế ngoài trung tâm y tế.

#### ***\*Biện pháp xử lý:***

Biện pháp xử lý chất thải nguy hại của các Trung tâm Y tế sẽ được hợp đồng với các đơn vị xử lý quy định theo Quyết định số 36/2024/QĐ-UBND ngày 23/07/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành quy định về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể:

- Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn, Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa và Trung tâm Y tế huyện Yên Định sẽ hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa huyện Triệu Sơn để thu gom và xử lý. Định kỳ 02 ngày/01 lần.

- Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa và Trung tâm Y tế huyện Hà Trung sẽ hợp đồng với Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc để thu gom và xử lý. Định kỳ 02 ngày/01 lần.

- Riêng đôi với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung được các Trung tâm hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ nạo vét 06 tháng/01 lần và xử lý đúng quy định.

## **5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung (nếu có):**

**\*Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:** Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình hoạt động bao gồm:

- Hoạt động của các phương tiện giao thông.
- Hoạt động vận hành của các trang thiết bị trung tâm y tế.
- Hoạt động tập trung đông người ở trung tâm y tế.

Tuy nhiên, tại các trong khuôn viên trung tâm y tế, các công trình được bố trí riêng biệt, có khoảng cách nhất định giữa khu vực để xe với khu khám chữa bệnh nên khả năng phát tán tiếng ồn ra môi trường xung quanh được hạn chế đáng kể.

Các trang thiết bị trong trung tâm y tế là thiết bị công nghệ cao, hầu như không có thiết bị phát sinh độ ồn lớn.

**\*Biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung:** Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đang được áp dụng tại trung tâm y tế như sau:

- Quy định các phương tiện ra vào trung tâm y tế tắt máy khi vào cổng và cấm bóp còi trong khu vực trung tâm y tế.
- Có các bảng nội quy yêu cầu y bác sỹ, bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và khách đến thăm đi nhẹ, nói khẽ.
- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị để đảm bảo thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt, tránh gây tiếng ồn.
- Trong khuôn viên của trung tâm y tế được trồng cây xanh, bồn hoa, cây cảnh không những tăng tính thẩm mỹ cho khu vực trung tâm y tế, tạo cảm giác dịu êm mà còn có tác dụng rất lớn trong việc hút bụi, lọc không khí, giảm và ngăn chặn tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt.

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:**

### **a. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố cháy nổ**

Trong quá trình hoạt động của trung tâm y tế có thể xảy ra cháy nổ do chập điện, sét đánh... Để phòng ngừa các hiện tượng này, trung tâm y tế đang áp dụng hiệu quả các biện pháp sau:

- Ở các Trung tâm Y tế đã được lắp đặt các trang thiết bị chữa cháy đầy đủ theo đúng quy định của Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Thanh Hóa thẩm định và cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy tại các văn bản cụ thể:

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 300/TD-PCCC ngày 24/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 301/TD-PCCC ngày 24/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 302/TD-PCCC ngày 24/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 313/TD-PCCC ngày 24/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

+ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 314/TD-PCCC ngày 24/07/2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH.

Với các loại thiết bị và hệ thống phòng cháy và chữa cháy cụ thể:

- + Lắp đặt bình chữa cháy MT3, MFZ4....
- + Hệ thống báo cháy tự động
- + Chuông đèn báo cháy
- + Hệ thống chữa cháy vách tường
- + Trụ nước chữa cháy
- + Đèn Exit thoát hiểm, nội quy chữa cháy.
- Trên mái các khu nhà lắp đặt hệ thống chống sét: gồm kim thu sét, dây dẫn sét bằng thép, cọc tiếp địa.
- Xây dựng nội quy an toàn sử dụng điện, sử dụng bình oxy phổ biến tại các vị trí làm việc.
- Đối với các cáp điện được đặt ở trên cao có automat tự cắt khi xảy ra chập điện, cầu dao điện được thiết kế phù hợp và được đặt trong hộp quy định.
- Thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị sử dụng điện để tránh xảy ra sự cố cháy nổ do chập điện.
- Hàng năm tập huấn cho cán bộ công nhân viên các phương thức và biện pháp xử lý trong trường hợp có sự cố xảy ra để ứng phó kịp thời.

#### **b. Phòng ngừa sự cố rác thải, liều suất bức xạ, hóa chất và dịch bệnh**

Để đảm bảo công tác phòng ngừa và xử lý các sự cố rác thải, LSBX, hóa chất và dịch bệnh,... các TTYT huyện có kế hoạch chuẩn bị phương án, phương tiện và con người để thực hiện như sau: Thành lập Khoa kiểm soát nhiễm khuẩn tại trung tâm có trách nhiệm theo dõi, giám sát và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý đối với các vấn đề y tế phát sinh như dịch bệnh, khử khuẩn, CTR phát sinh, nước thải y tế,... Cụ thể: Khoa chống nhiễm khuẩn có trách nhiệm chỉ đạo việc thực hiện quy chế chống nhiễm khuẩn. Khoa có nhiệm vụ:

- Thực hiện chỉ đạo tuyến;
- Khử khuẩn, tiệt khuẩn dụng cụ y tế cho toàn trung tâm.
- Giám sát việc xử lý chất thải cho toàn trung tâm.
- Bảo đảm vệ sinh trung tâm sạch đẹp.
- Giám sát mọi thành viên trong trung tâm thực hiện kỹ thuật vô khuẩn, vệ sinh khoa phòng, vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Khoa được trang bị đủ phương tiện, dụng cụ, hoá chất để thực hiện nhiệm vụ.
- Đối với máy X-Quang: định kỳ 2 lần/năm trung tâm đều tiến hành đo đặc LSBX và liều cá nhân cho nhân viên. Phòng X-Quang được thiết kế đảm bảo chống rò rỉ tia X đúng theo tiêu chuẩn thiết kế phòng X-Quang. Phát liều kế nhiệt phát quang cho các nhân viên bức xạ với mức liều suất giới hạn là 20 mSV/năm.
- Đối với dịch bệnh:



- Nghiêm cấm đưa ra khỏi trung tâm những hàng hoá, vật phẩm, thực phẩm, đồ uống có khả năng truyền dịch bệnh.

- Nghiêm cấm tuyệt đối các bệnh nhân sinh hoạt bên ngoài trung tâm, đặc biệt đối với các bệnh nhân điều trị ở các khoa lây nhiễm.

- Thực hiện thường xuyên công tác tẩy uế, diệt khuẩn, vệ sinh môi trường hàng ngày.

- Nghiêm cấm không cho bệnh nhân ra khỏi trung tâm, tiếp xúc với người ngoài khi đang trong quá trình điều trị nội.

- Nghiêm cấm tuyệt đối đưa người và phương tiện vào nơi có khả năng lây lan dịch bệnh; trong trường hợp đặc biệt cần trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng hộ theo đúng quy định của Bộ Y tế.

- Đảm bảo an toàn hóa chất:

+ Ban hành quy định về an toàn hoá chất và thông báo cho tất cả các cán bộ trong Trung tâm.

+ Cán bộ y bác sĩ, kỹ thuật viên làm việc trực tiếp tiếp xúc với hóa chất được trang bị bảo hộ lao động.

+ Nơi chứa hóa chất, dược phẩm được bố trí riêng và tuân thủ theo quy định về an toàn hóa chất.

+ Hóa chất sử dụng đều được chứa trong dụng cụ chuyên dụng và được đậy kín tránh hiện tượng bay hơi và rò rỉ ra bên ngoài.

### **c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hư hỏng hệ thống thu gom, xử lý chất thải và hệ thống xử lý nước thải tập trung**

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó mà trung tâm y tế đã và đang áp dụng như sau:

- Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải, nước thải đều được tập huấn quy trình vận hành; hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng và khắc phục sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý để hạn chế việc hư hỏng hệ thống xử lý phải tạm dừng để sửa chữa.

- Tổ vận hành hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn đã được đào tạo tập huấn các lớp chuyển giao công nghệ xử lý và được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (Quần áo, mũ, gang tay, khẩu trang...) khi vận hành hệ thống.

- Đối với hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Trung tâm y tế yêu cầu nhân viên vệ sinh, tổ vệ sinh của trung tâm y tế thường xuyên kiểm tra tình trạng các thùng chứa chất thải để phát hiện hư hỏng, kịp thời thay thế.

+ Các thùng thu gom chất thải không được đung quá công suất theo quy định để tránh làm hư hỏng.

+ Định kỳ bảo dưỡng hệ thống xử lý chất thải nguy hại của trung tâm y tế; Thường xuyên kiểm tra các gioang dẫn khí và kịp thời thay thế các gioang bị nứt, giãn do nhiệt để tránh rò rỉ khí thải gây mùi.

- Đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

+ Định kỳ nạo vét hệ thống mương rãnh thu gom nước thải; hồ gas; bể tự hoại; bể lắng và bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tần suất nạo vét như sau:

- Mương rãnh, hồ ga: 03 tháng/lần.
- Bể tự hoại: 01 năm/lần
- Bể chứa bùn của hệ thống xử lý tập trung: 06 tháng/lần

+ Thường xuyên kiểm tra các đường ống thu gom nước thải để phát hiện ra tình trạng hư hỏng, rò rỉ hoặc tắc nghẽn và kịp thời sửa chữa, thay thế.

+ Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm y tế.

Cụ thể:

- Tại bể tách rác: Hàng ngày kiểm tra các song chắn rác để tránh tình trạng rác bám vào song chắn rác quá nhiều gây tắc nghẽn việc dẫn nước vào hệ thống.
- Bể hiếu khí: Hàng ngày vệ sinh đầu dò do bị bẩn, bị lắng bao quanh; Kiểm tra hệ thống phân phối khí để hạn chế sự phân phối bọt khí trong bể không đều (có vùng có khí, có vùng không có khí) do giá thể bị tắc hoặc hệ thống phân phối khí bị hỏng, bị hỏng.
- Bể khử trùng: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị pha chế hóa chất, máy khuấy, hóa chất để đảm bảo các thiết bị khử trùng vẫn hoạt động tốt.
- Định kỳ kiểm tra đường ống, van khóa như: độ kín, hở của van khóa, khả năng đóng mở của van khóa; hiện tượng rò rỉ đường ống...

+ Trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải bị hư hỏng, gặp sự cố mà chưa thể kịp thời khắc phục thì toàn bộ lượng nước thải được lưu giữ trong hệ thống; nhanh chóng khắc phục hệ thống. Sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại, nước thải được bơm quay vòng lại để xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (Cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế mới thải ra môi trường tiếp nhận.

- Đối với hệ thống thu gom và xử lý khí thải: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, vệ sinh các thiết bị xử lý khí thải như: chụp hút, tủ hút, quạt hút... để đảm bảo các thiết bị xử lý vẫn hoạt động tốt.

#### **d. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố mất điện, mất nước**

Để phòng ngừa sự cố mất điện, mất nước đảm bảo cho hoạt động khám chữa bệnh của trung tâm y tế, trung tâm y tế đã thực hiện các biện pháp sau:

- Trung tâm y tế xây dựng 01 bể nước ngầm có dung tích 20 m<sup>3</sup> để đảm bảo cấp nước liên tục cho hoạt động của trung tâm y tế khi xảy ra sự cố mất nước tạm thời.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống cấp nước để tránh hiện tượng rò rỉ, tắc đường ống làm mất nước cấp cho trung tâm y tế.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường điện, dây dẫn điện, các thiết bị sử dụng điện để tránh hiện tượng chập điện gây cháy nổ, làm mất điện.

- Trang bị một máy phát điện dự phòng tại mỗi trung tâm y tế công suất 160kVA.

#### **e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố vận hành máy móc**

Để tăng cường công tác quản lý và sử dụng máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động, cần tiến hành các biện pháp sau:

- Nhân viên vận hành máy móc, thiết bị được tập huấn kỹ thuật và an toàn lao động khi vận hành.

- Các máy móc, thiết bị phải được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng; được kiểm định định kỳ, dán tem kiểm định trong quá trình sử dụng.

#### **f. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố va chạm giữa người nhà bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và các cán bộ trong trung tâm y tế**

Để giảm thiểu các sự cố va chạm giữa người nhà bệnh nhân, bệnh nhân với các nhân viên trung tâm y tế thì trung tâm y tế cần thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện thủ tục khám bệnh nhanh để tránh cho người bệnh chờ đợi quá lâu.
- Tìm cách thông báo, giải thích bệnh đến người nhà bệnh nhân, bệnh nhân một cách hợp lý để tránh việc bệnh nhân, người nhà bệnh nhân chịu cú sốc khi phát hiện bệnh.
- Quy định nhân viên, y bác sỹ thực hiện khám chữa bệnh phải ăn nói nhẹ nhàng với người bệnh, người nhà bệnh nhân.

### **7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác (nếu có):**

#### **a. Biện pháp phòng ngừa tác động do quá trình chuẩn đoán hình ảnh từ phòng chụp, chiếu hình ảnh**

Ở các Trung tâm Y tế có phòng Chụp, chiếu hình ảnh vì vậy sẽ làm phát sinh ra các tia bức xạ Xquang từ việc sử dụng thiết bị chiếu chụp Xquang để chuẩn đoán bệnh. Các tia bức xạ này sẽ gây ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh. Để giảm thiểu các tác động do tia bức xạ từ quá trình chụp chiếu Xquang, hiện nay Trung tâm y tế thực hiện các biện pháp sau:

- Phòng chiếu chụp X-quang được xây dựng theo đúng tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 365:2007 – Tiêu chuẩn thiết kế trung tâm y tế đa khoa. Cụ thể: trần, tường, cửa ra vào các phòng chiếu, chụp được ốp bằng vật liệu cản tia bức xạ X, cánh cửa làm bằng vật liệu chì để chống tia bức xạ X phát tán ra bên ngoài.

- Các thiết bị chụp X-quang của trung tâm y tế đều có xuất xứ rõ ràng. Định kỳ tiến hành kiểm tra mức độ hoạt động an toàn của máy X – quang, xác định chế độ làm việc tin cậy của thiết bị so với thiết kế.

- Nhân viên vận hành máy được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, liều kế cá nhân và được khám sức khỏe định kỳ.

#### **b. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động do lây nhiễm, lây nhiễm chéo dịch bệnh đến khu vực và ngay trong trung tâm y tế**

Để phòng ngừa, giảm thiểu các tác động do lây nhiễm, lây nhiễm chéo, trung tâm y tế sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Phân khoa lây nhiễm đối với những trường hợp bệnh nhân bị các bệnh virus dễ lây nhiễm, bị bệnh dịch, khoa lây nhiễm được bố trí riêng biệt, nhằm hạn chế tác động xấu tới bệnh nhân khác và người nhà.

- Khi điều trị cho các bệnh nhân mắc các bệnh lây nhiễm các trang phục phòng hộ cá nhân chỉ dùng một lần, là chất thải lây nhiễm, sau khi tháo phải bỏ ngay vào thùng chất thải lây nhiễm (thùng màu vàng) và được đậy nắp.

- Vệ sinh tay trước khi ra khỏi buồng bệnh lưu trú bệnh nhân lây nhiễm.

- Tuyên truyền cho các người thân tiếp xúc với bệnh nhân về cách phòng chống lây nhiễm; vệ sinh tay trước khi ra khỏi trung tâm y tế nhằm tránh lây lan dịch bệnh ra bên ngoài.

- Nghiêm cấm đưa ra khỏi trung tâm những hàng hoá, vật phẩm, thực phẩm, đồ uống có khả năng truyền dịch bệnh.

- Nghiêm cấm tuyệt đối các bệnh nhân sinh hoạt bên ngoài trung tâm, đặc biệt đối với các bệnh nhân điều trị ở các khoa lây nhiễm.

- Thực hiện thường xuyên công tác tẩy uế, diệt khuẩn, vệ sinh môi trường hàng ngày.

- Nghiêm cấm không cho bệnh nhân ra khỏi trung tâm, tiếp xúc với người ngoài khi đang trong quá trình điều trị nội.

- Nghiêm cấm tuyệt đối đưa người và phương tiện vào nơi có khả năng lây lan dịch bệnh; trong trường hợp đặc biệt cần trang bị đầy đủ các dụng cụ phòng hộ theo đúng quy định của Bộ Y tế.

**8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có):** Không

## CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải (nếu có):

#### 1.1. Đối với Trung tâm Y tế huyện Hà Trung

##### a. Nguồn phát sinh nước thải

Hoạt động của các Trung tâm phát sinh nước thải từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ vệ sinh phòng bệnh với lưu lượng 2,78 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh từ khu vực các nhà vệ sinh của Trung tâm lưu lượng 1,668 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh và vệ sinh các thiết bị y tế cũng như dụng cụ thu gom lưu giữ chất thải y tế với lưu lượng 1,462m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

##### b. Dòng nước thải, lưu lượng và vị trí xả nước thải

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- **Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:** Toạ độ vị trí cửa xả nước thải của bệnh viện (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>) như sau:

✓ Toạ độ điểm xả thải sau xử lý: X=2212715,85 (m); Y=589598,13(m);

✓ Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận mương thoát nước chung của khu vực như sau: X = 2209180,69(m); Y = 566911,78 (m).

- **Chế độ xả nước thải:** 24h/ngày.đêm.

- **Phương thức xả thải:** Tự chảy.

- **Chất lượng nước thải:**

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, (cột B, K= 1,2) cụ thể như sau:

*Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định	
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
	COD		120		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	60		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	số 08/2022/ NĐ-CP)	
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
8	Tổng hoạt độ phóng xạ $\delta$	Bq/l	0,12		
9	Tổng hoạt độ phóng xạ $\rho$	Bq/l	1,2		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

## 1.2. Đối với Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa

### a. Nguồn phát sinh nước thải

Hoạt động của các Trung tâm phát sinh nước thải từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ vệ sinh phòng bệnh với lưu lượng 3,575 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh từ khu vực các nhà vệ sinh của Trung tâm lưu lượng 2,145 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh và vệ sinh các thiết bị y tế cũng như dụng cụ thu gom lưu giữ chất thải y tế với lưu lượng 1,78m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### b. Dòng nước thải, lưu lượng và vị trí xả nước thải

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- **Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:** Toạ độ vị trí cửa xả nước thải của bệnh viện (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>) như sau:

✓ Toạ độ điểm xả thải sau xử lý: X=2197531,47 (m); Y=588672,96(m);

✓ Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận mương thoát nước chung của khu vực như sau:

X = 2197510,00 (m); Y = 588667,00 (m).

- **Chế độ xả nước thải:** 24h/ngày.đêm.

- **Phương thức xả thải:** Tự chảy.

- **Chất lượng nước thải:**

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, (cột B, K= 1,2) cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
	COD		120		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	60		
	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
8	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	0,12		
9	Tổng hoạt độ phóng xạ $\rho$	Bq/l	1,2		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

### 1.3. Đối với Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn

#### a. Nguồn phát sinh nước thải

Hoạt động của các Trung tâm phát sinh nước thải từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ vệ sinh phòng bệnh với lưu lượng 2,875 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh từ khu vực các nhà vệ sinh của Trung tâm lưu lượng 1,725 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh và vệ sinh các thiết bị y tế cũng như dụng cụ thu gom lưu giữ chất thải y tế với lưu lượng 1,5m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### b. Dòng nước thải, lưu lượng và vị trí xả nước thải

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- **Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:** Toạ độ vị trí cửa xả nước thải của bệnh viện (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>, múi chiếu 3<sup>0</sup>) như sau:

✓ Toạ độ điểm xả thải sau xử lý: X=2193163,00(m); Y=565189,11(m);

✓ Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận mương thoát nước chung của khu vực như sau:

X=2193095,00(m); Y=565190,00(m).

- **Chế độ xả nước thải:** 24h/ngày.đêm.

- **Phương thức xả thải:** Tự chảy.

- **Chất lượng nước thải:**

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, (cột B, K= 1,2) cụ thể như sau:

*Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
	COD		120		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	60		
	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
8	Tổng hoạt độ phóng xạ $\delta$	Bq/l	0,12		
9	Tổng hoạt độ phóng xạ $\rho$	Bq/l	1,2		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

#### 1.4. Đối với Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa

##### a. Nguồn phát sinh nước thải

Hoạt động của các Trung tâm phát sinh nước thải từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ vệ sinh phòng bệnh với lưu lượng 2,78 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh từ khu vực các nhà vệ sinh của Trung tâm lưu lượng 1,668 m<sup>3</sup>/ngày.



- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh và vệ sinh các thiết bị y tế cũng như dụng cụ thu gom lưu giữ chất thải y tế với lưu lượng 1,462m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**b. Dòng nước thải, lưu lượng và vị trí xả nước thải**

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- **Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:** Toạ độ vị trí của xả nước thải của bệnh viện (theo hệ toạ độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>) như sau:

✓ Toạ độ điểm xả thải sau xử lý: X=2197555,69 (m); Y=571122,44(m);

✓ Toạ độ vị trí nguồn tiếp nhận mương thoát nước chung của khu vực như sau:  
X=2197537,92 (m); Y=571175,59(m).

- **Chế độ xả nước thải:** 24h/ngày.đêm.

- **Phương thức xả thải:** Tự chảy.

- **Chất lượng nước thải:**

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, (cột B, K= 1,2) cụ thể như sau:

*Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải*

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
	COD		120		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	60		
	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12		
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
8	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	0,12		
9	Tổng hoạt độ phóng xạ $\rho$	Bq/l	1,2		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		

13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
----	-----------------	--------------------	-----	--	--

### 1.5. Đối với Trung tâm Y tế huyện Yên Định

#### a. Nguồn phát sinh nước thải

Hoạt động của các Trung tâm phát sinh nước thải từ các nguồn sau:

- Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động tắm rửa, giặt giũ, rửa tay chân của cán bộ, y bác sỹ bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách thăm khám và hoạt động khám chữa bệnh và nước thải từ vệ sinh phòng bệnh với lưu lượng 3,03m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh từ khu vực các nhà vệ sinh của Trung tâm lưu lượng 1,818 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn số 03: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh và vệ sinh các thiết bị y tế cũng như dụng cụ thu gom lưu giữ chất thải y tế với lưu lượng 1,562m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### b. Dòng nước thải, lưu lượng và vị trí xả nước thải

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- **Lưu lượng xả nước thải tối đa:** 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- **Vị trí xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:** Tọa độ vị trí cửa xả nước thải của bệnh viện (theo hệ tọa độ VN - 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>) như sau:

✓ Tọa độ điểm xả thải sau xử lý: X=2209147,07 (m); Y=566951,49(m);

✓ Tọa độ vị trí nguồn tiếp nhận mương thoát nước chung của khu vực như sau:  
X=2209094,00 (m); Y=566916,00(m).

- **Chế độ xả nước thải:** 24h/ngày.đêm.

- **Phương thức xả thải:** Tự chảy.

- **Chất lượng nước thải:**

Nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Quy chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 28:2010/BTNMT, (cột B, K= 1,2) cụ thể như sau:

Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5 – 8,5	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy định tại Điều 97 và Phụ lục số
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	60		
	COD		120		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120		
4	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4,8		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	60		

	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	số 08/2022/ NĐ-CP)	XXVIII Nghị định số 08/2022/ NĐ-CP)
7	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24		
8	Tổng hoạt độ phóng xạ $\delta$	Bq/l	0,12		
9	Tổng hoạt độ phóng xạ $\rho$	Bq/l	1,2		
10	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có):

Do đặc thù hoạt động của các Trung tâm Y tế không xác định được lưu lượng xả thải và vị trí xả thải do đó Chủ dự án không xin cấp phép đối với nội dung này.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung (nếu có):

### 3.1. Đối với Trung tâm Y tế huyện Hà Trung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép như sau:
  - + Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
  - + Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung
  - + Máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2212778,33 (m); Y = 589572,97 (m).
  - + Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2212710,15 (m); Y = 589558,13 (m).
- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

- + Đối với tiếng ồn:

*Bảng 4.6. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- + Đối với độ rung:

*Bảng 4.7. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Đối với Trung tâm Y tế huyện Hoàng Hóa

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép như sau:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung

+ Máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2197515,14 (m); Y = 588715,03(m).

+ Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2197531,14 (m); Y = 588672,76 (m).

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

*Bảng 4.8. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Đối với độ rung:

*Bảng 4.9. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 3.3. Đối với Trung tâm Y tế huyện Triệu Sơn

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép như sau:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung

+ Máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2193107,95 (m); Y = 565214,52 (m).

+ Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2193126,25 (m); Y = 565178,12 (m).

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

*Bảng 4.10. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Đối với độ rung:

*Bảng 4.11. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 3.4. Đối với Trung tâm Y tế huyện Thiệu Hóa

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép như sau:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung

+ Máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2197560,39 (m); Y = 571126,09 (m).

+ Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2197545,15 (m); Y = 571112,34 (m).

- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Đối với tiếng ồn:

*Bảng 4.12. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

+ Đối với độ rung:

*Bảng 4.13. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

### 3.5. Đối với Trung tâm Y tế huyện Yên Định

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung đề nghị cấp phép như sau:

+ Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

+ Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, rung
- + Máy phát điện dự phòng. Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2209161,28 (m); Y = 566927,74 (m).
- + Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung). Toạ độ vị trí phát sinh như sau: X = 2209150,85 (m); Y = 566935,15 (m).
- Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:
- + Đối với tiếng ồn:

*Bảng 4.14. Bảng giới hạn cho phép độ ồn theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

- + Đối với độ rung:

*Bảng 4.15. Bảng giới hạn cho phép độ rung theo thời gian tiếp xúc*

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

#### **4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải**

##### **4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

###### **4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên**

Bảng 4.16. Khối lượng chủng loại CTNH phát sinh thường xuyên ở Trung tâm Y tế

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)				
			Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	08 02 04	5	5	5	5	5
2	Chất thải lây nhiễm	13 01 01	3.577	5.723,2	5.365,5	4.292,4	4.650,1
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	30	70,6	60	40,6	50,4
4	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 07	26	29,2	32,5	30	27,5
5	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	3	3	3	3	3
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2	2	2	2	2
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	2	2	2	2	2
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	5	5	5	5	5
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>3.650</b>	<b>5.840</b>	<b>5.475</b>	<b>4.380</b>	<b>4.745</b>

#### 4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

Bảng 4.17. Tổng hợp khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh ở Trung tâm (dự kiến)

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		Hà Trung	Hoàng Hóa	Triệu Sơn	Thiệu Hóa	Yên Định
	<b>Chất thải rắn</b>	<b>125</b>	<b>139</b>	<b>135</b>	<b>128</b>	<b>132</b>
-	Chất thải rắn sinh hoạt	112,5	125,1	121,5	115,2	118,8
-	Chất thải rắn y tế thông thường	12,5	13,9	13,5	12,8	13,2

#### 4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

##### 4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

###### a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 200 lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

###### b. Kho lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu lưu chứa chất thải có diện tích 10,0 m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

##### 4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

###### a. Thiết bị lưu chứa:

- Vỏ chai, vỏ hộp thuốc không chứa chất thải thông thường được thu gom vào các thùng chứa dung tích 20 lít, 120 lít và 240 lít và 06 xe đẩy tay dung tích 0,5m<sup>3</sup>/xe.
- Bùn cặn bể lắng được phơi khô và thu gom cùng chất thải thông thường.

###### b. Khu lưu chứa:

- Xây dựng 01 khu lưu chứa chất thải có diện tích 10,0 m<sup>2</sup>. Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa được đổ bê tông và láng nền vữa xi măng chống thấm, mái lợp tôn, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

#### 4.3. Chuyển giao chất thải

Hợp đồng với đơn vị môi trường có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý cho từng loại chất thải với tần suất phù hợp tại điểm tập kết rác thải.



## **CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án:**

Căn cứ điểm a, c, d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì các công trình xử lý chất thải của Cơ sở thuộc danh mục không phải thực hiện vận hành thử nghiệm. Do đó, Chủ cơ sở không thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm.

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

#### **2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ các quy định tại Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường; Điều 97 Phụ lục XXVIII của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ.

#### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

Theo quy định của pháp luật tại Điều 97 và Phụ lục số XXVIII, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, quy định về hoạt động quan trắc nước thải, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, phát sinh nước thải dưới 500 m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) thì không phải thực hiện quan trắc tự động liên tục nước thải.

## CHƯƠNG 6. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Với nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa” nêu trên Chủ dự án xin cam kết các nội dung sau đây:

1. Các thông tin, số liệu được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án là chính xác, trung thực. Nếu có gì sai trái chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật của Việt Nam.

+ Các số liệu, dữ liệu (như nguồn ô nhiễm, thông số ô nhiễm, tải lượng ô nhiễm,..) bệnh viện dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu thống kê, đo đạc thực tế tại bệnh viện trong thời gian hoạt động nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cũng như phù hợp với cơ sở trong thời gian tới.

+ Có một số đánh giá tác động, nguồn thải của dự án mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin hoặc chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về tác động nguồn thải của dự án, đồng thời đề xuất, thực hiện các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

2. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nhằm bảo đảm đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam bao gồm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện dự án:

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi sự cố môi trường xảy ra như trình bày tại chương 3 của báo cáo.

+ Nước thải từ dự án sẽ được xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (cột B, k=1,2).

+ Bụi và khí thải phát sinh từ dự án sẽ đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

+ Cam kết phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

+ Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

+ Cam kết chịu trách nhiệm trước Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá; Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam nếu có vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường./

## PHỤ LỤC BÁO CÁO

### **Phụ lục 1:**

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương;
- Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;
- Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
- Các chứng chỉ, chứng nhận, công nhận của các công trình, thiết bị xử lý chất thải đồng bộ được nhập khẩu hoặc đã được thương mại hóa;
- Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (nếu có);
- Bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường và bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Số: 4099/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 21 tháng 10 năm 2016

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các  
công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28/6/2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về hình thức tổ chức Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Kết luận số 44-KL/TU ngày 18/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các huyện, thị xã, thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 590/TTr-SNV ngày 21/10/2016,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa trên cơ sở tổ chức lại các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trực thuộc các sở, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh, bao gồm: Ban Quản lý dự án công trình văn hóa trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý dự án xây dựng trường Đại học Hồng Đức trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức, Ban Quản lý dự án công trình giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Ban Quản lý các dự án công trình xây dựng số 1, Ban Quản lý dự án công trình xây dựng số 2 trực thuộc Sở Xây dựng.

1. Vị trí pháp lý:

a) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, hoạt

động theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và Ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật.

b) Trụ sở làm việc: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp đặt tại trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa.

## 2. Chức năng:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa thực hiện chức năng theo quy định tại Khoản 2 Điều 63 của Luật Xây dựng, Khoản 3 Điều 17, Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 7, Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, cụ thể:

a) Làm chủ đầu tư một số dự án sử dụng vốn ngân sách, vốn nhà nước ngoài ngân sách khi được giao; căn cứ điều kiện cụ thể của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa thực hiện chức năng chủ đầu tư đối với từng dự án cụ thể;

b) Tiếp nhận và quản lý sử dụng vốn để đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 68, Điều 69 của Luật Xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan;

d) Thực hiện các chức năng khác khi được Chủ tịch UBND tỉnh giao và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

đ) Bàn giao công trình xây dựng hoàn thành cho chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng công trình khi kết thúc xây dựng hoặc trực tiếp quản lý, khai thác sử dụng công trình hoàn thành theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh;

e) Nhận ủy thác quản lý dự án của các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu và có đủ năng lực để thực hiện trên cơ sở đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ quản lý các dự án đã được giao.

## 3. Nhiệm vụ và quyền hạn:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 68, Điều 69 Luật Xây dựng năm 2014 và Điều 8 Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng, cụ thể:

### 3.1. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ đầu tư gồm:

a) Lập kế hoạch dự án: Lập, trình phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án hàng năm, trong đó phải xác định rõ các nguồn lực sử dụng, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện;

b) Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư xây dựng: Thực hiện các thủ tục liên quan đến quy hoạch xây dựng, sử dụng đất đai, tài nguyên, hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ cảnh quan, môi trường, phòng chống cháy nổ có liên quan đến xây dựng công trình; tổ chức lập dự án, trình thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định; tiếp nhận, giải ngân vốn đầu tư và thực hiện các công việc chuẩn bị dự án khác;

c) Các nhiệm vụ thực hiện dự án: Thuê tư vấn thực hiện khảo sát, thiết kế xây dựng và trình thẩm định, phê duyệt hoặc tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng (theo phân cấp); chủ trì phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư (nếu có) và thu hồi, giao nhận đất để thực hiện dự án; tổ chức lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng xây dựng; giám sát quá trình thực hiện; giải ngân, thanh toán theo hợp đồng xây dựng và các công việc cần thiết khác;

d) Các nhiệm vụ kết thúc xây dựng, bàn giao công trình để vận hành, sử dụng: Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình hoàn thành; vận hành chạy thử; quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình và bảo hành công trình;

đ) Các nhiệm vụ quản lý tài chính và giải ngân: Tiếp nhận, giải ngân vốn theo tiến độ thực hiện dự án và hợp đồng ký kết với nhà thầu xây dựng; thực hiện chế độ quản lý tài chính, tài sản của Ban Quản lý dự án theo quy định;

e) Các nhiệm vụ hành chính, điều phối và trách nhiệm giải trình: Tổ chức văn phòng và quản lý nhân sự Ban Quản lý dự án; thực hiện chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, viên chức thuộc phạm vi quản lý; thiết lập hệ thống thông tin nội bộ và lưu trữ thông tin; cung cấp thông tin và giải trình chính xác, kịp thời về hoạt động của Ban Quản lý dự án theo yêu cầu của Chủ tịch UBND tỉnh và của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Các nhiệm vụ giám sát, đánh giá và báo cáo: Thực hiện giám sát đánh giá đầu tư theo quy định pháp luật; định kỳ đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện dự án với Chủ tịch UBND tỉnh, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3.2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án, gồm:

a) Tổ chức thực hiện các nội dung quản lý dự án theo quy định tại Điều 66 và Điều 67 của Luật Xây dựng năm 2014;

b) Phối hợp hoạt động với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện dự án để bảo đảm yêu cầu về tiến độ, chất lượng, chi phí, an toàn và bảo vệ môi trường;

c) Thực hiện các nhiệm vụ quản lý dự án khác do Chủ tịch UBND tỉnh, chủ đầu tư giao hoặc ủy quyền thực hiện.

3.3. Nhận ủy thác quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác khi được yêu cầu, phù hợp với năng lực hoạt động của mình.

3.4. Giám sát thi công xây dựng công trình khi đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Cơ cấu tổ chức:

a) Lãnh đạo Ban Quản lý dự án:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa có Giám đốc, không quá 03 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của UBND tỉnh.

b) Các phòng chức năng, nghiệp vụ, gồm:

- Văn phòng Ban Quản lý dự án;
- Phòng Kế hoạch - Tổng hợp;
- Phòng Kỹ thuật - Thẩm định;
- Phòng Tài chính - Kế toán.

Các phòng có Trưởng phòng, không quá 02 Phó Trưởng phòng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa quyết định theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức của UBND tỉnh.

c) Các phòng Điều hành dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa có 03 phòng điều hành dự án, gồm:

- Phòng Điều hành dự án 1;
- Phòng Điều hành dự án 2;
- Phòng Điều hành dự án các công trình văn hóa.

Trong quá trình hoạt động, căn cứ quy mô, số lượng, điều kiện cụ thể của các dự án được giao quản lý, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa đề xuất phương án tổ chức các phòng trực thuộc trên cơ sở phân công thực hiện theo từng chức năng, nhiệm vụ hoặc kết hợp giữa các chức năng, nhiệm vụ được giao để trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định số lượng và tên gọi các phòng điều hành dự án của Ban Quản lý dự án.

Các phòng điều hành dự án có Giám đốc quản lý dự án cụ thể do Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm để trực tiếp điều hành, quản lý, thực hiện dự án được giao. Giám đốc quản lý dự án phải có đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng.

## 5. Số lượng người làm việc, lao động:

a) Số lượng người làm việc của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa do Giám đốc Ban Quản lý dự án, căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, cơ cấu tổ chức, điều kiện năng lực của Ban Quản lý dự án theo quy định tại Điều 64 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 30/6/2015 của Chính phủ xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc cần thiết trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để quyết định số lượng người làm việc cụ thể của Ban Quản lý dự án và thực hiện việc tuyển dụng, tiếp nhận và hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động bố trí cho Ban Quản lý dự án.

- Trong năm 2016, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa tiếp nhận toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng đang làm việc (chuyên trách) tại các ban quản lý dự án đầu tư xây dựng được tổ chức lại, đồng thời xây dựng phương án sắp xếp, tuyển dụng, hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động đối với số lao động hợp đồng đang làm việc tại các ban quản lý dự án được tổ chức lại có trình độ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, yêu cầu nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án để bố trí cho các vị trí việc làm của các ban quản lý dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện, bảo đảm việc tổ chức thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trường Đại học Hồng Đức, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc bàn giao cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng, tài chính, tài sản, dự án (nếu có) và hồ sơ, tài liệu có liên quan của các ban quản lý dự án được tổ chức lại cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa tiếp nhận, tổ chức quản lý.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trường Đại học Hồng Đức tham mưu cho UBND tỉnh xử lý các vấn đề tồn đọng, vướng mắc về tài chính, tài sản của các dự án, các ban quản lý dự án được tổ chức lại để bàn giao cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Trường Đại học Hồng Đức thực hiện việc rà soát các dự án đầu tư xây dựng do các ban quản lý dự án được tổ



chức lại đang thực hiện hoặc các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển giao chủ đầu tư cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa tiếp nhận, quản lý.

#### 4. Sở Nội vụ:

a) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan đề xuất và thực hiện quy trình, thủ tục nhân sự đề nghị bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

b) Thẩm định vị trí việc làm, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng, phương án tuyển dụng, hợp đồng lao động, sắp xếp, bố trí, sử dụng đối với số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng tiếp nhận từ các ban quản lý dự án được tổ chức lại theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện theo quy định.

5. Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa có trách nhiệm:

a) Căn cứ quy định của Luật Xây dựng, pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Thông tư số 16/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016, xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Quản lý dự án, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

b) Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan; chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án để xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và số lượng người làm việc cần thiết của Ban, gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt để thực hiện.

c) Xây dựng Phương án sắp xếp, tuyển dụng, hợp đồng lao động đối với số cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng tiếp nhận từ các ban quản lý dự án được tổ chức lại để bố trí, sử dụng cho các vị trí việc làm của Ban Quản lý dự án đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; xử lý đối với số cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng có trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm và nhiệm vụ quản lý dự án tiếp nhận từ các ban quản lý dự án được tổ chức lại, theo hướng: Số lao động hợp đồng có trình độ chuyên môn không phù hợp với vị trí việc làm và nhiệm vụ quản lý dự án, số lao động hợp đồng không xác định thời hạn thì thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ hoặc chấm dứt

hợp đồng lao động theo quy định; xử lý tài chính, tài sản có liên quan của các ban quản lý dự án được tổ chức lại.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trường Đại học Hồng Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo, website tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**CHỦ TỊCH**



The image shows the official seal of the Provincial People's Committee of Thanh Binh province. The seal is circular with the text "NHÂN DÂN TỈNH THANH BÌNH" around the perimeter. In the center, there is a map of the province. A handwritten signature in black ink is written over the seal. Below the seal, the name "Nguyễn Đình Xứng" is printed in bold black font.



Số: 310/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị  
cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của  
Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát  
triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020  
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức  
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính  
phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị  
quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ  
Chương trình;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4  
năm 2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-  
CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự  
án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự  
án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);*

*Xét Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và  
mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa; Báo  
cáo số 464/BC-VHXH ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội  
đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu*



*tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quyết định chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nhằm bảo đảm cơ sở vật chất, tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật cho người dân.

4. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: 03 phòng (Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Phòng Khám đa khoa); 04 khoa (Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng; Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Cận lâm sàng) và 01 cơ sở điều trị Methadone. Quy mô công trình từ 03 - 04 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng mỗi đơn vị khoảng 2.130 m<sup>2</sup>.

- Xây dựng khối phụ trợ gồm: Nhà bảo vệ 01 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 10 m<sup>2</sup>; Nhà để xe ô tô 01 tầng phục vụ cho 03 xe, tổng diện tích sàn xây dựng 75 m<sup>2</sup>; Nhà để xe máy cho cán bộ, nhân viên và bệnh nhân 01 tầng diện tích 200 m<sup>2</sup>; hạ tầng kỹ thuật; bể nước sinh hoạt kết hợp phòng cháy chữa cháy, trạm bơm, bể xử lý nước thải; sân đường cây xanh, công tường rào.

- Mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định.

5. Nhóm dự án: Nhóm B.

6. Lĩnh vực đầu tư: Y tế.

7. Tổng mức đầu tư dự án: Không quá 150 tỷ đồng.

8. Nguồn vốn: Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

9. Địa điểm thực hiện dự án:

+ Trung tâm y tế huyện Hà Trung: Thôn Phú Nham, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung.



- + Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa: Xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hoá.
- + Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa: Tiểu khu Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa.
- + Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn: Phố Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn.
- + Trung tâm y tế huyện Yên Định: Khu phố Ngọc Sơn, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

11. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Năm 2022 - 2023.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Chỉ đạo chủ đầu tư hoàn thành thủ tục đầu tư Dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư Dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; triển khai, thực hiện Dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả kinh tế - xã hội.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa;
- TTr HĐND, UBND các huyện Hà Trung, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trọng Hưng**



Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị  
cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa.**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 27/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 341/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2196/SXD-HĐXD ngày 11/4/2023 về báo cáo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa (kèm theo hồ sơ dự án).*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa với những nội dung sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa.

**2. Người quyết định đầu tư:** Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

**3. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa.

**4. Địa điểm xây dựng:**

- Trung tâm y tế huyện Hà Trung: Thôn Phú Nham, xã Yên Sơn, huyện

Hà Trung;

- Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa: Xã Hoằng Đức, huyện Hoàng Hóa;
- Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa: Tiểu khu Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa;
- Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn: Phố Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn;
- Trung tâm y tế huyện Yên Định: Thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.

**5. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:** Dự án nhóm C, Công trình dân dụng, cấp III, thời hạn sử dụng 20-50 năm.

**6. Tổ chức tư vấn khảo sát:** Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và môi trường BH.

**7. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi:** Công ty Cổ phần tư vấn và đầu tư Bông Sen Vàng.

**8. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoàng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nhằm đảm bảo cơ sở vật chất, tăng cường năng lực hệ thống y tế cơ sở, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật cho người dân.

## **8. Nội dung đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu**

### **8.1. Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Thiệu Hóa, Yên Định:**

#### **8.1.1. Vị trí, ranh giới, diện tích sử dụng đất:**

- Trung tâm y tế huyện Hà Trung được đầu tư xây dựng mới tại khu đất có diện tích là 3.914,3m<sup>2</sup> thuộc xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, hiện trạng ranh giới bốn phía giáp đất nông nghiệp.

- Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa được đầu tư xây dựng mới tại khu đất có diện tích là 4.186,04m<sup>2</sup> thuộc tiểu khu Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, với ranh giới hiện trạng như sau: Phía Đông giáp đất nông nghiệp, các phía còn lại giáp đường giao thông hiện trạng.

- Trung tâm y tế huyện Yên Định được đầu tư xây dựng mới tại khu đất có diện tích là 4.500m<sup>2</sup> thuộc thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, với ranh giới hiện trạng như sau: Phía Nam giáp đường giao thông hiện trạng, các phía còn lại giáp đất nông nghiệp.

**8.1.2. Quy mô đầu tư các trung tâm (03 trung tâm sử dụng chung thiết kế), với các nội dung chủ yếu như sau:**

**8.1.2.1. Hạng mục:** Khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ (diện tích xây dựng 739,97m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 2.083,67m<sup>2</sup>).

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 03 tầng. Mặt bằng hình chữ nhật kích thước 17,02m x 41,62m (chưa bao gồm sảnh). Chiều cao công trình là 15,45m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m, trong đó: Chiều cao tầng 1 là 4,2m; chiều cao tầng 2, 3 là 3,9m; chiều cao mái là 3,0m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí khu vực đón tiếp - thu ngân; các phòng/khoa: xét nghiệm, tiêm chủng, trường phòng khám đa khoa, trường khoa chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS), khám nhi, khám thai sản, khám phụ khoa, khám RHM-TMH-Mắt, khám nội, khám ngoại (02 phòng), thủ thuật - tiểu phẫu, cấp cứu, siêu âm (02 máy), chụp X-quang, rửa phim, điều khiển, vệ sinh; khu điều trị methadone (đón tiếp - cấp phát thuốc, khám, tư vấn, kho).

- Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng/khoa: tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS tự nguyện, khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS (trưởng khoa và nhân viên), phó giám đốc 1, hòm giao ban, giám đốc, phòng khách, trường khoa xét nghiệm (cận lâm sàng), Labo hóa sinh - độc chất, Labo vi sinh, rửa tiệt trùng, kho thiết bị chuyên dùng, kho hóa chất phòng dịch, Kho thuốc - vắc xin - sinh phẩm (kho lạnh), kho hóa chất dùng cho Labo, hành chính tổng hợp, văn thư, Labo Huyết học - HIV/AIDS, vệ sinh.

- Mặt bằng tầng 3 bố trí các phòng/khoa: trưng bày sản phẩm truyền thông GDSK, nhân viên truyền thông - dân số KHHGD, trường phòng truyền thông - dân số KHHGD, phó giám đốc 2, truyền thống, trường khoa ATVSTP-YTCC-DD, nhân viên khoa ATVSTP-YTCC-DD, nhân viên khoa chăm sóc SKSS, hội trường, 02 kho, vệ sinh.

- Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang trong công trình. Lối tiếp cận bằng hệ thống sảnh đón, bậc tam cấp, đường dốc cho người khuyết tật. Nền, sàn phòng, hành lang các tầng lát gạch ceramic, thang bộ ốp đá grannite, mái lát gạch chống nóng. Tường xây gạch không nung, trát, lăn sơn hoàn thiện, tường các phòng khám và phòng kỹ thuật khám ốp gạch men kính, tường phòng chụp X-quang trát vữa cản tia xạ. Hệ thống cửa sử dụng cửa kính cường lực (sảnh chính), cửa nhôm hệ (hoặc lõi thép) kính an toàn, cửa phòng chụp X-quang sử dụng cửa bọc chì.

b) Giải pháp kết cấu:

- Trung tâm y tế huyện Hà Trung: Phần móng sử dụng giải pháp móng cọc BTCT đúc sẵn; đài cọc, giằng móng BTCT đổ tại chỗ. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đổ tại chỗ.

- Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa, Yên Định: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng giao thoa BTCT, tường móng xây gạch. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đổ tại chỗ.

c) Giải pháp cấp điện: Cấp điện cho công trình từ trạm biến áp phân phối đến tủ điện tổng của công trình cấp điện cho các thiết bị, hệ thống sử dụng điện; hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống nhựa đi ngầm trong tường, trần. Hệ thống



chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp cấp, thoát nước: Nước cấp cho công trình được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước. Thoát nước thải từ xí, tiểu, nước thải y tế được thu vào hệ thống đường ống riêng về bể tự hoại trước khi đưa về trạm xử lý nước thải. Nước mưa trên mái, nước rửa (lavabo, sàn vệ sinh,...) được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước ngoài nhà.

e) Giải pháp thiết kế các hệ thống kỹ thuật khác của công trình (hệ thống chiếu sáng, PCCC, điện nhẹ, điều hòa, thông gió, chống mối,...) được thiết kế đồng bộ kèm theo phù hợp với quy mô công trình và yêu cầu sử dụng.

#### 8.1.2.2. Hạng mục: Khối phụ trợ.

- Nhà bảo vệ: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,7m x 3,6m (diện tích xây dựng 10m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 4,8m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn trên hệ xà gồ + tường thu hồi. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà để xe số 4 (để ô tô): Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,0m x 12,5m (diện tích xây dựng 75m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT chôn sẵn bu lông liên kết với bản mã chân cột; phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà để xe số 5 (để xe máy, 02 công trình): Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,0m x 17,0m (diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>/01 nhà). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT chôn sẵn bu lông liên kết với bản mã chân cột (hoặc đặt trên bể nước ngầm); phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà trạm bơm: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình vuông kích thước 3,72m x 3,72m (diện tích xây dựng 14m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Phần móng sử dụng móng băng đá học, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà trạm xử lý nước thải (XLNT): Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,0m x 4,0m (diện tích xây dựng 8m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Phần móng sử dụng

móng băng đá học, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

#### 8.1.2.3. Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ.

- San nền, kè đá: Thiết kế san nền theo phương pháp đường đồng mức, cao độ không chế theo quy hoạch hoặc đường giao thông lân cận; san nền theo dạng mái dốc với phạm vi cho toàn bộ khu đất thực hiện công trình. Khối lượng san nền được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông, vật liệu san nền sử dụng đất đắp đầm chặt. Thiết kế kè chắn đất bằng đá học đối với các công trình có cao độ san nền lớn đảm bảo an toàn và ổn định cho công trình.

- Sân, đường nội bộ, cây xanh: Gồm sân đường bê tông, sân lát gạch terrazzo, bó bồn cây xây gạch.

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được đầu nối từ nguồn cấp nước khu vực đến bể nước ngầm, cấp đến các nhu cầu sử dụng nước (sinh hoạt, trụ PCCC ngoài nhà, tưới cây). Ống cấp nước sử dụng ống HDPE, toàn bộ đường ống được thiết kế đi ngầm đảm bảo kỹ thuật, tại các vị trí qua đường được lồng ống bảo vệ.

- Thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống đường ống PVC kết hợp hố ga đi ngầm, tự chảy theo độ dốc thiết kế và đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ công trình được xử lý cục bộ tại bể tự hoại sau đó thu gom bằng hệ thống đường ống kết hợp hố ga bố trí đi ngầm thu gom về bể xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện được đầu nối với nguồn điện tại khu vực, đến trạm biến áp của công trình chia thành các xuất tuyến cấp đến hệ thống chiếu sáng qua tủ điều khiển chiếu sáng và các tủ điện tổng tại các hạng mục công trình bằng cáp ngầm, sử dụng một máy phát điện dự phòng để cấp điện cho các phụ tải ưu tiên của công trình. Chiếu sáng ngoài nhà sử dụng hệ thống đèn cao áp liền cần.

- Các hạng mục công trình phụ trợ khác: Hệ thống cổng, tường rào, bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC (kích thước 7,2mx17,1m), bể xử lý nước thải (kích thước 3,0mx8,0m), trạm biến áp,...được bố trí, thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.1.2.4. Đầu tư mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu cho 03 trung tâm.

### **8.2. Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa:**

Địa điểm xây dựng: tại khu đất trụ sở cũ của Trạm Y tế xã Hoàng Đức và mở rộng thêm về phía nam (đường QL.10) với diện tích sau mở rộng là 2.440,71m<sup>2</sup> thuộc xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, với ranh giới: Phía Bắc, Tây giáp khu dân cư; phía Nam giáp QL.10; phía Đông giáp đường hiện trạng.

Quy mô đầu tư: Phá dỡ một số hạng mục; cải tạo nhà khám chữa bệnh;

đầu tư mới: khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ; khối phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà để xe ô tô, nhà để xe máy, bể nước sinh hoạt kết hợp PCCC, nhà trạm bơm, bể xử lý nước thải, nhà trạm XLNT, trạm biến áp); hạ tầng kỹ thuật, sân đường cây xanh, công tường rào; mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu, với các nội dung chủ yếu như sau:

8.2.1. Phá dỡ các hạng mục: Nhà bệnh nhân, nhà kho.

8.2.2. Hạng mục: Cải tạo nhà khám chữa bệnh.

- Quy mô, hiện trạng công trình: Công trình có quy mô 02 tầng + tum, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 10,75m x 24,52m. Chiều cao công trình là 10,35m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m, trong đó: Chiều cao tầng 1, 2 là 3,6m; chiều cao tầng tum là 2,7m. Tầng 1 bố trí các phòng: để, lưu bệnh nhân, khám phụ khoa - KHHGD, sơ cấp cứu - tiêm, quây dược, vệ sinh; tầng 2 bố trí các phòng: hành chính, trạm trưởng, đông y, tiết trùng, xét nghiệm. Công trình sử dụng kết cấu khung BTCT sử dụng ổn định. Hiện trạng lớp vữa trát bong tróc; gạch ốp tường nứt vỡ; nền lát gạch đã cũ, nhiều vị trí nứt vỡ; hệ thống cửa xuống cấp; mái hư hỏng gây thấm dột; hệ thống dây dẫn, ổ cắm hư hỏng.

- Giải pháp cải tạo: Lát lại nền, sàn; trát và sơn lại toàn bộ tường trong và ngoài nhà; thay thế cửa đi, cửa sổ bằng cửa nhôm hệ; ốp tường trong các phòng kỹ thuật bằng gạch men kính; chống thấm, chống dột cho mái, làm lại hệ thống chống sét; làm mới hệ thống chiếu sáng, ổ cắm. Điều chỉnh công năng tầng 1 thành các phòng: Kho thuốc - vắc xin - sinh phẩm (kho lạnh), kho thiết bị chuyên dùng, kho hóa chất phòng dịch, khu điều trị methadone (đón tiếp-cấp phát thuốc, khám, tư vấn, vệ sinh); điều chỉnh công năng tầng 2 thành các phòng: Labo Huyết học - HIV/AIDS, kho hóa chất dùng cho Labo, trưởng khoa cận lâm sàng (xét nghiệm), Labo hóa sinh-độc chất, Labo vi sinh, rửa tiết trùng.

8.2.3. Hạng mục: Khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ (diện tích xây dựng 610,0m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 1.754,12m<sup>2</sup>).

a) Giải pháp kiến trúc: Công trình có quy mô 03 tầng. Mặt bằng hình chữ nhật kích thước 16,72m x 34,42m (chưa bao gồm sảnh). Chiều cao công trình là 15,45m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m, trong đó: Chiều cao tầng 1 là 4,2m; chiều cao tầng 2, 3 là 3,9m; chiều cao mái là 3,0m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí khu vực đón tiếp-thu ngân; các phòng/khoa: khám nhi, khám thai sản, khám các bệnh phụ khoa, khám ngoại (02 phòng), trưởng phòng khám đa khoa, khám RHM-TMH-Mắt, xét nghiệm-tiêm, khám nội, cấp cứu, thủ thuật - tiểu phẫu, siêu âm, chụp X-quang, rửa phim, điều khiển, vệ sinh.

- Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng/khoa: nhân viên khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS tự nguyện, trưởng khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, trưởng phòng truyền thông - dân số KHHGD, giám đốc, phòng khách, phó giám đốc 1, hòm giao ban, nhân viên khoa ATVSTP-

YTCC-DD (phòng 1), nhân viên truyền thông - dân số KHHGD, trưng bày sản phẩm truyền thông GDSK, văn thư, hành chính tổng hợp, kho, vệ sinh.

- Mặt bằng tầng 3 bố trí các phòng/khoa: nhân viên khoa ATVSTP-YTCC-DD (phòng 2), trưởng khoa ATVSTP-YTCC-DD, hội trường, kho, trưởng khoa chăm sóc SKSS, nhân viên khoa chăm sóc SKSS, phó giám đốc 2, truyền thông, vệ sinh.

- Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang trong công trình. Lối tiếp cận bằng hệ thống sảnh đón, bậc cấp, đường dốc cho người khuyết tật. Nền, sàn phòng, hành lang các tầng lát gạch ceramic, thang bộ ốp đá grannite, mái lát gạch chống nóng. Tường xây gạch không nung, trát, lăn sơn hoàn thiện, tường các phòng khám và phòng kỹ thuật khám ốp gạch men kính, tường phòng chụp X-quang trát vữa cản tia xạ. Hệ thống cửa sử dụng cửa kính cường lực (sảnh chính), cửa nhôm hệ (hoặc lõi thép) kính an toàn, cửa phòng chụp X-quang sử dụng cửa bọc chì.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng giao thoa BTCT, tường móng xây gạch. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đổ tại chỗ.

c) Giải pháp cấp điện: Cấp điện cho công trình từ trạm biến áp phân phối đến tủ điện tổng của công trình cấp điện cho các thiết bị, hệ thống sử dụng điện; hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống nhựa đi ngầm trong tường, trần. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp cấp, thoát nước: Nước cấp cho công trình được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước. Thoát nước thải từ xí, tiểu, nước thải y tế được thu vào hệ thống đường ống riêng về bể tự hoại trước khi đưa về trạm xử lý nước thải. Nước mưa trên mái, nước rửa (lavabo, sàn vệ sinh,...) được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước ngoài nhà.

e) Giải pháp thiết kế các hệ thống kỹ thuật khác của công trình (hệ thống chiếu sáng, PCCC, điện nhẹ, điều hòa, thông gió, chống mối,..) được thiết kế đồng bộ kèm theo phù hợp với quy mô công trình và yêu cầu sử dụng.

#### 8.2.4. Hạng mục: Khối phụ trợ.

- Nhà bảo vệ: Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,7m x 3,6m (diện tích xây dựng 10m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 4,8m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Tường xây gạch không nung, trát lăn sơn hoàn thiện. Nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn trên hệ xà gồ+tường thu hồi. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà để xe số 4 (để ô tô): Công trình có quy mô 01 tầng đặt trên bề nước ngầm, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,0mx12,5m (diện tích xây dựng

75m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà để xe số 5 (xe máy): Công trình có quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 4,0m x 13,0m (diện tích xây dựng 52m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT, chôn sẵn bu lông liên kết với bản mã chân cột; phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà trạm bơm: Quy mô 01 tầng đặt trên bể nước ngầm, mặt bằng hình vuông kích thước 3,72m x 3,72m (diện tích xây dựng 14m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lán sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Kết cấu tường chịu lực; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà trạm XLNT: Quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,0m x 4,0m (diện tích xây dựng 8m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lán sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Phần móng sử dụng móng băng đá hộc, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

#### 8.2.5. Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ.

- San nền: Dọn dẹp mặt bằng, san gạt cục bộ khu vực xây dựng mới các hạng mục đảm bảo cao độ phù hợp, thuận lợi thoát nước. Khối lượng san nền được tính toán theo phương pháp lưới ô vuông, vật liệu san nền sử dụng đất đắp đầm chặt.

- Sân, đường nội bộ, cây xanh: Gồm sân đường bê tông, sân lát gạch terrazzo, bó bồn cây xây gạch.

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được đầu nối từ nguồn cấp nước khu vực đến bể nước ngầm, cấp đến các nhu cầu sử dụng nước (sinh hoạt, trụ PCCC ngoài nhà, tưới cây). Ống cấp nước sử dụng ống HDPE, toàn bộ đường ống được thiết kế đi ngầm đảm bảo kỹ thuật, tại các vị trí qua đường được lồng ống bảo vệ.

- Thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống đường ống PVC kết hợp hố ga đi ngầm, tự chảy theo độ dốc thiết kế và đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ công trình được xử lý cục bộ tại bể tự hoại sau đó thu gom bằng hệ thống đường ống kết hợp hố ga bố trí đi ngầm thu gom về bể xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện được đầu nối với nguồn điện tại khu

vực, đến trạm biến áp của công trình chia thành các xuất tuyến cấp đến hệ thống chiếu sáng qua tủ điều khiển chiếu sáng và các tủ điện tổng tại các hạng mục công trình bằng cáp ngầm, sử dụng một máy phát điện dự phòng để cấp điện cho các phụ tải ưu tiên của công trình. Chiếu sáng ngoài nhà sử dụng hệ thống đèn cao áp liền cần.

- Các hạng mục công trình phụ trợ khác: Hệ thống cổng, tường rào, bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC, bể xử lý nước thải, trạm biến áp,... được bố trí, thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.2.6. Đầu tư mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu.

### **8.3. Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn:**

Địa điểm xây dựng tại vị trí hiện trạng Trung tâm đang sử dụng, có diện tích 3.025,6m<sup>2</sup>, thuộc thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, với ranh giới: Phía Nam giáp QL 47B, các phía còn lại giáp cơ sở sản xuất phi nông nghiệp.

Quy mô đầu tư: Phá dỡ một số hạng mục; cải tạo nhà hội trường, khối hành chính nhà A4; đầu tư mới: khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ; khối phụ trợ (nhà bảo vệ, nhà để xe ô tô, nhà để xe máy, bể nước sinh hoạt kết hợp PCCC, nhà trạm bơm, bể xử lý nước thải, nhà trạm XLNT, trạm biến áp); hạ tầng kỹ thuật, sân đường cây xanh, công tường rào; mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu, với các nội dung chủ yếu như sau:

8.3.1. Phá dỡ các hạng mục: Cơ sở điều trị Mathadone (nhà B1), Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản (nhà B2), Phòng thu phí (nhà A1), Phòng khám đa khoa (nhà A2), Khối chuyên môn (nhà A3), Khoa cận lâm sàng (nhà B3), Nhà kho (nhà B4) để đảm bảo mặt bằng triển khai xây dựng các hạng mục công trình mới đảm bảo quy mô, dây chuyền công năng, phòng cháy chữa cháy,...

8.3.2. Hạng mục: Cải tạo nhà hội trường.

Giải pháp cải tạo: Ngăn phòng hội trường thành 02 phòng văn thư, hành chính tổng hợp bằng vách thạch cao, xây bít đoạn tường hành lang (trục 1, 7), làm mới hệ thống chống sét.

8.3.3. Hạng mục: Cải tạo khối hành chính nhà A4.

Giải pháp cải tạo: Lát lại nền, sàn; trát và sơn lại toàn bộ tường trong và ngoài nhà; thay thế cửa đi bằng cửa tôn; xây bít toàn bộ cửa sổ trục C; thay thế mái tôn, chống thấm, làm lại hệ thống chống sét; thay thế các thiết bị điện đã hư hỏng. Điều chỉnh công năng thành các phòng: 02 kho thuốc - vắc xin - sinh phẩm (kho lạnh), kho lưu trữ hồ sơ, 02 kho thiết bị chuyên dùng, 02 kho hóa chất phòng dịch.

8.3.4. Hạng mục: Khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ (diện tích xây dựng 643,67m<sup>2</sup>, tổng diện tích sàn 1.754,12m<sup>2</sup>).

a) Giải pháp kiến trúc: Quy mô 03 tầng. Mặt bằng hình chữ nhật kích thước 16,72m x 34,42m (chưa bao gồm sảnh). Chiều cao công trình là 15,45m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền tầng 1 cao

hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m, trong đó: Chiều cao tầng 1 là 4,2m; chiều cao tầng 2, 3 là 3,9m; chiều cao mái là 3,0m.

- Mặt bằng tầng 1 bố trí khu vực đón tiếp - thu ngân; các phòng/khoa: 02 phòng khám ngoại, phòng xét nghiệm - tiêm, khám RHM-TMH-Mắt, khám nội, khám phụ khoa, khám nhi, khám thai sản, cấp cứu, thủ thuật - tiểu phẫu, siêu âm, chụp X-quang, rửa phim, điều khiển; khu điều trị methadone (đón tiếp - cấp phát thuốc, khám, tư vấn, kho), vệ sinh.

- Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng/khoa: tư vấn xét nghiệm HIV/AIDS tự nguyện, nhân viên khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, kho hóa chất dùng cho Labo, trưởng khoa cận lâm sàng (xét nghiệm), giám đốc, phòng khách, phó giám đốc 1, trưởng phòng khám đa khoa, họp giao ban, trưởng khoa kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, khoa chăm sóc SKSS (trưởng khoa và nhân viên), Labo Huyết học - HIV/AIDS, Labo vi sinh, labo hóa sinh - độc chất, rửa - tiệt trùng, 02 kho, vệ sinh.

- Mặt bằng tầng 3 bố trí các phòng/khoa: nhân viên truyền thông- dân số KHHGD, 02 phòng nhân viên khoa ATVSTP-YTCC-DD, hội trường, nhân viên khoa chăm sóc SKSS, trưởng phòng truyền thông - dân số KHHGD, truyền thống, trưởng khoa ATVSTP-YTCC-DD, phó giám đốc 2, vệ sinh.

- Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ; giao thông ngang bằng hành lang trong công trình. Lối tiếp cận bằng hệ thống sảnh đón, bậc cấp, đường dốc cho người khuyết tật. Nền, sàn phòng, hành lang các tầng lát gạch ceramic, thang bộ ốp đá grannite, mái lát gạch chống nóng. Tường xây gạch không nung, trát, lăn sơn hoàn thiện, tường các phòng khám và phòng kỹ thuật khám ốp gạch men kính, tường phòng chụp X-quang trát vữa cản tia xạ. Hệ thống cửa sử dụng cửa kính cường lực (sảnh chính), cửa nhôm hệ (hoặc lõi thép) kính an toàn, cửa phòng chụp X-quang sử dụng cửa bọc chì.

b) Giải pháp kết cấu: Phần móng sử dụng giải pháp móng băng giao thoa BTCT, tường móng xây gạch. Phần thân sử dụng hệ khung kết cấu BTCT chịu lực; cột, dầm, sàn BTCT đổ tại chỗ.

c) Giải pháp cấp điện: Cấp điện cho công trình từ trạm biến áp phân phối đến tủ điện tổng của công trình cấp điện cho các thiết bị, hệ thống sử dụng điện; hệ thống dây dẫn điện luôn trong ống nhựa đi ngầm trong tường, trần. Hệ thống chống sét trên mái công trình sử dụng hệ thống kim thu sét, dây dẫn sét, hệ cọc tiếp địa, dây tiếp địa.

d) Giải pháp cấp, thoát nước: Nước cấp cho công trình được bơm lên téc nước đặt trên mái sau đó cấp xuống thiết bị dùng nước. Thoát nước thải từ xí, tiểu, nước thải y tế được thu vào hệ thống đường ống riêng về bể tự hoại trước khi đưa về trạm xử lý nước thải. Nước mưa trên mái, nước rửa (lavabo, sàn vệ sinh,...) được thu vào đường ống riêng và thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước ngoài nhà.

e) Giải pháp thiết kế các hệ thống kỹ thuật khác của công trình (hệ thống

chiếu sáng, PCCC, điện nhẹ, điều hòa, thông gió, chống mối,..) được thiết kế đồng bộ kèm theo phù hợp với quy mô công trình và yêu cầu sử dụng.

#### 8.3.5. Hạng mục: Khối phụ trợ.

- Nhà bảo vệ: Quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,7m x 3,6m (diện tích xây dựng 10m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 4,8m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,45m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền lát gạch ceramic, mái lợp tôn trên hệ xà gồ + tường thu hồi. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà để xe số 4 (đề ô tô): Quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,0m x 12,5m (diện tích xây dựng 75m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần móng sử dụng móng đơn BTCT, chôn sẵn bu lông liên kết với bản mã chân cột; phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà để xe số 5 (xe máy): Quy mô 01 tầng, đặt trên bề nước ngầm, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 6,0m x 17,0m (diện tích xây dựng 100m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,2m. Nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, tường xây ngăn cháy cao sát mái. Phần thân sử dụng hệ khung cột, kèo thép ống, xà gồ thép hộp.

- Nhà trạm bơm: Quy mô 01 tầng, mặt bằng hình vuông kích thước 3,72m x 3,72m (diện tích xây dựng 14m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Phần móng sử dụng móng băng đá hộc, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

- Nhà trạm XLNT: Quy mô 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật kích thước 2,0m x 4,0m (diện tích xây dựng 8m<sup>2</sup>). Chiều cao công trình là 3,55m (tính từ cos mặt sân hoàn thiện đến cos đỉnh mái), cos 0.00 là cos nền cao hơn cos mặt sân hoàn thiện 0,15m. Tường xây gạch không nung, trát lãn sơn hoàn thiện. Nền bê tông láng vữa hoàn thiện. Phần móng sử dụng móng băng đá hộc, tường xây chịu lực dưới hệ dầm móng BTCT; dầm mái, sàn mái BTCT đổ tại chỗ.

#### 8.3.6. Hạ tầng kỹ thuật và phụ trợ.

- San nền: Dọn dẹp mặt bằng, san gạt cục bộ khu vực xây dựng mới các hạng mục đảm bảo cao độ phù hợp, thuận lợi thoát nước. Vật liệu san nền sử dụng đất đắp đầm chặt.

- Sân, đường nội bộ, cây xanh: Gồm sân đường bê tông, sân lát gạch terrazzo, bó bồn cây xây gạch.

- Cấp nước: Nước cấp cho công trình được đầu nối từ nguồn cấp nước khu vực đến bề nước ngầm, cấp đến các nhu cầu sử dụng nước (sinh hoạt, trụ PCCC ngoài nhà, tưới cây). Ống cấp nước sử dụng ống HDPE, toàn bộ đường



ống được thiết kế đi ngầm đảm bảo kỹ thuật, tại các vị trí qua đường được lồng ống bảo vệ.

- Thoát nước mưa: Sử dụng hệ thống đường ống PVC kết hợp hố ga đi ngầm, tự chảy theo độ dốc thiết kế và đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước thải được thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải từ công trình được xử lý cục bộ tại bể tự hoại sau đó thu gom bằng hệ thống đường ống kết hợp hố ga bố trí đi ngầm thu gom về bể xử lý nước thải, xử lý đạt tiêu chuẩn sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước khu vực.

- Cấp điện, chiếu sáng: Nguồn điện được đầu nối với nguồn điện tại khu vực, đến trạm biến áp của công trình chia thành các xuất tuyến cấp đến hệ thống chiếu sáng qua tủ điều khiển chiếu sáng và các tủ điện tổng tại các hạng mục công trình bằng cáp ngầm, sử dụng một máy phát điện dự phòng để cấp điện cho các phụ tải ưu tiên của công trình. Chiếu sáng ngoài nhà sử dụng hệ thống đèn cao áp liền cần.

- Các hạng mục công trình phụ trợ khác: Hệ thống cổng, tường rào, bể nước ngầm sinh hoạt + PCCC, bể xử lý nước thải, trạm biến áp,...được bố trí, thiết kế đồng bộ kèm theo.

8.3.7. Đầu tư mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu.

**9. Số bước thiết kế:** 02 bước.

**10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 150.000.000.000 đồng;** trong đó:

- Chi phí BT, GPMB	:	2.316.611.760	đồng;
- Chi phí xây dựng	:	97.056.019.726	đồng;
- Chi phí thiết bị	:	24.170.848.844	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	2.210.114.926	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	6.970.486.915	đồng;
- Chi phí khác	:	974.908.910	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	16.301.008.920	đồng.

*(Có phụ biểu chi tiết kèm theo).*

**11. Nguồn vốn:** Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

**12. Hình thức tổ chức quản lý dự án:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

**13. Thời gian thực hiện:** Năm 2022 - 2023.

**14. Các nội dung khác:** Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Công văn số 2118/SXD-HĐXD ngày 07/4/2023.

**Điều 2.** Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định, phê duyệt.

2. Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa) có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng.

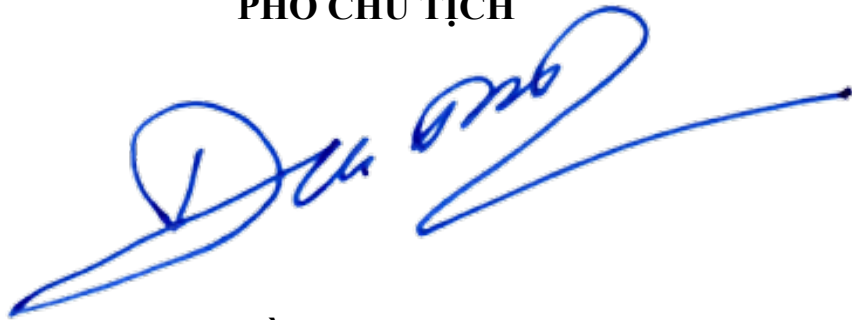
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa; Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN. (HDXD\_DA\_M34)

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đầu Thanh Tùng**

**Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ**

**Dự án: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ BT, GPMB</b>	(1)+...+(4)	<b>2.316.611.760</b>		<b>2.316.611.760</b>
1	Trung tâm y tế Hà Trung	Bảng tổng hợp chi phí	705.827.760		705.827.760
2	Trung tâm y tế Hoằng Hóa	nt	145.860.000		145.860.000
3	Trung tâm y tế Thiệu Hóa	nt	698.394.000		698.394.000
4	Trung tâm y tế Yên Định	nt	766.530.000		766.530.000
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	(1)+...+(5)	<b>88.232.745.205</b>	<b>8.823.274.521</b>	<b>97.056.019.726</b>
1	Trung tâm y tế Hà Trung	Bảng tổng hợp chi phí	20.258.081.310	2.025.808.131	22.283.889.442
2	Trung tâm y tế Hoằng Hóa	nt	15.704.571.786	1.570.457.179	17.275.028.965
3	Trung tâm y tế Thiệu Hóa	nt	18.577.822.556	1.857.782.256	20.435.604.812
4	Trung tâm y tế Triệu Sơn	nt	14.499.797.973	1.449.979.797	15.949.777.771
5	Trung tâm y tế Yên Định	nt	19.192.471.579	1.919.247.158	21.111.718.737
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ THIẾT BỊ</b>	(1)+(2)	<b>22.107.490.724</b>	<b>2.063.358.120</b>	<b>24.170.848.844</b>
1	Thiết bị công trình	Bảng tổng hợp chi phí	19.159.671.676	1.915.967.168	21.075.638.844
2	Thiết bị y tế	Bảng tổng hợp chi phí	2.947.819.048	147.390.952	3.095.210.000
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	$2,003\% \times (G_{XD}+G_{TB})^{\text{trước thuế}}$	<b>2.210.114.926</b>		<b>2.210.114.926</b>
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD</b>	(1) + (2) + ... + (20)	<b>6.367.559.722</b>	<b>602.927.193</b>	<b>6.970.486.915</b>
1	Chi phí tư vấn khảo sát phục vụ lập BCNCKT	Do Chủ đầu tư phê duyệt	447.553.704	35.804.296	483.358.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
2	Chi phí khảo sát bước lập thiết kế BVTC	Tạm tính	90.909.091	9.090.909	100.000.000
3	Chi phí lập, thẩm tra đề cương và dự toán kiểm định	Do Chủ đầu tư phê duyệt	9.303.704	744.296	10.048.000
4	Chi phí thẩm tra đề cương và dự toán kiểm định	nt	2.000.000	160.000	2.160.000
5	Chi phí kiểm định đánh giá chất lượng công trình	nt	123.035.185	9.842.815	132.878.000
6	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	nt	455.270.370	36.421.630	491.692.000
7	Chi phí lập Báo cáo NCKT	nt	899.698.182	89.969.818	989.668.000
8	Chi phí thiết kế BVTC và dự toán	Bảng tổng hợp chi phí	1.532.590.762	153.259.076	1.685.849.838
9	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng	$0,15\% \times (G_{XD})^{\text{trước thuế}}$	132.349.118	13.234.912	145.584.030
10	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng	$0,146\% \times (G_{XD})^{\text{trước thuế}}$	128.819.808	12.881.981	141.701.789
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT tư vấn	Bảng tổng hợp chi phí	37.226.188	3.559.785	40.785.974
12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng	$0,143\% \times (G_{XD})^{\text{trước thuế}}$	126.172.826	12.617.283	138.790.108
13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm vật tư, thiết bị	$0,334\% \times (G_{TB})^{\text{trước thuế}}$	73.839.019	7.383.902	81.222.921
14	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT tư vấn	Bảng tổng hợp chi phí	8.000.000		8.000.000
15	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT thi công xây dựng	$0,1\% \times (G_{TB})^{\text{sau thuế}}$	97.056.020		97.056.020
16	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả LCNT mua sắm vật tư, TB	$0,1\% \times (G_{TB})^{\text{sau thuế}}$	24.170.849		24.170.849
17	Chi phí thẩm định giá	Tạm tính	181.818.182	18.181.818	200.000.000

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
18	Chi phí giám sát thi công xây dựng	$1,984\% \times (G_{XD})^{\text{trước thuế}}$	1.750.537.665	175.053.766	1.925.591.431
19	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	$0,707\% \times (G_{TB})^{\text{trước thuế}}$	156.299.959	15.629.996	171.929.955
20	Chi phí thí nghiệm cọc	Tạm tính	90.909.091	9.090.909	100.000.000
<b>VI</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	(1)+...+(6)	<b>918.950.290</b>	<b>55.958.620</b>	<b>974.908.910</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình	$0,08\% \times (G_{XD})^{\text{trước thuế}}$	70.586.196	7.058.620	77.644.816
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	$0,011\% \times G_{TMĐT}$	16.500.000		16.500.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	$0,214\% \times (G_{TMĐT}) \times 50\%$	160.500.000		160.500.000
4	Chi phí kiểm toán độc lập	$0,326\% \times G_{TMĐT}$	489.000.000	48.900.000	537.900.000
5	Chi phí thẩm duyệt về PCCC	$0,005\% \times G_{TMĐT}$	7.310.328		7.310.328
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	$10,0\% \times G_{GSTC}$	175.053.766		175.053.766
<b>VII</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	(1)+(2)			<b>16.301.008.920</b>
1	Yếu tố khối lượng phát sinh	$10,0\% \times (I+...+VI)$			13.369.899.108
2	Yếu tố trượt giá	$2,19\% \times (I+...+VI)$			2.931.109.812
	<b>TỔNG CỘNG (làm tròn)</b>	<b>I + II + III + IV + V + VI + VII</b>	<b>119.836.860.867</b>	<b>11.545.518.453</b>	<b>150.000.000.000</b>

Số: 341/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Xét Tờ trình số 222/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo số 727/BC-VHXH ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa

được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tại Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022, với các nội dung cụ thể sau:

Điều chỉnh khoản 4 Điều 1 như sau:

Quy mô đầu tư:

- Xây dựng khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ Trung tâm y tế các huyện Hà Trung, Thiệu Hóa, Yên Định, gồm: 03 phòng (Phòng Hành chính tổng hợp; Phòng Truyền thông Dân số - Kế hoạch hoá gia đình; Phòng Khám đa khoa); 04 khoa (Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV-AIDS; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm - Y tế công cộng và Dinh dưỡng; Khoa Chăm sóc sức khoẻ sinh sản; Khoa Cận lâm sàng) và 01 cơ sở điều trị Methadone. Quy mô công trình từ 03 - 04 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng mỗi đơn vị khoảng 2130m<sup>2</sup>.

- Trung tâm y tế huyện Hoằng Hoá: Cải tạo hạng mục nhà khám chữa bệnh và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

- Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn: Cải tạo hạng mục nhà hội trường, khối hành chính nhà A4 và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

- Xây dựng khối phụ trợ của 05 Trung tâm y tế huyện: Hà Trung, Hoằng Hoá, Thiệu Hoá, Triệu Sơn, Yên Định gồm: Nhà bảo vệ 01 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 10m<sup>2</sup>; nhà để xe ô tô 01 tầng phục vụ cho 03 xe, tổng diện tích sàn xây dựng 75m<sup>2</sup>; nhà để xe máy cho cán bộ, nhân viên và bệnh nhân 01 tầng diện tích 200m<sup>2</sup>; hạ tầng kỹ thuật; bể nước sinh hoạt kết hợp phòng cháy chữa cháy, trạm bơm, bể xử lý nước thải; sân đường cây xanh, công tường rào.

- Mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hoá, Thiệu Hoá, Triệu Sơn, Yên Định.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật hiện hành, tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.



Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Y tế, Tài nguyên và Môi trường;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa;
- TTr HĐND, UBND các huyện Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Đỗ Trọng Hưng**



Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 310/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 của về chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa” của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa; Nghị quyết số 341/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2022 về điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án trên của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Xét Văn bản số 1457/STNMT-BVMT ngày 27 tháng 2 năm 2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoằng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 216/Tr-STNMT ngày 22/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế

huyện, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa (sau đây gọi là Dự án) của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện: Hà Trung, Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa, Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND các xã Yên Sơn, Hoàng Đức; thị trấn Triệu Sơn; thị trấn Quán Lào, thị trấn Thiệu Hóa (để giám sát);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Giang**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế**  
**huyện, tỉnh Thanh Hóa; Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung,**  
**Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa của Ban quản lý dự án đầu**  
**tu xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /202 của*  
*Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

**1. Thông tin về dự án:**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa.

- Địa điểm thực hiện:

+ Trung tâm y tế huyện Hà Trung tại thôn Phú Nham, xã Yên Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

+ Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa tại xã Hoàng Đức, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa tại tiểu khu Ba Chè, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

- Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn tại phố Tân Minh, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

- Trung tâm y tế huyện Yên Định tại khu phố Ngọc Sơn, thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ dự án đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Người đại diện: Ông Nguyễn Thanh Tú; Chức vụ: Phó Giám đốc

+ Địa chỉ: 272 Lê Thánh Tông, phường Đông Sơn, thành phố Thanh Hóa, Thanh Hoá.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:**

Dự án Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 Trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa. Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Hà Trung, Hoàng Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Thiệu Hóa, cụ thể như sau:

- Trung tâm y tế huyện Hà Trung thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất mới có diện tích là 3.914,27 m<sup>2</sup>

- Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất hiện có và một phần mở rộng, diện tích là 2.440,71 m<sup>2</sup>,

- Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất mới, diện tích là 4.100m<sup>2</sup>

- Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất hiện có, diện tích là 3.025m<sup>2</sup>.

- Trung tâm y tế huyện Yên Định thực hiện xây dựng trên phạm vi khu đất mới, diện tích là 2.590,4m<sup>2</sup>.

### **1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

#### **- Các hạng mục của dự án bao gồm:**

+ Xây dựng khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ Trung tâm y tế các huyện Hà Trung, Thiệu Hóa, Yên Định, gồm: 03 phòng (hành chính tổng hợp; Phòng Truyền thông Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Phòng Khám đa khoa); 04 khoa (Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV-AIDS; Khoa An toàn vệ sinh thực phẩm – Y tế công cộng và Dinh dưỡng; Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản; Khoa Cận lâm sàng); 01 cơ sở điều trị Methadone. Quy mô công trình từ 03-04 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng mỗi đơn vị khoảng 2130m<sup>2</sup>.

+ Trung tâm y tế huyện Hoằng Hóa: Cải tạo hạng mục nhà khám chữa bệnh và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

+ Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn: Cải tạo hạng mục nhà hội trường, khôi phục hành chính nhà A4 và đầu tư xây dựng mới khối khoa phòng chuyên môn, nghiệp vụ, đảm bảo điều kiện làm việc theo các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

+ Xây dựng khối phụ trợ của 05 Trung tâm y tế huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định gồm: Nhà bảo vệ 01 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 10m<sup>2</sup>; Nhà để xe ô tô 01 tầng phục vụ cho 03 xe, tổng diện tích sàn xây dựng 75m<sup>2</sup>; Nhà để xe máy cho cán bộ, nhân viên và bệnh nhân 01 tầng diện tích 200m<sup>2</sup>; hạ tầng kỹ thuật; bể nước sinh hoạt kết hợp với phòng cháy chữa cháy, trạm bơm, bể xử lý nước thải; sân đường cây xanh, cổng tường rào.

+ Mua sắm bổ sung một số trang thiết bị y tế thiết yếu đáp ứng yêu cầu hoạt động của Trung tâm y tế các huyện: Hà Trung, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định.

- Hoạt động của dự án: Dịch vụ phòng bệnh, khám chữa bệnh cho người dân.

### **1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Xây dựng dự án phải chiếm dụng tổng 10.604,67 m<sup>2</sup> đất lúa. Trong đó gồm: Trung tâm y tế huyện Hà Trung là 3.914,27 m<sup>2</sup>; Trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa là 4.100m<sup>2</sup>; Trung tâm y tế huyện Yên Định là 2.590,4m<sup>2</sup>.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục và lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án phát sinh bụi và khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung, ... tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

- Hoạt động sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; Hoạt động tiêm chủng phòng bệnh; Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản; Thực hiện các xét nghiệm, ... tác động đến sức khỏe con người và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

### 3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

#### 3.1. Giai đoạn xây dựng

##### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Quy mô của nước thải phát sinh trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án tại khu vực các công trường thi công:

TT	Các dạng nước thải	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày)				
		TTYT huyện Hà Trung	TTYT huyện Hoàng Hóa	TTYT huyện Thiệu Hóa	TTYT huyện Triệu Sơn	TTYT huyện Yên Định
1	Nước thải sinh hoạt công nhân	1,8	1,8	1,8	1,8	1,8
-	Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9
-	Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện)	0,9	0,9	0,9	0,9	0,9
2	Nước thải xây dựng	2,6	2,6	2,6	2,6	2,6
3	Nước thải phát sinh từ hoạt động của Trung tâm y tế	-	8,0	-	8,0	-
-	Nước thải sinh hoạt	-	5,6	-	5,6	-
-	Nước thải y tế	-	2,4	-	2,4	-
4	Nước mưa chảy tràn	14,47 (l/s)	9,02 (l/s)	15,47 (l/s)	11,18 (l/s)	16,63 (l/s)

Trong đó:

- *Nước thải sinh hoạt, y tế:* Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- *Nước thải xây dựng:* Gồm nước thải rửa thiết bị thi công hạng mục công trình, nước rửa bánh, lốp xe thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

##### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, đào đắp, san ủi, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu, thi công các công trình... Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>,...

### 3.1.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại các trung tâm y tế huyện trong giai đoạn triển khai xây dựng có khối lượng dự kiến như sau:

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		TTYT huyện Hà Trung	TTYT huyện Hoàng Hóa	TTYT huyện Thiệu Hóa	TTYT huyện Triệu Sơn	TTYT huyện Yên Định
1	Chất thải rắn sinh hoạt	21,0	51,0	21,0	51,0	21,0
2	Chất thải rắn y tế nguy hại	-	3,0	-	3,0	-
3	Chất thải rắn xây dựng					
-	Thực vật phát quang	1.960	-	2.090	-	2.250
-	Đất, đá rơi vãi,...	2,25	2,25	2,25	2,25	2,25
4	Chất thải nguy hại	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0

Trong đó:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thành phần chủ yếu là nhựa, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn y tế nguy hại* phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa và Triệu Sơn. Thành phần chất thải chủ yếu là chất thải y tế lây nhiễm, chất thải giải phẫu, chất thải y tế sắc nhọn...

- *Chất thải rắn xây dựng* :

+ Thực vật phát quang;

+ Đất, đá rơi vãi,... tại công trường thi công xây dựng và khu vực tập kết nguyên vật liệu tổng cộng.

- *Chất thải nguy hại*: Chất thải nguy hại dạng rắn: Thành phần bao gồm: Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa....

### 3.1.4. Nguồn phát sinh và mức độ của tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường và người dân tham gia giao thông qua khu vực dự án.

### 3.1.5. Các tác động khác:

- *Tai nạn lao động*: Sự cố tai nạn lao động có thể xảy ra bất ngờ trong nhiều tình huống khác nhau trong quá trình triển khai thi công dự án.

- *Sự cố do cháy nổ*: Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do sự thiếu an toàn về hệ thống cấp điện tạm thời, việc bất cẩn do sử dụng lửa của công nhân xây dựng gây nên các thiệt hại về người và tài sản.

- *Tai nạn giao thông, hư hỏng các tuyến đường giao thông*: Trong quá trình thi công vận chuyển nguyên vật liệu trong thời gian dài khiến chất lượng

các tuyến đường bị giảm sút và gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông trên tuyến đường phương tiện đi qua.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm, lây lan dịch bệnh: Hiện nay có nhiều dịch bệnh mới phát sinh và lây nhiễm nhanh trong cộng đồng, đặc biệt là các bệnh về đường hô hấp COVID 19, cúm A, đậu mùa khỉ, sốt xuất huyết... Các dịch bệnh có thể phát sinh do người mang mầm bệnh tiếp xúc với người khỏe mạnh và lây nhiễm mầm bệnh qua môi trường không khí.

- Tác động do lấy đất lúa: Việc lấy đất lúa làm thay đổi cảnh quan, hệ sinh thái khu vực, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng không lớn.

### 3.2. Giai đoạn vận hành:

#### 3.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải phát sinh tại các Trung tâm y tế huyện như sau:

TT	Thành phần dùng nước	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày.đêm)				
		TTYT huyện Hà Trung	TTYT huyện Hoàng Hóa	TTYT huyện Thiệu Hóa	TTYT huyện Triệu Sơn	TTYT huyện Yên Định
	<b>Nước thải</b>	<b>5,53</b>	<b>6,17</b>	<b>5,61</b>	<b>6,01</b>	<b>5,93</b>
-	Nước thải sinh hoạt	3,87	4,32	3,93	4,21	4,15
-	Nước thải y tế	1,66	1,85	1,68	1,80	1,78

- Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform, ...

#### 3.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải chủ yếu phát sinh từ: Hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động chuyên môn khám chữa bệnh của trung tâm y tế; mùi hôi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án. Thành phần chủ yếu: Bụi, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO, ...

#### 3.2.3. Quy mô tính chất của chất thải rắn:

- Chất thải rắn phát sinh tại các Trung tâm y tế huyện khối lượng dự kiến như sau:

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		TTYT huyện Hà Trung	TTYT huyện Hoàng Hóa	TTYT huyện Thiệu Hóa	TTYT huyện Triệu Sơn	TTYT huyện Yên Định
	<b>Chất thải rắn</b>	<b>125,0</b>	<b>139,0</b>	<b>128,0</b>	<b>135,0</b>	<b>132,0</b>
-	Chất thải rắn sinh hoạt	112,5	125,1	115,2	121,5	118,8
-	Chất thải y tế thông thường	12,5	13,9	12,8	13,5	13,2

Trong đó:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: bao gồm túi nilon, giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng carton, túi nilon, túi đựng phim,...

+ Chất thải y tế thông thường bao gồm: Chai lọ truyền dịch bằng nhựa, thủy tinh, chai huyết thanh, các vật liệu nhựa...

### 3.2.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại các Trung tâm y tế huyện khối lượng dự kiến như sau:

TT	Thành phần	Khối lượng (kg/ngày.đêm)				
		TTYT huyện Hà Trung	TTYT huyện Hoàng Hóa	TTYT huyện Thiệu Hóa	TTYT huyện Triệu Sơn	TTYT huyện Yên Định
	<b>Chất thải nguy hại</b>	<b>10,0</b>	<b>16,0</b>	<b>12,0</b>	<b>15,0</b>	<b>13,0</b>
-	Chất thải y tế lây nhiễm	9,8	15,68	11,76	14,7	12,74
-	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	0,2	0,32	0,24	0,3	0,26

Trong đó:

- Chất thải y tế lây nhiễm gồm:

+ Chất thải y tế lây nhiễm sắc nhọn bao gồm: bơm kim tiêm, các ống tiêm, lưỡi dao mổ và các vật sắc nhọn khác sử dụng trong các loại hoạt động y tế...;

+ Chất thải y tế lây nhiễm không sắc nhọn gồm: dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm,...

+ Chất thải giải phẫu gồm: các mô bệnh phẩm phát sinh từ các phòng phẫu thuật, thủ thuật; nhau thai...

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm gồm:

+ Hóa chất thải bỏ; dược phẩm thải bỏ, bị hỏng; Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng quá hạn, kém phẩm chất không còn khả năng sử dụng.

+ Chất thải nguy hại khác: Bóng đèn neon bị hỏng, pin, ắc quy...

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư :

### 4.1. Giai đoạn xây dựng

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân tại mỗi Trung tâm: đào 01 hố lắng có thể tích 4,0 m<sup>3</sup> (kích thước 2 x2x1m, lót vải



địa kỹ thuật HDPE) tại lán trại công nhân, để thu gom lãng và loại bỏ chất rắn lơ lửng, rác thải phát sinh... trước khi thải ra mương thoát nước khu vực.

- Đối với nước thải từ quá trình ăn uống: được dẫn về hố lãng có thể tích 4,0 m<sup>3</sup> (cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân). Đối với vãng dầu mỡ: Được đơn vị thi công thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 01 tháng/lần.

- Đối với nước thải từ quá trình vệ sinh: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động tại khu lán trại để thu gom nước thải từ quá trình vệ sinh của công nhân.

- Đối với nước thải từ hoạt động của Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa và Triệu Sơn được thu gom vào bể tự hoại hiện có của các tòa nhà.

#### *b. Nước thải xây dựng:*

- Nước thải rửa lớp bánh xe khi phương tiện vận chuyển rời công trường (Có lưu lượng 1,6 m<sup>3</sup>/ngày) và nước thải vệ sinh dụng cụ thiết bị tại mỗi công trường được thu gom và xử lý tại hố lãng tạm V = 4,0 m<sup>3</sup> cùng với nước rửa tay chân dẫn ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

#### *c. Nước mưa chảy tràn:*

- Tạo các tuyến mương thoát nước tạm thời trong khu vực thi công xây dựng các Trung tâm y tế, đấu nối với hiện trạng thoát nước trong khu vực.

- Vật liệu thi công xây dựng được tập kết theo khối lượng đủ sử dụng để tránh bị nước mưa cuốn trôi làm thất thoát vật liệu và ách tắc hệ thống thoát nước hiện có của trung tâm y tế.

#### **4.1.2. Đối với xử lý khí thải**

Đối với mỗi Trung tâm y tế:

- Trang bị bảo hộ lao động (như quần áo, giày, mũ, khẩu trang,...) cho công nhân thi công.

- Dùng xe xitéc 3,0 m<sup>3</sup>, phun theo ống đục lỗ nằm ngang phía dưới xitéc. Tần suất phun nước 04 lần/ngày và tăng số lần phun nước trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như tuyến đường qua các khu dân cư lân cận.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân.

- Thường xuyên quét dọn vật liệu rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển.

- Lắp dựng tường rào bằng tôn cao 2,5m bao xung quanh khu đất để hạn chế bụi phát tán ra khu vực xung quanh, đồng thời bảo vệ công trình.

- Các phương tiện xe, máy thi công được bảo dưỡng và đăng kiểm đúng quy định. Không được chở quá tải trọng, tốc độ vận chuyển đảm bảo theo quy định

- Người điều khiển phương tiện thực hiện đúng qui định về việc sử dụng còi xe, tốc độ trên các tuyến đường vận chuyển.

#### **4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Tại các Trung tâm y tế: Trang bị thùng nhựa có thể tích  $V = 60$  lít, có nắp đậy đặt tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom rác thải. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển đối với các vị trí xây dựng mới, thu gom cùng với chất thải của Trung tâm y tế hiện có đối với Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa và Triệu Sơn.

#### **4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn xây dựng**

- Đối với loại chất thải rắn như bao bì xi măng, bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày vào các bao bì đặt trong nhà kho chứa vật liệu, và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

- Đối với đất đào hố móng công trình, gạch đá rơi vãi: được tận dụng tôn nền các công trình tại dự án.

- Thường xuyên quét dọn vật liệu rơi vãi trên tuyến đường nhằm giảm thiểu các tác động do chất thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển vật liệu.

- Chất thải rắn từ hoạt động của trung tâm y tế đang hoạt động (Trung tâm y tế huyện Hoàng Hóa, Trung tâm y tế huyện Triệu Sơn):

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

+ Đối với chất thải y tế thông thường (có thể tái chế): Hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi tái chế.

+ Đối với chất thải nguy hại khác: Hiện tại đang được lưu giữ trong thùng composite màu đen 240 lít và đặt tại phòng lưu trữ chất thải y tế nguy hại của Trung tâm y tế sau đó đưa về Bệnh viện đa khoa các huyện để vận chuyển đi xử lý.

#### **4.1.5. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại**

- Các máy móc đưa vào sử dụng phải được kiểm tra và có giấy kiểm định chất lượng để hạn chế máy móc bị hư hỏng tại công trường.

- Trang bị các thùng chuyên dụng có thể tích 200 lít/thùng để thu gom chất thải nguy hại, bên ngoài thùng có dán biển cảnh báo nguy hại.

- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng đưa đi xử lý như: Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia hoặc Công ty Cổ phần Môi trường Việt Thảo tại KCN Bim Sơn, thị xã Bim Sơn đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án.

#### **4.1.6. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

- Phương tiện sử dụng không chở vượt quá giới hạn quy định. Tắt máy khi không cần thiết và tránh những hành động gây ồn khi đang điều khiển phương tiện. Phương tiện vận chuyển giảm tốc độ khi di chuyển qua các khu dân cư, các điểm giao trên tuyến.

- Không sử dụng các máy móc thi công đã quá cũ vì chúng gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn.

- Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị giảm thanh của các máy móc gây ra tiếng ồn cao như máy khoan, máy xúc, máy ủi, xe lu...

- Áp dụng công nghệ thi công hiện đại giảm tối đa rung động tránh ảnh hưởng tới người dân và các công trình hai bên tuyến. Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp để mức tiếng ồn và rung động đạt tiêu chuẩn cho phép.

- Tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với rung động khoảng từ 20 – 30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4h.

- Hạn chế các xe trọng tải lớn vận chuyển vật liệu vào ban đêm.

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ thiết bị thi công.

- Trang bị dụng cụ bảo hộ cá nhân cho công nhân làm việc tại những bộ phận gây ồn, rung cao như găng tay, mũ chụp tai hoặc nút chống ồn bằng chất dẻo. Thường xuyên nhắc nhở công nhân sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động.

## **4.2. Giai đoạn vận hành:**

### **4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải**

#### *a/ Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn*

Nước mưa chảy tràn trên mái và trong khuôn viên Các Trung tâm y tế được thu gom bằng hệ thống mương rãnh thoát nước mưa xung quanh các khu nhà, sân đường nội. Trên hệ thống mương rãnh thoát nước mưa có bố trí các hố ga lắng cặn. Sau đó thoát ra hệ thống mương tiêu thoát nước chung của khu vực.

#### *b/ Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt tại các Trung tâm y tế được chia thành 02 dòng:

+ Dòng nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh phòng bệnh: Dòng nước thải này được thu gom qua song chắn rác về các hố ga để lắng cặn, sau đó theo đường ống nhựa PVC D160; D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trung tâm y tế để xử lý trước khi thải ra hệ thống mương tiêu thoát nước chung.

+ Dòng nước thải từ nhà vệ sinh: Dòng nước thải này sau khi thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn, sau đó theo hệ thống đường ống nhựa PVC D200 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của các Trung tâm y tế trước khi thải vào môi trường tiếp nhận.

#### *c/ Nước thải y tế tại các Trung tâm*

- Nước thải y tế: được thu gom riêng bằng đường ống nhựa PVC D200 về các hố ga (bố trí tại các khu nhà phát sinh nước thải y tế), sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của trung tâm y tế để xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

- Nước thải vệ sinh nền sàn, thiết bị thu gom và lưu giữ chất thải: được thu gom riêng bằng đường ống nhựa PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung của các Trung tâm y tế để xử lý.

- Sơ đồ công nghệ của hệ thống xử lý nước thải tập trung tại mỗi Trung tâm y tế huyện, công suất 10m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải → Song chắn rác → Bể điều hòa → Ngăn yếm khí → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Bể lắng lọc, khử trùng → Nguồn tiếp nhận (đạt QCVN 14:2008 (cột B), QCVN 28:2010/BTNMT (cột B)).

#### **4.2.2. Về bụi, khí thải**

- Quy định các phương tiện ra vào các Trung tâm y tế tắt máy và cấm bóp còi.

- Thường xuyên kiểm tra và định kỳ bảo dưỡng các xe của trung tâm y tế, không chở quá tải trọng quy định.

- Hàng ngày quét dọn vệ sinh tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Trung tâm y tế.

- Trong khuôn viên Trung tâm y tế và khu vực công ra vào, xung quanh tường rào trung tâm y tế được trồng nhiều cây xanh, bồn hoa để tạo không khí thoáng mát.

- Định kỳ 01 tháng/lần, Trung tâm y tế sẽ thực hiện tổng vệ sinh, rửa nền sàn nhà bằng hóa chất sát khuẩn Cloramin B pha loãng 10%. Khối lượng hóa chất Cloramin B sử dụng sát khuẩn định kỳ là 3,0 kg/ngày.

- Thường xuyên nạo vét hệ thống thu gom, thoát nước thải để giảm thiểu mùi hôi.

#### **4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý CTR thông thường**

Các Trung tâm y tế thực hiện quy trình phân loại và thu gom chất thải rắn ngay tại nguồn theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế. Các loại chất thải sẽ được đựng trong các túi, thùng theo mã màu quy định.

- Vị trí đặt các thùng thu gom chất thải rắn:

+ Tại hành lang mỗi tầng của mỗi khu nhà đặt các thùng nhựa 60 lít/thùng thu gom chất thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt.

- Vận chuyển chất thải về khu vực lưu giữ và xử lý: Chất thải rắn sau khi thu gom vào các túi, thùng sẽ được nhân viên dọn vệ sinh hàng ngày kéo xe thùng thu gom rác đưa về khu vực nhà lưu giữ chất thải của các Trung tâm y tế chờ đưa đi xử lý.

- Khu vực lưu giữ chất thải:

+ Khu nhà tập kết chất thải rắn sinh hoạt: Có hệ vi kèo thép, mái lợp tôn và có tường bao che, nền đổ bê tông xi măng. Trong khu nhà có các xe thu gom rác 0,5m<sup>3</sup>, thùng composite 120lít để lưu giữ rác thải.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Hợp đồng đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải y tế thông thường (có thể tái chế): hợp đồng với đơn vị có chức năng tái chế.

#### **4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Các Trung tâm y tế đã thực hiện quy trình phân loại và thu gom chất thải rắn nguy hại theo Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của của Bộ Y tế - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Khu nhà lưu giữ chất thải nguy hại: Có mái che, tường bao quanh, nền lát gạch và được chia làm 03 phòng: Phòng lưu trữ rác thải tái chế; Phòng lưu trữ chất thải y tế lây nhiễm và phòng lưu giữ chất thải nguy hại. Tại các phòng lưu trữ rác thải đều có các thùng composite 120lit, để lưu giữ.

- Đối với chất thải y tế nguy hại: Các Trung tâm y tế quản lý bằng sổ ghi chép chất thải rắn y tế nguy hại phát sinh; Sổ theo dõi xử lý các loại chất thải rắn y tế; Sổ giao chất thải với các cơ sở y tế bên ngoài;

+ Chất thải y tế lây nhiễm, sắc nhọn (kim tiêm, bệnh phẩm...): Được thu gom riêng vào các hộp nhựa màu vàng, đưa về khu lưu giữ. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Gồm hóa chất, dược phẩm thải bỏ (do quá hạn, kém chất lượng, thiết bị y tế bị hỏng, bóng đèn neon, pin, ắc quy... sẽ được thu gom riêng vào các thùng màu đen 240 lít để lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

#### 4.3. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

TT	Danh mục công trình xử lý môi trường tại các Trung tâm y tế	Đơn vị	Số lượng Đối với 01 TTYT huyện
<b>1</b>	<b>Khu tập kết chất thải rắn-CTNH</b>		
-	Thùng đựng CTR dung tích 5,0l	Hệ thống	01
-	Thùng đựng CTR dung tích 60l	Hệ thống	01
-	Xe đẩy rác bằng tay dung tích 0,5m <sup>3</sup> /xe	cái	02
-	Thùng đựng CTR dung tích 120l	Hệ thống	01
-	Thùng đựng CTR dung tích 120l	Hệ thống	01
<b>2</b>	<b>Hệ thống xử lý nước thải tập trung 10 m<sup>3</sup>/ngày. đêm</b>	HT	<b>01</b>

#### 5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác,

xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

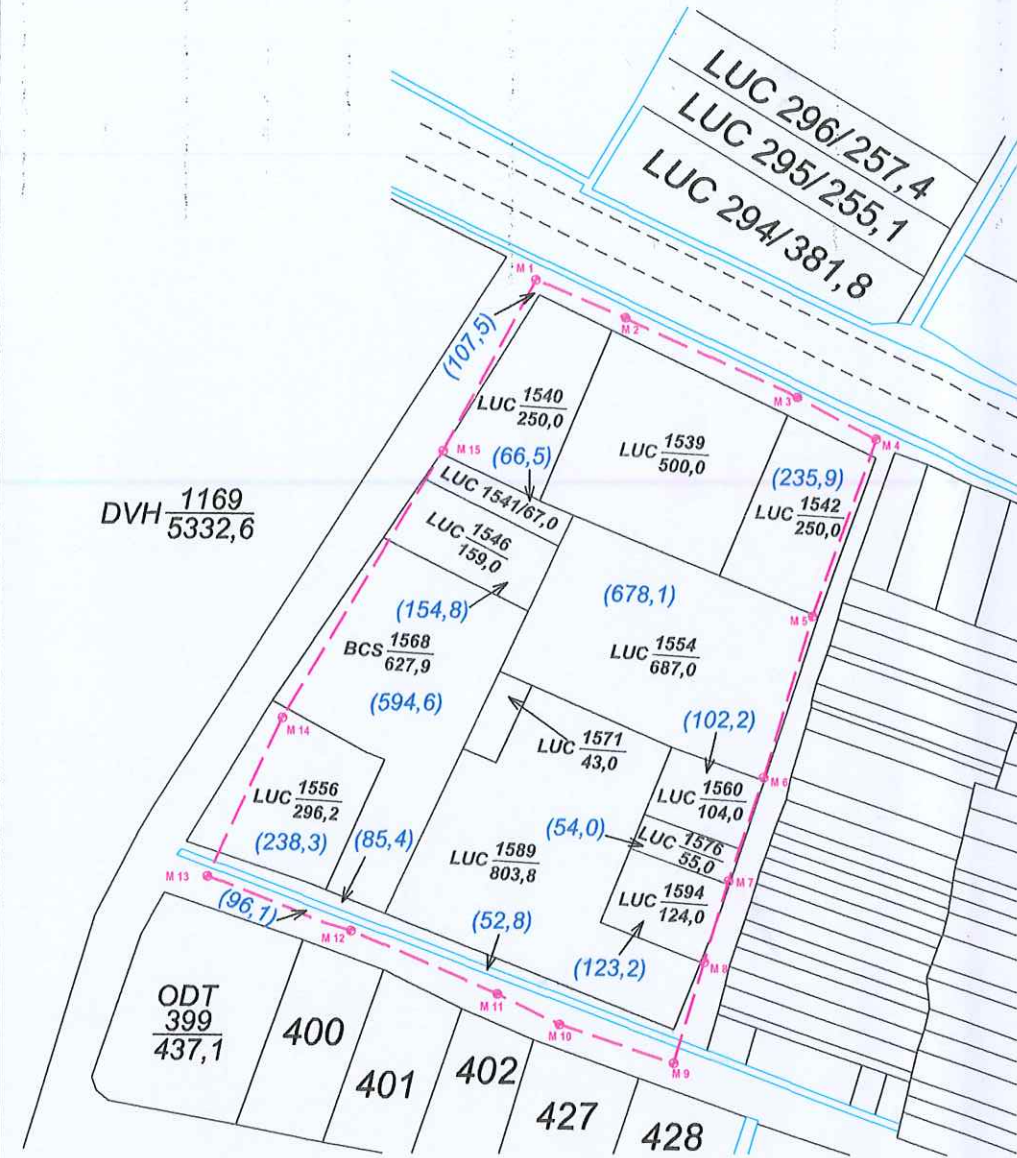
- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.



### TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số 432/TLBD  
 Tỷ lệ: 1/1000

Tên dự án: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 05 trung tâm y tế tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa hạng mục trung tâm y tế huyện Thiệu Hóa  
 Trích lục từ bản đồ địa chính số: 61  
 Tỷ lệ bản đồ: 1/2000 đo đạc chính lý năm 2023  
 thị trấn Thiệu Hóa - huyện Thiệu Hóa - tỉnh Thanh Hóa  
 Kèm theo mục kê trích lục



Số TT	Tờ BĐ	Theo hồ sơ địa chính năm 2023 thị trấn Thiệu Hóa					Ghi chú
		Số thửa	Tên người quản lý, sử dụng đất	Diện tích/nguyên thửa	Diện tích thực hiện dự án	Loại đất	
1	61	1539	Hộ ông: Nguyễn Văn Huệ	500	500	LUC	
2	61	1540	Hộ ông: Lê Văn Thanh	250	250	LUC	
3	61	1541	Hộ ông: Cao Minh Thuận	67	66,5	LUC	
4	61	1542	Hộ ông: Nguyễn Hữu Quang	250	235,9	LUC	
5	61	1546	Hộ ông: Lê Ngọc Phương	159	154,8	LUC	
6	61	1554	Hộ bà: Cao Thị Quế	687	678,1	LUC	
7	61	1556	Hộ ông: Nguyễn Hữu Minh	296,2	238,3	LUC	
8	61	1560	Hộ ông: Nguyễn Văn Thành	104	102,2	LUC	
9	61	1568	UBND xã	627,9	594,6	BCS	
10	61	1571	Hộ ông: Lê Văn Hùng	43	43	LUC	
11	61	1576	Hộ ông: Lê Doãn Xuyên	55	54	LUC	
12	61	1589	Hộ ông: Nguyễn Hữu Minh	803,8	803,8	LUC	
13	61	1594	Hộ ông: Nguyễn Hữu Hùng	124	123,2	LUC	
14	61	K/xác định	UBND xã		107,5	DGT	
15	61	K/xác định	UBND xã		96,1	DGT	
16	61	K/xác định	UBND xã		85,4	DGT	
17	61	K/xác định	UBND xã		52,8	DTL	
<b>Tổng diện tích</b>				<b>3966,9</b>	<b>4186,2</b>		

Trong đó:  
 Diện tích đất hộ gia đình sử dụng: 3249,6m<sup>2</sup> (đất LUC: 3249,6m<sup>2</sup>)  
 Diện tích đất UBND xã quản lý: 936,4m<sup>2</sup> (DGT: 289,0m<sup>2</sup>; DTL: 52,8m<sup>2</sup>; BCS: 594,6m<sup>2</sup>)

**GHI CHÚ:**  
 Ranh giới được xác định theo tọa độ các điểm trong tổng mặt bằng xây dựng tỷ 1/500 được UBND huyện Thiệu Hóa phê duyệt

— Nền bản đồ địa chính  
 (52,8) Diện tích thực hiện dự án

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN  
 CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐK ĐẤT ĐAI HUYỆN THIỆU HÓA  
 Ngày 29 tháng 5 năm 2023  
 NGƯỜI THỰC HIỆN  
 Ngày 29 tháng 5 năm 2023  
 GIÁM ĐỐC

Trịnh Văn Long  
 Lê Ngọc Bình

TỌA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT THEO HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2197618.9400	571155.3200
M2	2197614.4000	571166.1400
M3	2197605.1300	571186.7400
M4	2197600.1400	571196.1500
M5	2197579.1200	571188.5900
M6	2197559.8200	571182.7300
M7	2197547.5300	571178.5200
M8	2197537.9200	571175.5900
M9	2197525.8900	571171.9700
M10	2197530.3700	571158.2700
M11	2197534.0400	571150.8100
M12	2197541.4700	571133.3200
M13	2197547.8640	571116.0770
M14	2197566.6900	571125.0500
M15	2197598.4900	571144.2900



**TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500**  
**DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN**

MÔ TẢ - KEY PLAN:



KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI KHU ĐẤT CÓ DT = 3025,6 M2 XÁC ĐỊNH BỞI CÁC MỐC GIỚI TỬ M1, M2, ...M4
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- ⊕ MỐC RANH GIỚI KHU ĐẤT
- ⊕ MỐC ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO HOA SẮT
- HÀNG RÀO TRỤ BT + LƯỚI B40

- ▨ ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- ▨ BÓN HOA, CÂY XANH
- ▨ SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO
- ▨ CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CHÚ THÍCH:

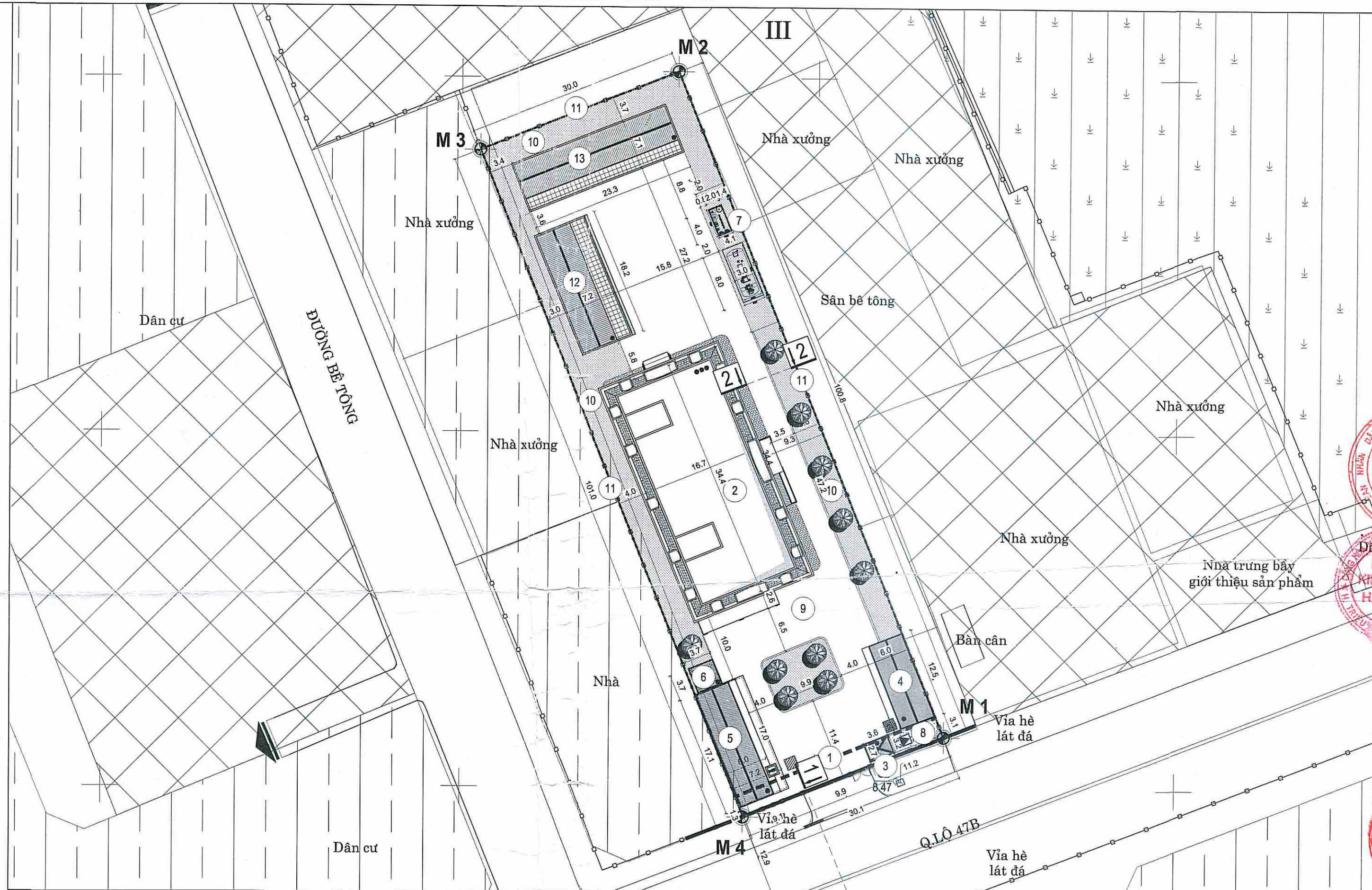
- 1 CÔNG
- 2 KHỐI KHOA PHÒNG CHUYÊN MÔN NV (XÂY MỚI)
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ ĐÈ XE SỐ 4
- 5 NHÀ ĐÈ XE SỐ 5
- 6 TRẠM BƠM CẤP NƯỚC SH + CHỮA CHÁY
- 7 TRẠM XLNT
- 8 TRẠM BIẾN ÁP TREO (CS <1MVA)
- 9 SÀN ĐƯỜNG GT
- 10 CÂY XANH
- 11 TƯỜNG RÀO
- 12 NHÀ HỘI TRƯỞNG CẢI TẠO
- 13 NHÀ LÀM VIỆC A4 CẢI TẠO

PHẠM VI RANH GIỚI

- HƯỚNG ĐÔNG: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP
- HƯỚNG TÂY: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP
- HƯỚNG NAM: GIÁP QUỐC LỘ 47B
- HƯỚNG BẮC: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẤU NÓI

- ▨ - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẤU NÓI ĐIỆN
- ▨ - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẤU NÓI CẤP NƯỚC
- ▨ - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẤU NÓI THOÁT NƯỚC MƯA
- ▨ - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẤU NÓI THOÁT THẢI



PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÀNG

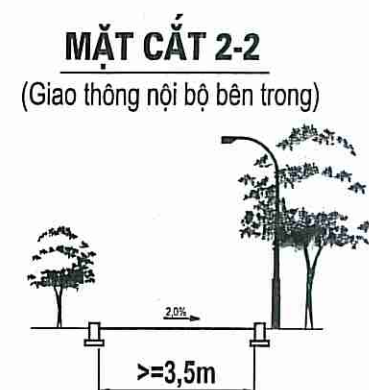
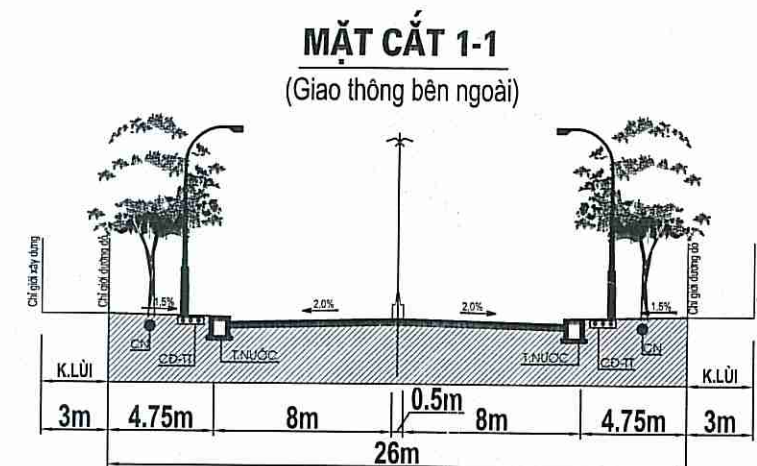
PHÒNG TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

PHÓ CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC

NGÀY: .../.../2023

CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG:



TOA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT THEO HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2193107.3180	565217.8970
M2	2193200.8751	565180.4212
M3	2193189.7194	565152.5742
M4	2193095.9646	565190.0242

TT	Nội dung	Kí hiệu	Diện tích XD (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Diện tích sàn (m2)	Hệ số SDD (lần)
	Diện tích khu đất		3.025.60	100.00			
I	Công trình xây dựng		1.151.67	38.06		2.262.12	0.75
1	Công trình chính (Khối khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ)		944.67			2.055.12	
	Công trình xây dựng mới	2	643.67		3	1.754.12	
	Nhà hội trường cải tạo	12	132.00		1	132.00	
	Nhà hành chính cải tạo	13	169.00		1	169.00	
2	Công trình phụ trợ & HTKT		207.00			207.00	
	Nhà bảo vệ	3	10.00		1	10.00	
	Nhà để xe số 4	4	75.00		1	75.00	
	Nhà để xe số 5	5	100.00		1	100.00	
	Trạm bơm cấp nước SH + nước chữa cháy (phần xây nổi)	6	14.00		1	14.00	
	Trạm xử lý nước thải (phần xây nổi)	7	8.00		1	8.00	
	Trạm biến áp treo (Công suất < 1MVA)	8			1	8.00	
	Công	1	01 cái				
	Tường rào	11					
	+ Tường rào hoa sắt		30 md				
	+ Tường rào đặc		231.72 md				
II	Giao thông	9	1.049.00	34.67			
III	Cây xanh	10	824.93	27.27			

DỰ ÁN / PROJECT: DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN TỈNH THANH HÓA

CÔNG TRÌNH / CONSTRUCTION: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / SITE LOCATION: PHỐ TÂN MINH, TT TRIỆU SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ / DRAWING: QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ: 1/500

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ / PROJECT LEADER: KTS. TRẦN MẠNH HỒNG

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC / DESIGNER: KTS. NGUYỄN THỊ THU TRANG

QL KỸ THUẬT / CHECKED BY: KTS. TRẦN MẠNH HỒNG

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC / DESIGNED, DRAWING BY: KTS. TRẦN THU PHƯƠNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ BÔNG SEN VÀNG / BONG SEN INVESTMENT - CONSULTANCY JSC

ĐỊA CHẾ SỐ 162/177 - NGÕ 16 BÊN CÔNG HÀ - P. BÊN CÔNG - Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI / ADDRESS NO. 162/177 - NGÕ 16 BÊN CÔNG HÀ - BÊN CÔNG HÀ - HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR: TRẦN THỊ HOÀNG NINH

NGÀY: .../.../2023 | TỶ LỆ: 1/500 | BẢN VẼ: QH-01



# TỔNG MẶT BẰNG ĐIỀU CHỈNH TỶ LỆ 1/500

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA

HẠNG MỤC: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN

MÔ TẢ - KEY PLAN:



KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI KHU ĐẤT THEO TMB ĐƯỢC DUYỆT  
CÓ DT = 3025,6 M<sup>2</sup>  
XÁC ĐỊNH BỞI CÁC MỐC GIỚI TỪ M1, M2, M3, M4
- RANH GIỚI KHU ĐẤT ĐIỀU CHỈNH  
CÓ DT = 3200 M<sup>2</sup>  
XÁC ĐỊNH BỞI CÁC MỐC GIỚI TỪ M1, M2, M3, M4
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐÓ
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- MỐC RANH GIỚI KHU ĐẤT
- MỐC ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO HOA SẮT
- HÀNG RÀO XÂY GẠCH ĐẶC KHÔNG NUNG
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- BỜN HOA, CÂY XANH
- SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CHÍNH LÝ - EDIT:

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5



CHÚ THÍCH:

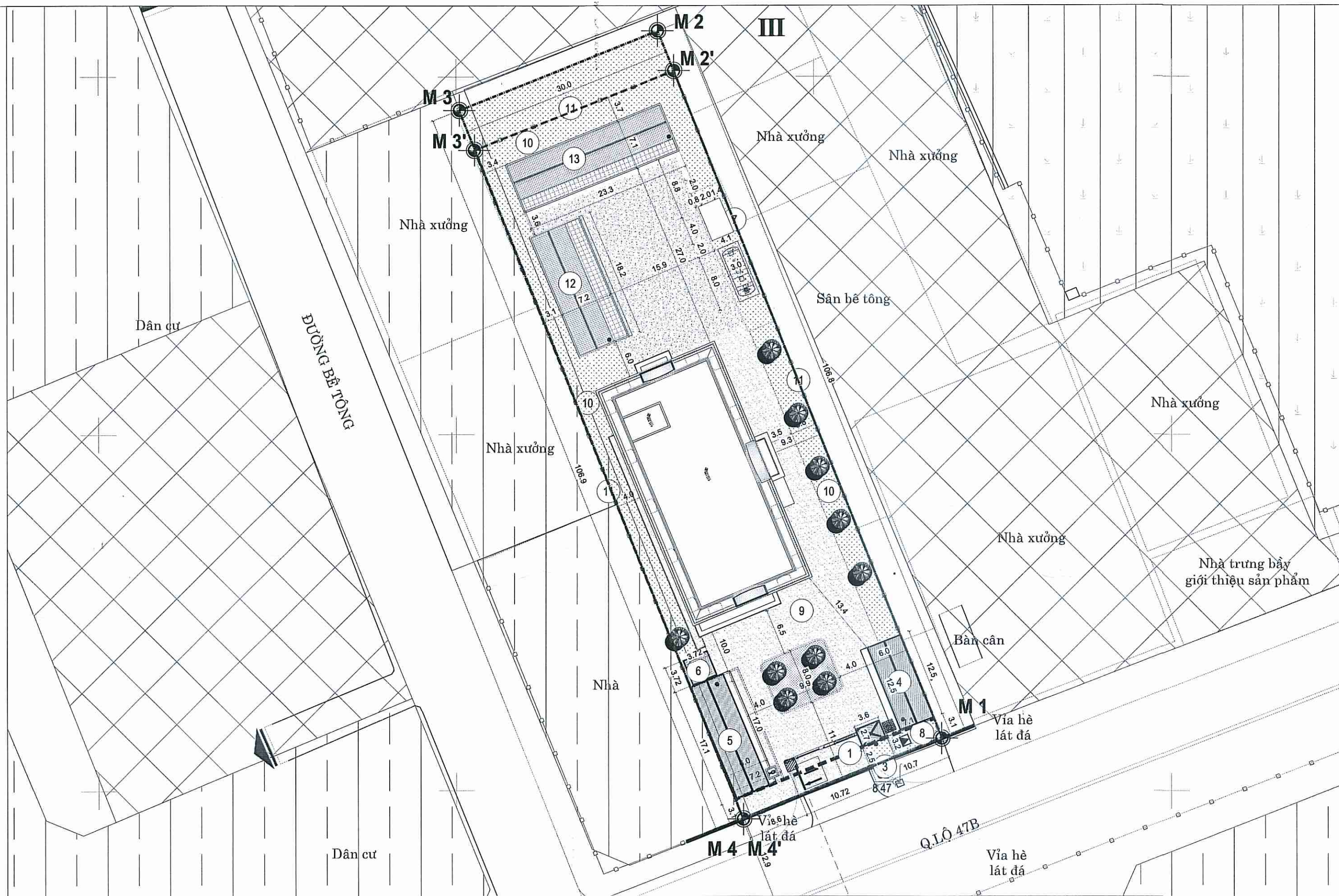
- 1 CỎNG
- 2 KHỞI KHOA PHÒNG CHUYÊN MÔN NV (XÂY MỚI)
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ ĐÈ XE SỐ 4
- 5 NHÀ ĐÈ XE SỐ 5
- 6 TRẠM BƠM CẤP NƯỚC SH + CHỮA CHÁY
- 7 TRẠM XLNT
- 8 TRẠM BIẾN ÁP (CS < 1MVA)
- 9 SÀN ĐƯỜNG GT
- 10 CÂY XANH
- 11 TƯỜNG RÀO
- 12 NHÀ HỘI TRƯỞNG CẢI TẠO
- 13 NHÀ LÀM VIỆC A4 CẢI TẠO

PHẠM VI RANH GIỚI

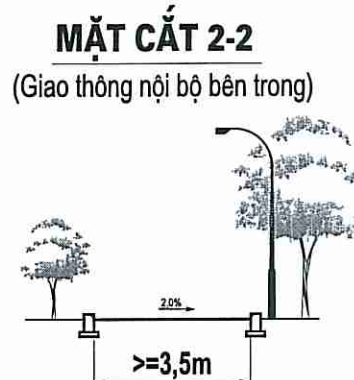
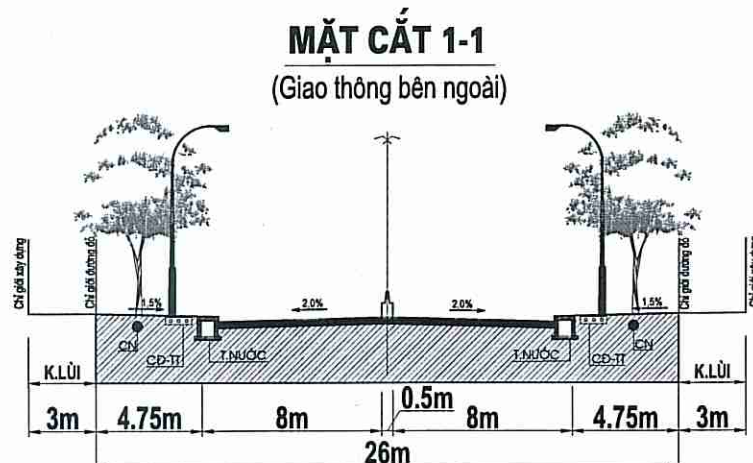
- HƯỚNG ĐÔNG: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP
- HƯỚNG TÂY: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP
- HƯỚNG NAM: GIÁP QUỐC LỘ 47B
- HƯỚNG BẮC: GIÁP ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP

VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NỒI

- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NỒI ĐIỆN
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NỒI CẤP NƯỚC
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NỒI THOÁT NƯỚC MƯA
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NỒI THOÁT THẢI



CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG:



TOA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT ĐIỀU CHỈNH THEO TRÍCH LỤC  
BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT - HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2193107.3180	565217.8970
M2	2193206.4276	565178.1971
M3	2193195.3061	565150.4354
M4	2193096.0045	565190.1223

TOA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT TMB ĐƯỢC DUYỆT  
HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2193107.3180	565217.8970
M2'	2193200.8751	565180.4212
M3'	2193189.7194	565152.5742
M4'	2193095.9646	565190.0242

TT	Nội dung	Kí hiệu	Diện tích XD (m <sup>2</sup> )	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Hệ số SDD (lần)
	Diện tích khu đất		3,200.00	100.00			
1	Công trình xây dựng		1,151.67	35.99		2,262.12	0.71
1	Công trình chính (Khởi khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ)		944.67			2,055.12	
	Công trình xây dựng mới	2	643.67		3	1,754.12	
	Nhà hội trường cải tạo	12	132.00		1	132.00	
	Nhà hành chính cải tạo	13	169.00		1	169.00	
2	Công trình phụ trợ & HTKT		207.00			207.00	
	Nhà bảo vệ	3	10.00		1	10.00	
	Nhà để xe số 4	4	75.00		1	75.00	
	Nhà để xe số 5	5	100.00		1	100.00	
	Trạm bơm cấp nước SH + nước chữa cháy (phần xây nổi)	6	14.00		1	14.00	
	Trạm xử lý nước thải (phần xây nổi)	7	8.00		1	8.00	
	Trạm biến áp treo (Công suất < 1MVA)	8					
	Cổng	1	01 cái				
	Tường rào	11					
	+ Tường rào hoa sắt		25md				
	+ Tường rào đặc		204.4md				
II	Giao thông	9	1,049.00	32.78			
III	Cây xanh	10	999.33	31.23			

CÔNG TRÌNH / CONSTRUCTION:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / SITE LOCATION:  
PHỐ TÂN MINH, TT TRIỆU SƠN, HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ / DRAWING:  
QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG ĐIỀU CHỈNH  
TỶ LỆ: 1/500

CHỖ NHẬN THIẾT KẾ PROJECT LEADER: THS. KTS. TRẦN MẠNH HÙNG  
CHỖ TRỊ KIẾN TRÚC DESIGNED LEADER: KTS. NGUYỄN THỊ THU TRANG  
QL KỸ THUẬT CHECKED BY: THS. KTS. TRẦN MẠNH HÙNG  
THIẾT KẾ KIẾN TRÚC DESIGNED, DRAWING BY: KTS. TRẦN THỊ PHƯƠNG

CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ BÔNG SEN VÀNG  
BÔNG SEN VÀNG INVESTMENT - CONSULTANCY JSC

GIÁM ĐỐC CÔNG TY: NGUYỄN ĐÌNH HÙNG  
CỔ PHẦN TỰ VẤN VÀ ĐẦU TƯ BÔNG SEN VÀNG INVESTMENT - CONSULTANCY JSC  
NGÀY: 17/04/2023 TỶ LỆ: 1/500 BẢN VẼ: QH-01



565 200

565 400

# TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Số: 24/ TLBD  
Tỷ lệ 1/2000

Tên dự án: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN TRIỆU SƠN  
Trích lục thửa số 885, tờ Bản đồ địa chính số 12  
Tỷ lệ bản đồ 1/2000, do về năm 2010  
cập nhật theo cơ sở dữ liệu đất đai huyện Triệu Sơn  
huyện Triệu Sơn đến ngày 02/4/2024

Địa điểm: Xã Minh Đán thị trấn Triệu Sơn - huyện Triệu Sơn - tỉnh Thanh Hoá  
Diện tích khu đất là: 3200,0 m<sup>2</sup>

## BẢNG THÔNG KÊ DIỆN TÍCH

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

Theo cơ sở dữ liệu đất đai xã Minh Đán, huyện Triệu Sơn đến ngày 02/4/2024		Loại đất		Loại đất		Ghi chú
Tờ	Thửa	Loại đất sử dụng	Diện tích	Diện tích dự án	Loại đất	
39	885	UBND xã	7526,5	3200,0	SKC	Tên chủ sử dụng và loại đất hướng theo hồ sơ địa chính lập năm 2010
Tổng diện tích khu đất: 3200,0 m <sup>2</sup> (loại đất: SKC, do UBND xã quản lý)						

### GHI CHÚ:

- Ranh giới thực hiện dự án được xác định theo toạ độ các điểm góc (Hệ VN2000) trong Quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 được UBND huyện Triệu Sơn phê duyệt kèm theo văn bản ngày 07/3/2024
- Nền cơ sở dữ liệu đất đai xã Minh Đán, huyện Triệu Sơn đến ngày 02/4/2024
- Thửa đất mới tạo thành thực tế bản đồ địa chính số 12, xã Minh Đán
- \* Tích lục bản đồ được lập theo đề nghị của UBND huyện Triệu Sơn tại văn bản số 1218/UBND-TNMT ngày 25/3/2024



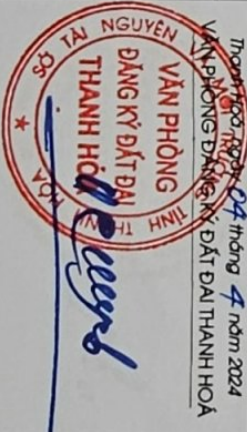
### PHÒNG KỶ THUẬT ĐỊA CHÍNH

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 4 năm 2024  
NGƯỜI THỰC HIỆN

Thanh Hoá, ngày 04 tháng 4 năm 2024  
TRƯỞNG PHÒNG

Đào Thị Thuần Chính

Hoàng Công Diệp



Nguyễn Đình Trinh

### BẢNG THÔNG TOẠ ĐỘ RANH GIỚI

Tên mốc	HỆ TOẠ ĐỘ VN 2000 (theo hướng thực tế, mặt chiếu 5°)	
	X(m)	Y(m)
M1	2193107,3180	565217,8970
M2	2193206,4276	565178,1971
M3	2193195,3061	565150,4354
M4	2193096,0045	565190,1223

2193 000

2193 200

2193 000

2193 200

565 200

565 400



## TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

**DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA**  
**HẠNG MỤC: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN ĐỊNH**

MÔ TẢ: KEY PLAN.

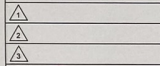


KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI TỔNG THỂ KHU BẮT CỎ
- RANH GIỚI KHU BẮT 30 GIẤC ĐƠN ĐẦU CỎ
- RANH GIỚI KHU BẮT 30 GIẤC ĐƠN ĐẦU CỎ CÓ CỘT > 400 MỘT SỐ MỘT SỐ CÁC MỐC
- RANH GIỚI KHU BẮT 30 GIẤC ĐƠN ĐẦU CỎ CÓ CỘT > 400 MỘT SỐ MỘT SỐ CÁC MỐC
- CHẾ GIỚI ĐƯỜNG ĐÓ
- CHẾ GIỚI XÂY DỰNG
- MỐC RANH GIỚI KHU BẮT
- MỐC ĐINH Y CỘT TRÌNH
- TUYẾN KHOA HÓA BẮT
- HẠNG MỤC TRUY BẮT - LƯỚI B40

- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- BỒN HOA, CÂY XANH
- SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

CHỖ NHẢY: 0.30



**PHÓ CHỦ TỊCH**  
*Nguyễn Văn Bình*

BỘ LẠ ĐÁU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DẪN DƯƠNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA



**PHÓ GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Thanh Vũ*

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN ĐỊNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG BẰNG: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

THIẾT KẾ CƠ SỞ

HẠNG MỤC: TÔNG MẶT BẰNG & HẠ TẦNG KỸ THUẬT

KIẾN TRÚC

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ: 1/500

PHÒNG SÉN XÂY DỰNG

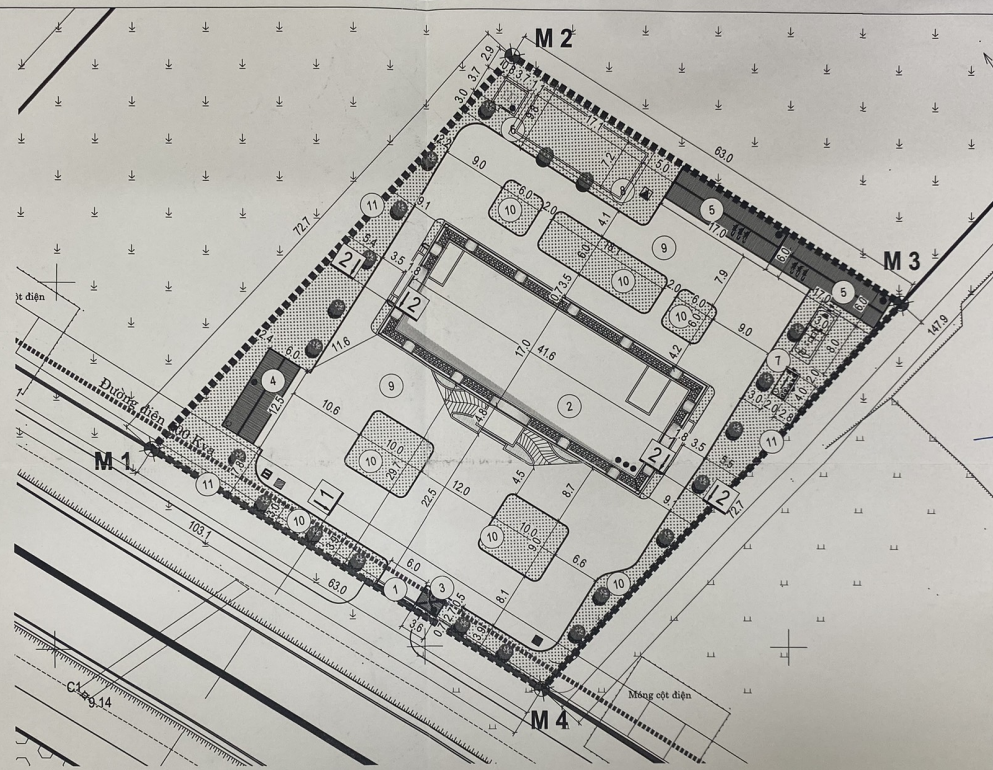
- CHÚ THÍCH:**
- ① CÔNG
  - ② KHU KHU PHÒNG CHUYÊN MÔN NY
  - ③ NHÀ BẢO VỆ
  - ④ NHÀ DẸ XE SƠ 4
  - ⑤ NHÀ DẸ XE SƠ 5
  - ⑥ TRẠM BƠM CẤP NƯỚC BƠM + CHỨA CHỖ
  - ⑦ TRẠM KHUẤT
  - ⑧ TRẠM BƠM ÁP THƯỚC (CỔNG 10MVA)
  - ⑨ SÀN ĐƯỜNG GỖ
  - ⑩ CÂY XANH
  - ⑪ TƯỜNG RÀO

- PHẠM VI RANH GIỚI**
- HƯỚNG ĐÔNG: GIÁP ĐẤT NÔNG NGHIỆP
  - HƯỚNG TÂY: GIÁP ĐẤT NÔNG NGHIỆP
  - HƯỚNG NAM: GIÁP ĐƯỜNG GIAO THÔNG
  - HƯỚNG BẮC: GIÁP ĐẤT NÔNG NGHIỆP

- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐÁU NÔI**
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐÁU NÔI ĐIỆN
  - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐÁU NÔI CẤP NƯỚC
  - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐÁU NÔI THOÁT NƯỚC MƯA
  - VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐÁU NÔI THOÁT THẢI

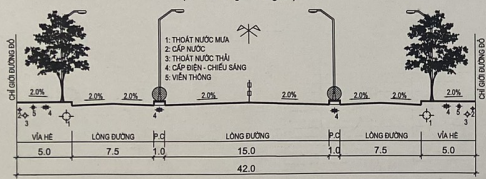
**TỌA ĐỘ MỐC ĐINH Y KHU BẮT 30 GIẤC ĐƠN ĐẦU THEO HỆ TỌA ĐỘ VN 2000**

STT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2209107.30	566962.62
M2	2209180.89	566911.81
M3	2209147.65	566965.33
M4	2209094.12	566916.14

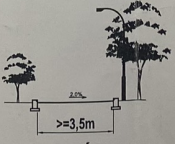


**CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG:**

**MẶT CẮT 1-1**  
(Giao thông bên ngoài)



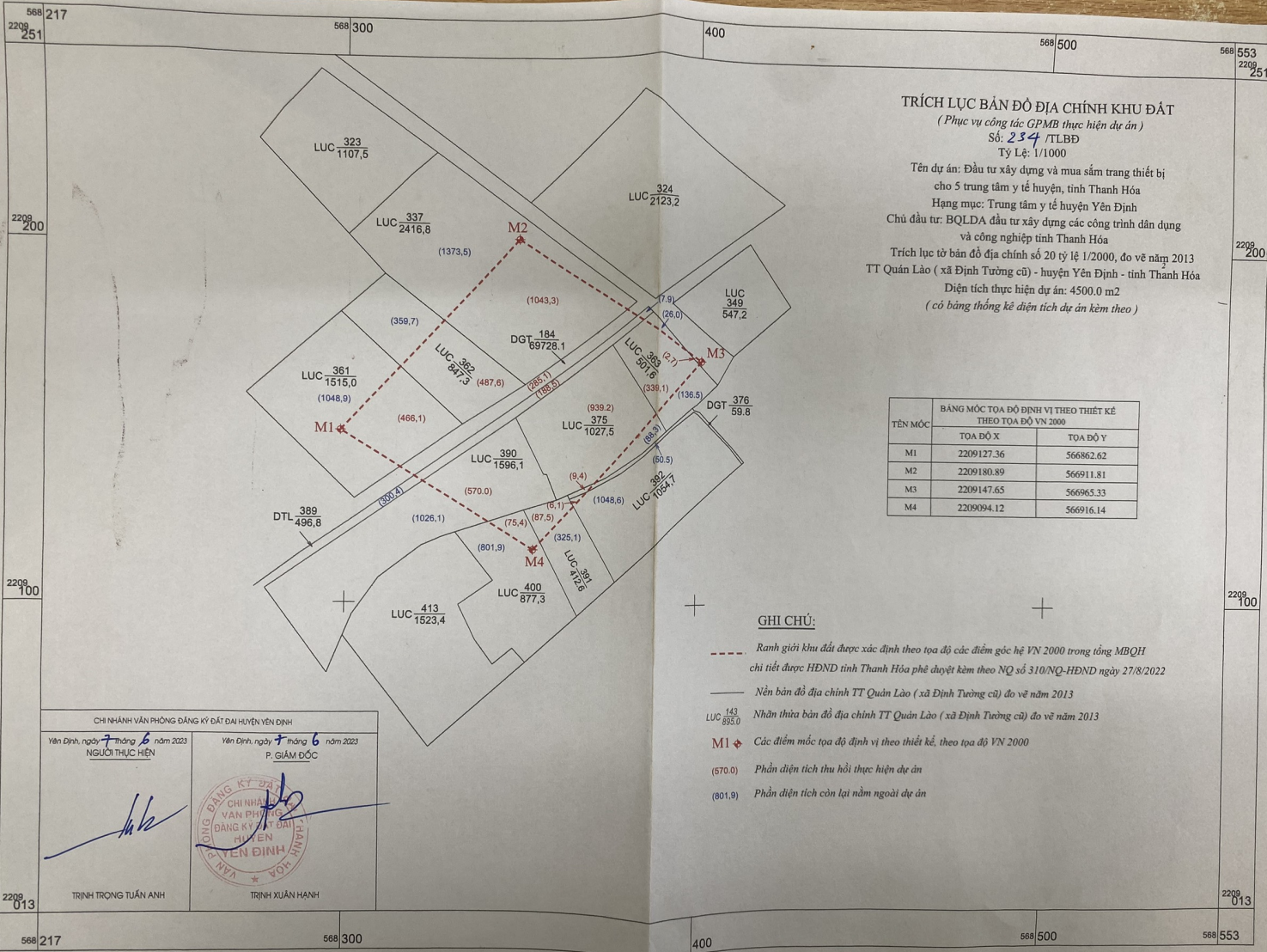
**MẶT CẮT 2-2**  
(Giao thông nội bộ bên trong)



TT	Nội dung	Kí hiệu	Diện tích XD (m <sup>2</sup> )	Mặt độ xây dựng (đ)	Tổng cao (tầng)	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )	Hệ số B00 (Bản)
	Diện tích khu đất		4.500,00	100,00		2.789,81	0,63
1	Công trình xây dựng		1.648,97	23,27		2.043,97	
1	Công trình chính (khối) khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ	2	739,97		3	2.043,97	
2	Công trình phụ trợ & HTKT	3	397,60			397,60	
	Nhà ban 01	3	10,00		1	10,00	
	Nhà dè xe sơ 4	4	76,00		1	76,00	
	Nhà dè xe sơ 5 (02 nhà)	5	290,00		1	290,00	
	Trạm bơm cấp nước B1 + nước chứa chầy (phần xây mới)	6	14,00		1	14,00	
	Trạm xử lý nước B11 (phần xây mới)	7	8,00		1	8,00	
	Trạm biến áp trạm (Cổng kết = 10MVA)	8					
	Công	1	01,68				
	Tường rào	11	60 m <sup>2</sup>				
	+ Công trình hạ tầng	9	210 m <sup>2</sup>				
	+ Hàng rào trụ BT - Lưới B40	9	2.148,88	47,23			
	Đường Bông	10	1.328,15	20,51			
	Cây xanh						

PHÒNG SÉN XÂY DỰNG





**TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT**

( Phục vụ công tác GPMB thực hiện dự án )

Số: 234 / TLBD

Tỷ lệ: 1/1000

Tên dự án: Đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 5 trung tâm y tế huyện, tỉnh Thanh Hóa  
 Hạng mục: Trung tâm y tế huyện Yên Định  
 Chủ đầu tư: BQLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa

Trích lục từ bản đồ địa chính số 20 tỷ lệ 1/2000, do vẽ năm 2013 TT Quán Láo ( xã Định Tường cũ ) - huyện Yên Định - tỉnh Thanh Hóa  
 Diện tích thực hiện dự án: 4500.0 m<sup>2</sup>  
 ( có bảng thống kê diện tích dự án kèm theo )

TÊN MỐC	BẢNG MỐC TỌA ĐỘ ĐỊNH VỊ THEO THIẾT KẾ THEO TỌA ĐỘ VN 2000	
	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y
M1	2209127.36	566862.62
M2	2209180.89	566911.81
M3	2209147.65	566965.33
M4	2209094.12	566916.14

**GHI CHÚ:**

- - - Ranh giới khu đất được xác định theo tọa độ các điểm góc hệ VN 2000 trong tổng MBQH chi tiết được HĐND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt kèm theo NQ số 310/NQ-HĐND ngày 27/8/2022
- Bản đồ địa chính TT Quán Láo ( xã Định Tường cũ ) do vẽ năm 2013
- Nhân thừa bản đồ địa chính TT Quán Láo ( xã Định Tường cũ ) do vẽ năm 2013
- M1 + Các điểm mốc tọa độ định vị theo thiết kế, theo tọa độ VN 2000
- (570.0) Phần diện tích thu hồi thực hiện dự án
- (801.9) Phần diện tích còn lại nằm ngoài dự án

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN YÊN ĐỊNH

Yên Định, ngày 7 tháng 6 năm 2023  
 NGƯỜI THỰC HIỆN

Yên Định, ngày 7 tháng 6 năm 2023  
 P. GIÁM ĐỐC

TRINH TRUNG TUẤN ANH

TRINH XUÂN HẠNH





**TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT**

Số: 21 /TLBĐ  
Tỷ Lệ 1/1000

Tên dự án: Trung tâm y tế huyện Hà Trung  
Địa điểm: Xã Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa  
(Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp Thanh Hóa)  
Trích lục từ Bản đồ địa chính số: 21  
Tỷ lệ Bản đồ: 1/2000, đo vẽ năm: 2013  
Xã Hà Ninh (nay là xã Yến Sơn) - Huyện Hà Trung - Tỉnh Thanh Hoá  
Diện tích khu đất : 3914,3 m2

**BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH**

Tô BĐ	Thửa số	D. Tích Nguyên Thửa	D. Tích thực hiện dự án	Đối tượng quản lý, sử dụng	Loại đất	Ghi chú
21	190	6413.6	1579.8	Lê Văn Tiêu	LUK	
21	193	3813.1	1797.1	Nguyễn Văn Kỳ	LUK	
21	210	4057.3	2.3	Nguyễn Văn Thái	LUK	
21	225	4946.9	535.1	Lê Xuân Huế	LUK	
Tổng Cộng			3914.3			
Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án: 3914,3 m2						
- Hộ gia đình cá nhân quản lý, sử dụng là: 3914,3m2. (Đất LUK: 3914,3 m2)						

**GHI CHÚ:**

— Ranh giới khu đất được xác định theo các điểm góc (Hệ tọa độ VN 2000) trong mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đô thị mới Yến Sơn, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá được UBND tỉnh Thanh Hoá phê tại quyết định số: 4994/QĐ-UBND ngày 08/12/2021.

— Nền Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2013

LUK 210/4057.3 Nhân thửa Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2013

M1. Mốc giới thực hiện dự án được xác định ngoài thực địa

\*Trích lục theo công văn số:18/TTYT ngày 01/3/2023 của Trung tâm Y tế huyện Hà Trung về việc trích lục thửa đất của TTYT huyện Hà Trung trên địa bàn xã Yến sơn

**CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI HUYỆN HÀ TRUNG**

Hà Trung, ngày 03 tháng 3 năm 2023  
NGƯỜI THỰC HIỆN

Hà Trung, ngày 03 tháng 3 năm 2023  
GIÁM ĐỐC

*Nguyễn Thị Mao*

*Trình Văn Dương*



2212  
800

2212  
800

2212  
700

2212  
700

589 400

500

600

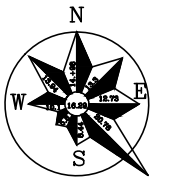
589 700



# TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA  
HẠNG MỤC: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HOÀNG HÓA

MÔ TẢ - KEY PLAN :



## KÝ HIỆU:

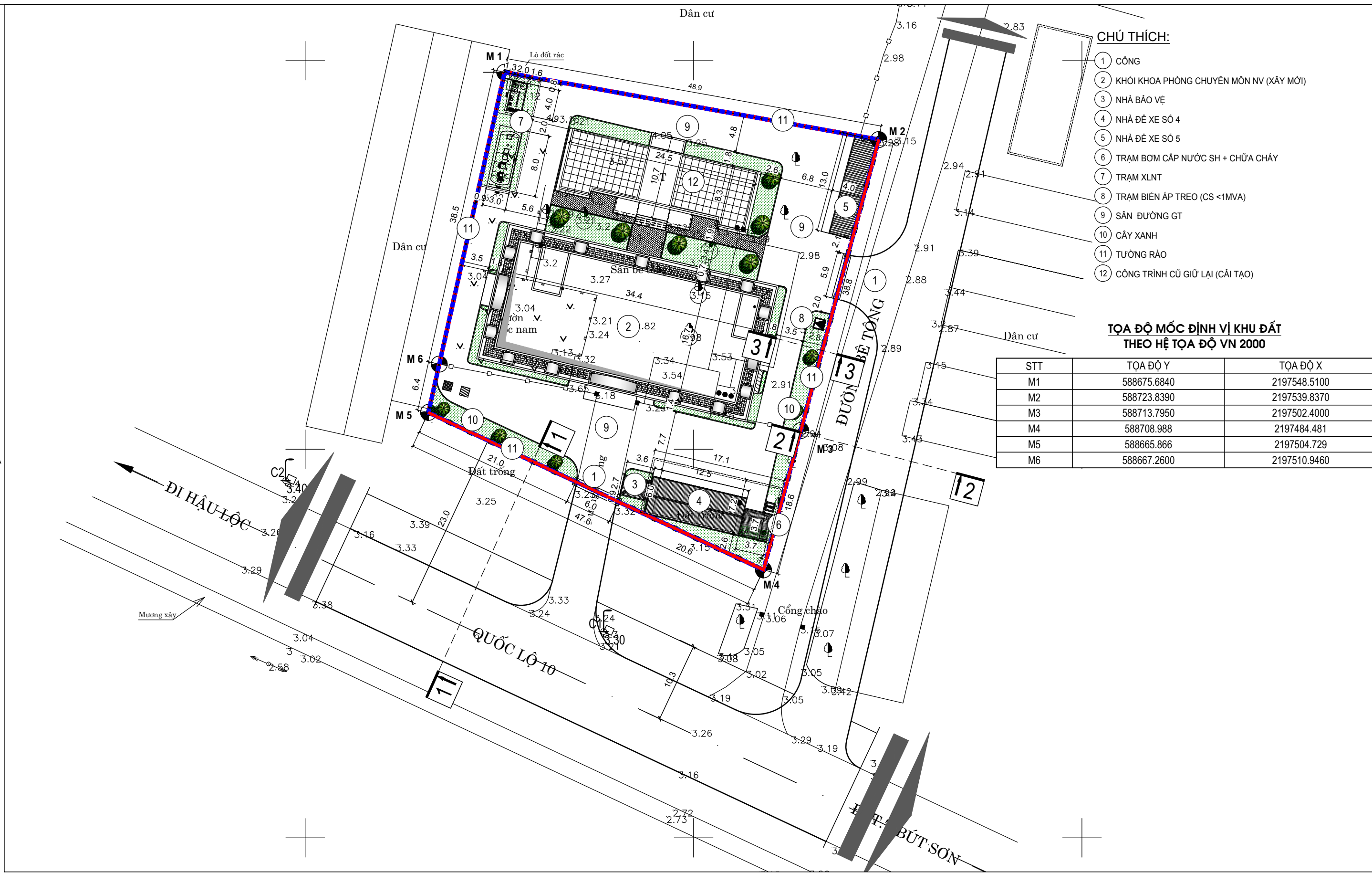
- RANH GIỚI KHU ĐẤT CÓ DT = 2440,71 M2  
XÁC ĐỊNH BỞI CÁC MỐC GIỚI TỬ M1, M2, ...M6
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- + MỐC RANH GIỚI KHU ĐẤT
- + MỐC ĐỊNH VỊ CÔNG TRÌNH
- TƯỜNG RÀO HOA SẮT
- HÀNG RÀO TRỤ BT + LƯỚI B40
- ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- BÓN HOA, CÂY XANH
- SÀN LÁT GẠCH TERRAZZO
- CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

## PHẠM VI RANH GIỚI:

- HƯỚNG ĐÔNG: GIÁP ĐƯỜNG BÊ TÔNG
- HƯỚNG TÂY: GIÁP KHU DÂN CƯ
- HƯỚNG NAM: GIÁP QUỐC LỘ 10
- HƯỚNG BẮC: GIÁP KHU DÂN CƯ

## VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NÓI:

- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NÓI ĐIỆN
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NÓI CẤP NƯỚC
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NÓI THOÁT NƯỚC MƯA
- VỊ TRÍ DỰ KIẾN ĐẦU NÓI THOÁT THẢI



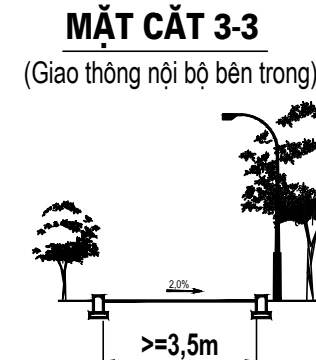
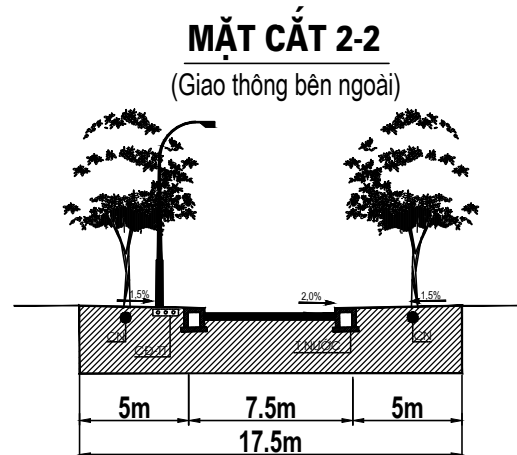
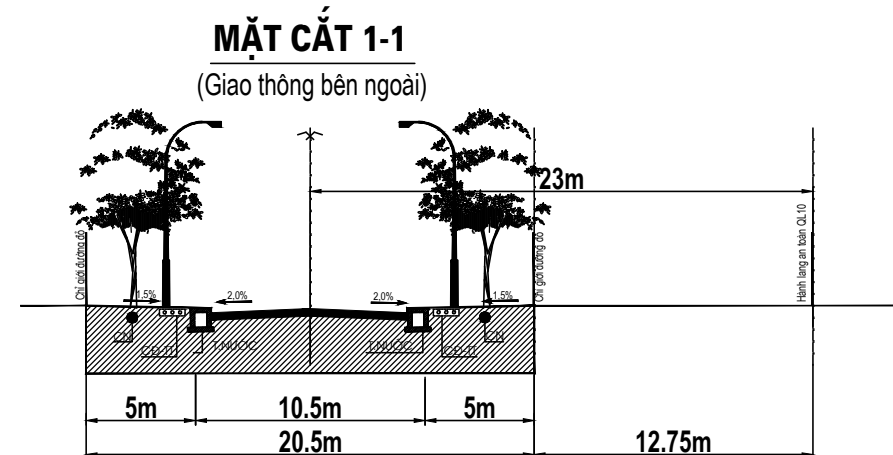
## CHÚ THÍCH:

- 1 CÔNG
- 2 KHỐI KHOA PHÒNG CHUYÊN MÔN NV (XÂY MỚI)
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ ĐỂ XE SỐ 4
- 5 NHÀ ĐỂ XE SỐ 5
- 6 TRẠM BƠM CẤP NƯỚC SH + CHỮA CHÁY
- 7 TRẠM XLNT
- 8 TRẠM BIẾN ÁP TREO (CS <1MVA)
- 9 SÂN ĐƯỜNG GT
- 10 CÂY XANH
- 11 TƯỜNG RÀO
- 12 CÔNG TRÌNH CỤ GIỮ LẠI (CẢI TẠO)

## TỌA ĐỘ MỐC ĐỊNH VỊ KHU ĐẤT THEO HỆ TỌA ĐỘ VN 2000

STT	TỌA ĐỘ Y	TỌA ĐỘ X
M1	588675.6840	2197548.5100
M2	588723.8390	2197539.8370
M3	588713.7950	2197502.4000
M4	588708.988	2197484.481
M5	588665.866	2197504.729
M6	588667.2600	2197510.9460

## CÁC MẶT CẮT ĐƯỜNG:



## BẢNG QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

TT	Nội dung	Kí hiệu	Diện tích XD (m2)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao (tầng)	Diện tích sàn (m2)	Hệ số SDD (lần)
	<b>Diện tích khu đất</b>		<b>2,440.71</b>	<b>100.00</b>			
I	Công trình xây dựng		<b>961.00</b>	<b>39.37</b>		<b>2,297.12</b>	<b>2.00</b>
1	Công trình chính (Khối khoa phòng chuyên môn nghiệp vụ)		<b>802.00</b>			<b>2,138.12</b>	
	Công trình xây dựng mới	2	610.00		3-5	1,754.12	
	Công trình hiện trạng cũ giữ lại (cải tạo)	12	192.00		2	384.00	
2	Công trình phụ trợ & HTKT		<b>159.00</b>			<b>159.00</b>	
	Nhà bảo vệ	3	10.00		1	10.00	
	Nhà để xe số 4	4	75.00		1	75.00	
	Nhà để xe số 5	5	52.00		1	52.00	
	Trạm bơm cấp nước SH + nước chữa cháy (phần xây nổi)	6	14.00		1	14.00	
	Trạm xử lý nước thải (phần xây nổi)	7	8.00		1	8.00	
	Trạm biến áp treo (Công suất <1MVA)	8					
	Cổng	1				02 cái	
	Tường rào	11					
	+ Tường rào hoa sắt					105 md	
	+ Tường rào (trụ BT + lưới thép B40)					93.8 md	
II	Giao thông	9	<b>927.10</b>	<b>37.98</b>			
III	Cây xanh	10	<b>552.61</b>	<b>22.64</b>			

CHÍNH LÝ - EDIT :

- 1
- 2
- 3
- 4
- 5

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA:

KÈM THEO: NGÀY THÁNG NĂM

CHỦ ĐẦU TƯ / MASTER DEVELOPER:

BQLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP TỈNH THANH HÓA  
ĐỊA CHỈ: TẦNG 3 TRỤ SỞ HỢP KHỐI CÁC BÓN VỊ SỰ NGHIỆP, ĐƯỜNG LÝ NAM ĐỀ, PHƯỜNG ĐÔNG HƯƠNG, THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

KÈM THEO: NGÀY THÁNG NĂM

DỰ ÁN / PROJECT:

DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ TUYẾN HUYỆN TỈNH THANH HÓA

CÔNG TRÌNH / CONSTRUCTION:

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HOÀNG HÓA

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG / SITE LOCATION:  
XÃ HOÀNG ĐỨC, HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

TÊN BẢN VẼ / DRAWING:  
**QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ: 1/500**

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ PROJECT LEADER: THS. KTS. TRẦN MẠNH HÙNG

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC DESIGNED LEADER: KTS. NGUYỄN THỊ THU TRANG

Q.L. KỸ THUẬT CHECKED BY: THS. KTS. TRẦN MẠNH HÙNG

THIẾT KẾ KIẾN TRÚC DESIGNED DRAWING BY: KTS. TRẦN THỤ PHƯƠNG

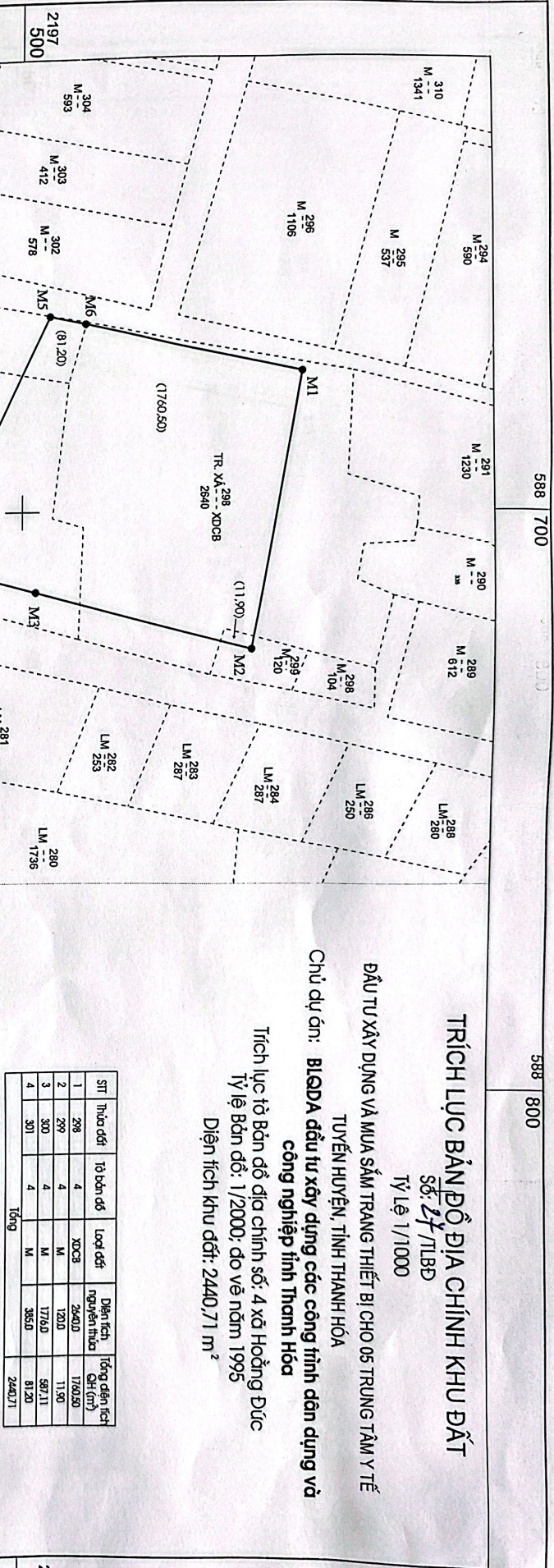
CÔNG TY CP TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ BÔNG SEN VÀNG BONG SEN VANG INVESTMENT - CONSULTANCY JSC

ĐỊA CHỈ: SỐ 18/21/77 - NGÕ 18 ĐINH CÔNG HẠ - P. ĐINH CÔNG - Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI  
ADDRESS: NO. 18/21/77 - NGÕ 18 ĐINH CÔNG HẠ - ĐINH CÔNG WARD - HOANG MAI DISTRICT - HA NOI CITY

GIÁM ĐỐC DIRECTOR: *Trần Thị Hoàng Ninh*

NGÀY: / / 2023  
TÊN BẢN VẼ: 1/500  
BẢN VẼ: QH-01





**TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT**

Số: 27/TLBD  
Tỷ lệ 1/1000

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ MUA SẴM TRANG THIẾT BỊ CHO 05 TRUNG TÂM Y TẾ

TUYÊN HUYỆN, TỈNH THANH HÓA

Chủ dự án: **BLADA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Thanh Hóa**

Tích lục tờ Bản đồ địa chính số: 4 xã Hoàng Đức

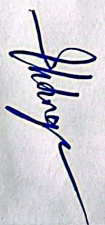
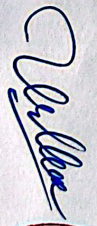
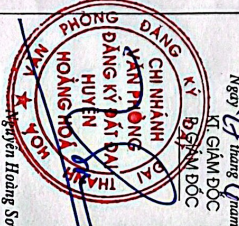
Tỷ lệ Bản đồ: 1/2000, do vẽ năm 1995

Diện tích khu đất: 2440,71 m<sup>2</sup>

STT	thửa đất	tô bán đất	Loại đất	Diện tích thửa	Tổng diện tích thửa (m <sup>2</sup> )
1	298	4	XDCB	2640	1760,50
2	299	4	M	120	11,90
3	300	4	M	1760	597,11
4	301	4	M	385	81,20
Tổng					2440,71

\* Lưu ý: Bản đồ được chỉ được vẽ 01 lần, khi công dân muốn thay đổi kết quả theo yêu cầu, hoặc làm mất... thì phải làm lại hợp đồng dịch vụ và nộp lại phí theo quy định.

CHI NHANH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐẠI HUYỆN HOÀNG HÓA

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 NGƯỜI THỰC HIỆN  Trương Ngọc Tăng	Ngày 27 tháng 9 năm 2023 NGƯỜI KIỂM TRA  Lê Thanh Hải	Ngày 27 tháng 9 năm 2023 KI. GIÁM ĐỐC  Nguyễn Hoàng Sơn
--	---	---

BẢNG TỌA ĐỘ BẢNG GIỚI MỐC GIỚI KHU ĐẤT (TỌA ĐỘ VN 2000)

STT	Tên mốc	X(m)	Y(m)
1	M1	2197548,5100	589675,6940
2	M2	2197550,8370	589723,8990
3	M3	2197552,4000	589713,7990
4	M4	2197484,4810	589708,0990
5	M5	2197552,7200	589645,6660
6	M6	2197510,9460	589647,2600

QUỐC LỘ  
 Bản đồ này chỉ được sử dụng làm cơ sở để các bên liên quan (nếu có) tham khảo và không được coi là tài liệu pháp lý.  
 Bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam lập năm 1995.  
 Mọi chi tiết xin liên hệ Văn phòng Đăng ký đất đai Huyện Hoàng Hóa.

588 700

588 800

2197 500

2197 500